

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO
TẠO NGÀNH**

QUẢN LÝ KINH TẾ BẠC THẠC SĨ

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của
Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Hà Nội – Tháng 1 năm 2022

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN

Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế bậc thạc sĩ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2047 /QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	GS.TS Trần Văn Chứ	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	PGS.TS Bùi Thế Đồi	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch	
3	TS. Bùi Thị Minh Nguyệt	Trưởng Khoa KT&QTKD	Phó CT TT	
4	TS. Nguyễn Thị Hải Ninh	Trợ lý SDH Khoa	Thư ký	
5	PGS.TS Cao Quốc An	Chủ tịch Hội đồng trường	Thành viên	
6	PGS.TS Đồng Thanh Hải	Trưởng phòng ĐTSĐH	Thành viên	
7	TS. Lê Ngọc Hoàn	Phó trưởng phòng Đào tạo	Thành viên	
8	ThS. Nguyễn Hữu Cương	Trưởng phòng KT&ĐBCL	Thành viên	
9	TS. Nguyễn Văn Hợp	PTK KT&QTKD	Thành viên	
10	PGS.TS Nguyễn Văn Tuấn	GVCC BM QTDN	Thành viên	
11	PGS.TS Trần Thị Thu Hà	PTK KT&QTKD	Thành viên	
12	TS. Nguyễn Tiến Thao	Trưởng BM Kinh tế	Thành viên	
13	TS. Nguyễn Thị X. Hương	Trưởng BM QTDN	Thành viên	
14	TS. Phạm Thị Huế	Giám đốc TT CTXH&PTCĐ	Thành viên	

15	TS. Đoàn Thị Hân	Giám đốc TT ĐTTV&HTDN	Thành viên	
16	TS. Hoàng Vũ Hải	Trưởng BM TCKT	Thành viên	
17	ThS. Bùi Quang Hưng	Trưởng BM Ngoại ngữ	Thành viên	
18	ThS. Bùi Thị T. Huyền	Trợ lý Khoa KT&QTKD	Thành viên	
19	TS. Trần Văn Hùng	Trưởng Khoa Kinh tế, Phân hiệu ĐHLN Đồng Nai	Thành viên	
20	TS. Đào Thị Thuỳ Dương	Phó trưởng phòng KHCN, Phân hiệu ĐHLN Đồng Nai	Thành viên	
21	Nguyễn Như Vân	Học viên cao học QK28B1.1	Thành viên	

(Danh sách gồm có 21 người)

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	vi
DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ	viii
Phần I. KHÁI QUÁT	1
1. Đặt vấn đề	1
1. Tổng quan chung.....	6
PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....	15
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	15
Mở đầu:	
Tiêu chí 1.1.	15
Tiêu chí 1.2.	18
Tiêu chí 1.3	23
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo.....	26
Tiêu chí 2.1.	26
Tiêu chí 2.2.	29
Tiêu chí 2.3.	31
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	33
Tiêu chí 3.1.	33
Tiêu chí 3.2.	35
Tiêu chí 3.3	39
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học.....	42
Tiêu chí 4.1.	42
Tiêu chí 4.2.	43
Tiêu chí 4.3.	46
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học.....	50
Tiêu chí 5.1.	50
Tiêu chí 5.2.	53
Tiêu chí 5.3	54
Tiêu chí 5.4	55
Tiêu chí 5.5.	56

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	58
Tiêu chí 6.1.	59
Tiêu chí 6.2.	62
Tiêu chí 6.3.	70
Tiêu chí 6.4	72
Tiêu chí 6.5.	74
Tiêu chí 6.6	76
Tiêu chí 6.7	79
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	82
Tiêu chí 7.1	82
Tiêu chí 7.2	88
Tiêu chí 7.3	91
Tiêu chí 7.4	95
Tiêu chí 7.5	98
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	101
Tiêu chí 8.1:	101
Tiêu chí 8.2	102
Tiêu chí 8.3	104
Tiêu chí 8.4	106
Tiêu chí 8.5	107
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	110
Tiêu chí 9.1	110
Tiêu chí 9.2	112
Tiêu chí 9.3	114
Tiêu chí 9.4	116
Tiêu chí 9.5	117
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng	120
Tiêu chí 10.1.	121
Tiêu chí 10.2.	121
Tiêu chí 10.3	122
Tiêu chí 10.4.	123
Tiêu chí 10.5.	124
Tiêu chí 10.6.	125

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra.....	126
Tiêu chí 11.1	127
Tiêu chí 11.2.	127
Tiêu chí 11.3.	128
Tiêu chí 11.4	129
Tiêu chí 11.5	130
PHẦN III. KẾT LUẬN	132
146	
PHẦN IV. PHỤ LỤC	148

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TT	TỪ VIẾT TẮT	GIẢI THÍCH
1	BM	Bộ môn
2	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
3	CBVC	Cán bộ viên chức
4	CĐR	Chuẩn đầu ra
5	CNTT	Công nghệ thông tin
6	CSVC	Cơ sở vật chất
7	CT&CTSV	Chính trị và công tác sinh viên
8	CTDH	Chương trình dạy học
9	CTĐT	Chương trình đào tạo
10	CTXH&PTCĐ	Công tác xã hội và phát triển cộng đồng
11	CVHT	Cổ vấn học tập
12	ĐCCT	Đề cương chi tiết
13	ĐHLN	Đại học Lâm nghiệp
14	ĐTSDH	Đào tạo sau đại học
15	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
16	GDĐH	Giáo dục đại học
17	GV	Giảng viên
18	HV	Học viên
19	HTQT	Hợp tác quốc tế
20	KH&CN	Khoa học và công nghệ
21	KHCN	Khoa học công nghệ
22	KQHT	Kết quả học tập
23	KTCL	Kiểm tra chất lượng
24	KTĐG	Kiểm tra đánh giá

TT	TỪ VIẾT TẮT	GIẢI THÍCH
25	KTKĐCLĐT	Khảo thí kiểm định chất lượng đào tạo
26	KT&ĐBCL	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
27	KT&QTKD	Kinh tế và quản trị kinh doanh
28	LĐHĐ	Lao động hợp đồng
29	LVTN	Luận văn tốt nghiệp
30	MC	Minh chứng
31	NCKH	Nghiên cứu khoa học
32	NCV	Nghiên cứu viên
33	NN&PTNT	Nông nghiệp và phát triển nông thôn
34	NVHT	Nhân viên hỗ trợ
35	QĐ	Quyết định
36	QLKT	Quản lý kinh tế
37	QTDN	Quản trị doanh nghiệp
38	QTKD	Quản trị kinh doanh
39	QTTB	Quản trị thiết bị
40	SHHT	Sinh hoạt học thuật
41	SV	Sinh viên
42	TC	Tín chỉ
43	TCCB	Tổ chức cán bộ
44	TCHC	Tổ chức hành chính
45	TCKT	Tài chính kế toán

DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ

Phần I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

a. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo

Với mục tiêu trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ hàng đầu và đa ngành của Việt Nam về các lĩnh vực lâm nghiệp, chế biến lâm sản và phát triển nông thôn, quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; mỹ thuật và kiến trúc cảnh quan, kỹ thuật - công nghệ nhằm cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao, có ảnh hưởng mang tính quyết định đến nguồn nhân lực lâm nghiệp và phát triển nông thôn của cả nước, đóng góp vào sự nghiệp phát triển bền vững của đất nước, Trường Đại học Lâm nghiệp (ĐHLN) luôn chủ động xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo (CTĐT) đáp ứng được mục tiêu nêu trên. Việc triển khai xây dựng, thực hiện đào tạo và vận hành chương trình thạc sĩ Quản lý kinh tế (QLKT) theo chủ trương của Trường ĐHLN là một trong những nhiệm vụ cung cấp nguồn nhân lực cho hoạt động quản lý kinh tế của các lĩnh vực trong nền kinh tế quốc dân theo nhu cầu xã hội mà Nhà trường thực hiện thành công từ năm 2015.

Sau 06 năm vận hành CTĐT ngành QLKT bậc thạc sĩ, để đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội, cải tiến CTĐT theo hướng nâng cao chất lượng đào tạo và tuân thủ yêu cầu của Luật Giáo dục đại học, Nhà trường đã đăng ký đánh giá chất lượng CTĐT QLKT bậc thạc sĩ theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo với Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành QLKT bậc thạc sĩ của Trường ĐHLN là sự tổng hợp các nội dung về điểm mạnh, những mặt còn tồn tại và hướng khắc phục những tồn tại này mà các cá nhân và bộ phận liên quan của Nhà trường đã tham gia xây dựng, vận hành và triển khai chương trình nhìn nhận và tổng hợp.

Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành QLKT bậc thạc sĩ của Trường ĐHLN được cấu trúc thành 04 phần như sau:

Phần I. Khái quát: Cung cấp các thông tin cơ bản về báo cáo tự đánh giá CTĐT và mô tả ngắn gọn về mục đích, quy trình, phương pháp và công cụ đánh giá; sự tham gia của các bên liên quan và cách thức tổ chức các thành phần này trong quá trình tự đánh giá CTĐT; tổng quan chung về Trường ĐHLN và Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh (KT&QTKD) là đơn vị thực hiện nhiệm vụ đào tạo ngành QLKT bậc thạc sĩ.

Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí: Bao gồm các nội dung tự đánh giá theo 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí, mỗi phần bao gồm mô tả, điểm mạnh, điểm tồn tại, kế hoạch cải tiến và đánh giá trên thang điểm của mỗi tiêu chuẩn, tiêu chí.

Phần III. Kết luận

Phần IV. Phụ lục

Nội dung chính của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành QLKT bậc thạc sĩ tập trung vào Phần II- Tự đánh giá theo 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí, trong đó với mỗi tiêu chí được trình bày như sau:

- *Mô tả*: Hiện trạng CTĐT ngành QLKT bậc thạc sĩ theo yêu cầu nội hàm của từng tiêu chí, viết theo mốc chuẩn với các minh chứng tương ứng.

- *Điểm mạnh*: Nêu và phân tích những điểm mạnh nổi bật trong thực hiện các hoạt động của CTĐT của từng tiêu chí so với mốc chuẩn.

- *Điểm tồn tại*: Nêu và phân tích những vấn đề còn tồn tại và bất cập trong việc thực hiện các hoạt động của CTĐT so với yêu cầu của tiêu chí và mốc chuẩn.

- *Kế hoạch hành động*: Đề xuất các kế hoạch cụ thể để khắc phục những mặt còn tồn tại, cải tiến và phát huy liên tục nhằm nâng cao chất lượng CTĐT.

- *Tự đánh giá*: Tự đánh giá mức độ đạt yêu cầu của tiêu chí theo thang đo quy định từ mức 1 đến 7.

Mã thông tin và minh chứng (MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự bao gồm 1 chữ cái, 3 dấu chấm và 7 chữ số. Cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân theo công thức sau: **Hn.ab.cd.ef**, trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng”, là minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp.

- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký tự có 12 ký tự trở lên).

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10).

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10).

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ:

- H01.01.01 là minh chứng thứ nhất thuộc tiêu chí 1, tiêu chuẩn 1, đặt ở Hộp 1.

- H03.02.09 là minh chứng thứ 9 thuộc tiêu chí 2, tiêu chuẩn 3, đặt ở Hộp 3.

- H10.03.06 là minh chứng thứ 6 thuộc tiêu chí 3, tiêu chuẩn 10, đặt ở Hộp 10.

b. Mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ tự đánh giá

• **Mục đích của tự đánh giá:** Mục đích của tự đánh giá CTĐT ngành QLKT bậc thạc sĩ là giúp Nhà trường và đơn vị đào tạo tự xem xét, tự kiểm tra, xác định được hiện trạng, điểm mạnh, điểm yếu của CTĐT đối với từng tiêu chí, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và thực hiện các biện pháp nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành.

Tự đánh giá là bước quan trọng trong quá trình kiểm định chất lượng giáo dục vì vậy bản báo cáo tự đánh giá này là một văn bản quan trọng để Nhà trường cam kết thực hiện các hoạt động cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục cho CTĐT, đáp ứng với từng tiêu chí mà kế hoạch đã đề ra.

• **Quy trình tự đánh giá:** Quy trình tự đánh giá CTĐT ngành QLKT bậc thạc sĩ của Trường DHLN được thực hiện đúng với quy trình do Bộ GD&ĐT hướng dẫn:

- (1) Thành lập hội đồng tự đánh giá;
- (2) Lập kế hoạch tự đánh giá;
- (3) Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng;
- (4) Viết báo cáo tự đánh giá;
- (5) Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá;
- (6) Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

• **Phương pháp, công cụ đánh giá:**

Quá trình tự đánh giá CTĐT ngành QLKT bậc thạc sĩ được thực hiện theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-Bộ GD&ĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT và công văn hướng dẫn số 1074 & 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục. Tất cả các bước nêu trên đều được thực hiện đúng hướng dẫn, đảm bảo dân chủ, công khai và khoa học.

Để tổ chức thực hiện công tác tự đánh giá, ngày 20/4/2020 Hiệu trưởng Trường DHLN đã ban hành Quyết định số 617/QĐ-ĐHLN-TCCB về việc thành lập hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành QLKT bậc thạc sĩ và Quyết định số 2047/QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 25/11/2021 về việc điều chỉnh, bổ sung nhân sự Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành QLKT bậc thạc sĩ.

Hội đồng tự đánh giá có 21 người gồm Hiệu trưởng là chủ tịch hội đồng, Phó hiệu trưởng và Trưởng Khoa KT&QTKD là phó chủ tịch, các thành viên bao gồm Chủ tịch Hội đồng trường, lãnh đạo các phòng Đào tạo sau đại học (ĐTSDH), Phòng Đào tạo, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng (KT&ĐBCL), lãnh đạo Khoa KT&QTKD, trưởng các bộ môn và trung tâm của Khoa, lãnh đạo Phòng Khoa học công nghệ (KHCN)

và Khoa Kinh tế của Phân hiệu Trường ĐHLN tỉnh Đồng Nai, đại diện học viên K28 ngành QLKT. Ban thư ký 5 người và 6 nhóm công tác chuyên trách gồm lãnh đạo và các giảng viên của Khoa KT&QTKD.

Ngày 4/5/2020 Hiệu trưởng Trường ĐHLN đã ban hành Kế hoạch tự đánh giá CTĐT ngành QLKT bậc thạc sĩ với các nội dung chi tiết như mục đích, phạm vi tự đánh giá, công cụ tự đánh giá, phân công nhiệm vụ của các nhóm công tác chuyên trách, kế hoạch huy động các nguồn lực về nhân lực, cơ sở vật chất và tài chính cho công tác tự đánh giá, kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT và thời gian biểu cho việc thực hiện đánh giá ngoài.

Đề báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, hội đồng tự đánh giá đã tiến hành bằng nhiều phương pháp khác nhau trong đó chủ yếu là khảo sát thực tế tất cả các mặt của CTĐT liên quan đến nội dung bộ tiêu chí như thu thập minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích các dữ liệu có liên quan để viết báo cáo tự đánh giá. Việc thu thập các minh chứng cho từng tiêu chí được Hội đồng xác định và phân công cụ thể cho các nhóm công tác chuyên môn với nội dung yêu cầu và thời gian biểu, đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ của quá trình đánh giá. Sau khi các nhóm công tác chuyên môn hoàn thành việc thu thập và đánh giá các tiêu chí với danh mục minh chứng được xác định đầy đủ, Hội đồng tự đánh giá tiến hành viết báo cáo. Báo cáo tự đánh giá là công trình tập trung trí tuệ tập thể và sự tham gia hiệu quả của Hội đồng tự đánh giá, các nhóm công tác chuyên môn và các bên liên quan.

Sự tham gia của các bên liên quan trong hoạt động tự đánh giá

Chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế bậc thạc sĩ được xây dựng từ chủ trương của Trường ĐHLN vào năm 2015 và giao cho KT&QTKD là đơn vị xây dựng chương trình và phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đào tạo tuyển sinh khoá đầu tiên vào năm 2016. Trong quá trình tự đánh giá Khoa KT&QTKD là đơn vị đóng vai trò chính trong các nội dung liên quan đến vận hành, triển khai, rà soát và cải tiến chương trình. Phòng Đào tạo sau đại học (ĐTSĐH) và Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng (KT&ĐBCL) là hai đơn vị tham gia xuyên suốt vào quá trình tự đánh giá CTĐT ngành QLKT bậc thạc sĩ. Bên cạnh đó là sự tham gia và đóng góp nhất định của các đơn vị và cá nhân liên quan tại trường.

Bảng 0.1. Sự tham gia của các bên liên quan trong hoạt động tự đánh giá

TT	Đơn vị	Tham gia trong hoạt động tự đánh giá
1	Khoa KT&QTKD	- Đánh giá về CTĐT, đề cương và bài giảng các học phần. - Đánh giá các hoạt động về vận hành CTĐT, rà soát và cải tiến chương trình, các kế hoạch phân công giảng dạy, thủ tục/quy trình phân công giảng dạy/mời giảng. - Đánh giá về đội ngũ GV đã tham gia giảng dạy, các hoạt động đánh giá kết quả học tập, tư vấn người học trong quá trình giảng dạy. - Đánh giá về cơ sở vật chất và tài liệu học tập và giảng dạy.
2	Phòng ĐTSĐH	- Đánh giá các hoạt động phối hợp với Khoa KT&QTKD và Phòng KT&ĐBCL trong việc phổ biến thông tin tuyển sinh, tuyển sinh, hỗ trợ người học, các quy trình đánh giá kết quả các học phần, xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp. - Cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến các hoạt động nêu trên cho nhóm viết báo cáo tự đánh giá.
3	Phòng KT&ĐBCL	- Lập kế hoạch cho hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài cho chương trình, là đầu mối kết nối và triển khai các nội dung của kế hoạch. - Cung cấp các thông tin về đánh giá khảo sát chất lượng dịch vụ, đánh giá mức độ hài lòng về giảng viên. - Tham gia viết báo cáo tự đánh giá.
4	Các phòng chức năng	- Mô tả, rà soát các hoạt động của đơn vị có liên quan đến hỗ trợ chương trình ngành QLKT bậc thạc sĩ, hướng tới đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng phục vụ cho việc vận hành chương trình. - Cung cấp các thông tin liên quan đến các hoạt động nêu trên cho nhóm viết báo cáo tự đánh giá.
5	Các bên liên quan khác	- Các bên liên quan khác bao gồm giảng viên, nhân viên và học viên tham gia vào việc đưa ra nhận xét, đánh giá về CTĐT và tổ chức các hoạt động đào tạo, giúp xác định được những điểm mạnh, điểm tồn tại trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ

TT	Đơn vị	Tham gia trong hoạt động tự đánh giá
		giảng dạy & học tập, trên cơ sở đó nhóm thực hiện chương trình và cải tiến chương trình đề nghị các hoạt động điều chỉnh phù hợp. - Ý kiến khảo sát từ các đối tượng này được tổng hợp và cung cấp đầy đủ cho nhóm viết báo cáo tự đánh giá.

2. Tổng quan chung

a. Trường Đại học Lâm nghiệp

Trường Đại học Lâm nghiệp (ĐHLN) được thành lập năm 1964 theo Quyết định số 127/CP ngày 19/8/1964 của Hội đồng Chính phủ. Nhà trường được Nhà nước giao nhiệm vụ đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực bậc đại học và sau đại học về lĩnh vực lâm nghiệp và phát triển nông thôn, thực hiện các hoạt động khoa học công nghệ trong lĩnh vực sinh thái rừng và môi trường, lâm nghiệp cộng đồng, chế biến lâm sản, công nghiệp phát triển nông thôn phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn đồng bằng, thành thị, trung du, miền núi cả nước. Trường là một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học chất lượng cao của cả nước về lĩnh vực lâm nghiệp và phát triển nông thôn, phấn đấu từng bước trở thành trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực, hội nhập bình đẳng với các trường đại học trong khu vực và trên thế giới.

Giai đoạn từ 1964 đến 1984: Trường đặt trụ sở tại khu sơ tán Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Giai đoạn này Trường thực hiện nhiệm vụ đào tạo nhân lực bậc đại học cho ngành Lâm nghiệp, toàn trường có 03 khoa, đào tạo 04 ngành học trong lĩnh vực Lâm nghiệp trong đó có ngành Kinh tế lâm nghiệp.

Giai đoạn 1984 đến nay, Trường có trụ sở tại thị trấn Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội. Trong giai đoạn này, Nhà trường đã thực hiện chiến lược phát triển thành trường đại học đa ngành, đa cấp, đa lĩnh vực để đáp ứng nhu cầu nhân lực và giải quyết các nhiệm vụ khoa học công nghệ của đất nước.

Năm 2008 Trường thành lập Cơ sở 2 đặt tại thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, trên cơ sở sáp nhập và nâng cấp trường Trung học Lâm nghiệp số 2 thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT để thực hiện đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực về lâm nghiệp cho các tỉnh phía Nam. Năm 2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký Quyết định thành lập Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại Đồng Nai.

Ngày 26/3/2020, Cơ sở Tây Nguyên tại tỉnh Gia Lai trực thuộc Trường Đại học Lâm nghiệp được thành lập theo Quyết định số 475/QĐ-ĐHLN-TCCB. Cơ sở Tây

Nguyên tại tỉnh Gia Lai của Trường Đại học Lâm nghiệp đóng tại phường Chi Lăng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai với nhiệm vụ là đào tạo cán bộ có trình độ đại học và sau đại học trong lĩnh vực Lâm – Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; tham gia tích cực vào việc ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật nông, lâm nghiệp để đẩy mạnh sản xuất ở các tỉnh vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Tính đến 31 tháng 12 năm 2021, Trường Đại học Lâm nghiệp có 956 cán bộ, viên chức và hợp đồng lao động, trong đó cơ sở chính tại Hà Nội có 684 người, Phân hiệu tại Đồng Nai có 211 người và Phân hiệu tại tỉnh Gia Lai có 61 người. Toàn trường có **613** giảng viên cơ hữu, trong đó: (1) Phân theo trình độ: có 164 tiến sĩ, 391 thạc sĩ, 59 đại học; (2) Phân theo mã số hạng chức danh nghề nghiệp: 35 giảng viên cao cấp, 78 giảng viên chính, 500 giảng viên, (3) Phân theo học hàm: có 03 Giáo sư, 31 Phó giáo sư.

Nhà trường hiện có cơ cấu tổ chức, bộ máy gồm 3 cấp: Ban Giám hiệu; cấp phòng, ban, khoa và tương đương; cấp bộ môn và tương đương.

- Các phòng, ban chức năng:

- + Phòng Đào tạo;
- + Phòng Đào tạo sau đại học;
- + Phòng Khoa học và công nghệ;
- + Phòng Hợp tác quốc tế;
- + Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng;
- + Phòng Tổ chức cán bộ;
- + Phòng Hành chính Tổng hợp;
- + Phòng Tài chính kế toán;
- + Phòng Chính trị và Công tác sinh viên;
- + Phòng Quản trị thiết bị;
- + Phòng Quản lý đầu tư;
- + ban này thuộc phòng HCTH

- Các khoa và viện chuyên môn thực hiện nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu, sản xuất và chuyển giao công nghệ:

- + Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh;
- + Khoa Lâm học;
- + Khoa Quản lý tài nguyên rừng và môi trường;
- + Khoa Cơ điện và công trình;

- + Khoa Lý luận chính trị;
- + Viện Công nghiệp gỗ và nội thất;
- + Viện Công nghệ sinh học lâm nghiệp;
- + Viện Kiến trúc cảnh quan và cây xanh đô thị;
- + Viện Quản lý đất đai và Phát triển nông thôn.

- Các đơn vị khác phục vụ cho hoạt động đào tạo gồm Trung tâm Thông tin khoa học và Thư viện, Trung tâm giáo dục thể chất; Trung tâm dịch vụ; Trung tâm Ngoại ngữ-Tin học.

Từ năm 2018, Trường Trung học phổ thông Lâm nghiệp được thành lập trực thuộc Trường ĐHLN.

Nhà trường không ngừng thúc đẩy, củng cố và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế với trên 50 trường đại học, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và các tổ chức quốc tế ở nhiều nước trên thế giới như: Mỹ, CHLB Đức, Thụy Điển, Thụy Sĩ, CHLB Nga, Phần Lan, Hà Lan, Trung Quốc, Nhật Bản, CHDCND Lào, Campuchia, Thái Lan, Philippin, Úc, Canada, Malaysia, Nepal... và các tổ chức quốc tế như: GTZ/GIZ, JICA, FAO, UNDP, IUCN, WB, WWF, ITTO, InWent, ICRAF...

Với những thành tựu đã đạt được, Trường ĐHLN đã được tặng nhiều danh hiệu cao quý: Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới năm 2009; Huân chương Độc lập hạng Nhất năm 2014, hạng Nhì năm 2004, hạng Ba năm 1994; Huân chương Lao động hạng Nhất năm 1989, hạng Ba năm 1984 và 1996; Huân chương Lao động hạng Nhì năm 2006 cho Cơ sở 2; Cờ Thi đua của Chính phủ năm 2008. Trường cũng được Nhà nước CHDCND Lào tặng: Huân chương Tự do năm 1984; Huân chương Hữu nghị năm 2000. Trường còn được tặng cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 1993; Bộ Quốc phòng năm 2000; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (năm 2003, 2007, 2013) và nhiều Bằng khen của các Bộ, Ban, Ngành, các đơn vị hành chính tỉnh, huyện...

- **Sứ mạng:**

- Trường ĐHLN là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ hàng đầu ở Việt Nam về lĩnh vực lâm nghiệp, chế biến lâm sản và phát triển nông thôn, quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; kỹ thuật và kiến trúc cảnh quan, kỹ thuật – công nghệ.

- Trường ĐHLN cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao, có ảnh hưởng mang tính quyết định đến nguồn nhân lực lâm nghiệp của cả nước, đóng góp vào sự nghiệp phát triển bền vững của đất nước.

- **Tầm nhìn:**

- Trở thành trường đại học đầu ngành của cả nước về lĩnh vực lâm nghiệp, chế biến lâm sản và phát triển nông thôn, về quản lý tài nguyên rừng và môi trường, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai ngang tầm các trường đại học tiên tiến trong khu vực châu Á về các mặt: môi trường làm việc, học tập và nghiên cứu; chất lượng đào tạo, trong đó chú trọng đào tạo đại học hệ chính quy, sau đại học và liên kết đào tạo quốc tế, kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

- Phát triển một số ngành theo định hướng nghiên cứu, một số ngành theo định hướng ứng dụng hoặc thực hành.

- Các yếu tố tạo thương hiệu cho Trường ĐHLN là môi trường văn hóa trí thức, chất lượng đào tạo sau đại học và đại học chính quy, xuất bản ấn phẩm khoa học (đặc biệt là ấn phẩm khoa học quốc tế và giáo trình), chuyển giao công nghệ, năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế, thành tích khoa bảng của sinh viên, danh tiếng của cựu sinh viên và của đội ngũ giảng viên, nhà khoa học.

- Mở rộng thêm nhiều ngành nghề ngoài lĩnh vực lâm nghiệp để Trường ĐHLN phát huy tốt hơn các tiềm năng, thế mạnh và tận dụng cơ hội, khắc phục các điểm yếu và giảm thiểu thách thức, qua đó góp phần thúc đẩy mạnh mẽ việc thực hiện nhiệm vụ chính trị hàng đầu của Trường là “đầu ngành của cả nước về lĩnh vực Lâm nghiệp và Phát triển nông thôn, ...”.

- Động lực phát triển trường ĐHLN nằm ở ba yếu tố căn bản nhất: (i) tính hấp dẫn của Trường và của hệ thống ngành nghề đào tạo (có tác dụng thu hút đầu vào và cung cấp đầu ra có chất lượng tốt), (ii) năng lực quản lý, điều hành của đội ngũ cán bộ chủ chốt, (iii) tâm huyết, tài năng và sức vươn của giảng viên, nhà khoa học trong trường ĐHLN.

- Trong trường ĐHLN, sinh viên là nhân vật trung tâm; việc xây dựng đội ngũ giảng viên và nhà nghiên cứu giỏi là trọng tâm; việc gắn kết đào tạo với nghiên cứu là tất yếu.

- Mục tiêu:

Mục tiêu chung:

Tạo ra bước phát triển đáng kể về chất lượng đào tạo, nâng cao vị thế và thứ hạng của Trường, thông qua các hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế; tạo ra môi trường sáng tạo, chuyên nghiệp, đổi mới, văn hóa trí thức và tự do học thuật; góp phần tích cực phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Mục tiêu cụ thể:

- Tạo ra môi trường làm việc mà ở đó phát huy được tối đa năng lực và tính năng động của mỗi tổ chức cấu thành, mỗi cá nhân cán bộ giảng dạy, nghiên cứu, quản lý và phục vụ;

- Phát triển nội lực và mối quan hệ chiến lược với các đối tác trong và ngoài nước để xây dựng năng lực thực hiện các nhiệm vụ, đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của xã hội về đào tạo, nghiên cứu và tác động chính sách;

- Xây dựng bộ máy và cơ chế quản lý có khả năng dự báo nhu cầu, xác định điểm mạnh, điểm yếu, các khoảng trống trong hệ thống để có thể phản ứng một cách năng động với những thay đổi của môi trường hoạt động;

- Đến năm 2020, thứ hạng của trường ĐHLN thuộc топ 50 – 60; đến năm 2030 thuộc топ 40-50 trong tổng số trường đại học ở Việt Nam.

Mục tiêu giáo dục:

Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao phục vụ ngành lâm nghiệp và phát triển nông thôn, đáp ứng nhu cầu xã hội cũng như sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Người học khi tốt nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống tốt; có kiến thức cơ bản, chuyên môn vững vàng, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp cơ bản; có khả năng tự học, tự nghiên cứu thích ứng với thực tiễn; có kỹ năng tin học, ngoại ngữ đủ đáp ứng yêu cầu công việc và hội nhập quốc tế.

• Giá trị cốt lõi:

(1) Chất lượng và hiệu quả: Trường ĐHLN luôn đặt chất lượng đào tạo lên hàng đầu trong mọi hoạt động phát triển của Nhà trường (chất lượng); Định hướng phát triển đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên (hiệu quả);

(2) Đổi mới và sáng tạo: Trường ĐHLN luôn khuyến khích sự đổi mới, sáng tạo và tôn trọng sự khác biệt và đa dạng trong quản trị nhà trường, trong giảng dạy và nghiên cứu, trong định hướng phát triển Nhà trường;

(3) Kế thừa và phát triển: Trường ĐHLN luôn tôn trọng và kế thừa truyền thống phát triển của Nhà trường; luôn ưu tiên phát triển và nâng cao chất lượng các ngành truyền thống. Truyền thống là bệ phóng cho sự phát triển mạnh mẽ hơn trong tương lai;

(4) Hợp tác và thân thiện: Trường ĐHLN luôn mở rộng hợp tác với tất cả các đối tác trong nước và quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao KHCN. Quan hệ hợp tác trên nền tảng bình đẳng, cùng có lợi, lâu dài và bền vững;

(5) Trung thực và trách nhiệm: Trường ĐHLN luôn yêu cầu sự trung thực và trách nhiệm trong công việc. Mỗi thành viên của Trường ĐHLN phải luôn cống hiến, tôn trọng luật pháp và quy định của Nhà trường.

- **Phương châm và khẩu hiệu:**

Phương châm: Bản lĩnh – Đổi mới – Sáng tạo – Vươn tới những tầm cao

Khẩu hiệu: Lâm nghiệp nâng bước, đất nước phồn vinh

- **Chính sách về chất lượng:**

Trường ĐHLN đã xây dựng chính sách về chất lượng rõ ràng, thể hiện cụ thể qua các nhóm đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ. Chính sách chất lượng được phản ánh qua việc Nhà trường đã xây dựng Chiến lược đảm bảo chất lượng giáo dục giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030, coi kiểm định chất lượng đào tạo là một trong những hoạt động quan trọng của nhà trường và được quan tâm đúng mức.

Với định hướng chiến lược “Xây dựng trường trở thành trường Đại học nghiên cứu trọng điểm, chất lượng cao cho các tỉnh của cả nước về lĩnh vực Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Nông thôn, Tài nguyên - môi trường”, Trường Đại học Lâm nghiệp xác định chính sách chất lượng:

1. Xây dựng được bộ máy quản lý, điều hành gọn nhẹ, tích cực và hiệu quả cao tăng cường việc ứng dụng sâu rộng công nghệ thông tin và điều hành điện tử.

2. Ổn định quy mô phát triển đội ngũ, đến 2020 có trên 65% giảng viên có trình độ thạc sỹ, 35% giảng viên có trình độ tiến sỹ, 8 - 10 Giáo sư, 35 - 40 Phó giáo sư. Đảm bảo đội ngũ đủ về số lượng và chất lượng cao, năng động, hội nhập nhằm phục vụ kịp thời cho sự đa dạng hoá các ngành nghề và loại hình đào tạo.

3. Xây dựng được hệ thống hạ tầng, cơ sở vật chất đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu phục vụ tốt nhất cho quá trình đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Nhà trường.

4. Phát huy các thế mạnh về hợp tác quốc tế; tăng cường quan hệ toàn diện với các đối tác chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu và phát triển để khẳng định và tăng cường vị thế của Trường trong khu vực, trong nước và quốc tế.

5. Ổn định quy mô tuyển sinh hàng năm, từng bước nâng cao chất lượng đào tạo ngang tầm khu vực, gắn chặt với thực tiễn sản xuất của cả nước.

6. Bảo đảm chất lượng đào tạo; đáp ứng được yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao về lĩnh vực nông – lâm nghiệp, nông thôn, tài nguyên - môi trường và nhu cầu xã hội.

7. Tạo ra nhiều sản phẩm khoa học - công nghệ được ứng dụng và chuyển giao phục vụ tốt cho sản xuất và mang thương hiệu của trường.

8. Tăng cường và phát triển các nguồn thu, sử dụng có hiệu quả và đúng quy định các nguồn lực tài chính; tiến đến tự chủ và cân đối tài chính theo hướng tích cực đầu tư cho phát triển.

9. Thực hiện kiểm định theo tiêu chuẩn khu vực một số ngành đào tạo, tiến tới kiểm định chất lượng Nhà trường theo tiêu chuẩn khu vực (AUN-AQ). Xây dựng và liên tục cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng.

b. Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

Khoa KT&QTKD là đơn vị chuyên môn trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế, tiền thân là Khoa Kinh tế lâm nghiệp được thành lập vào năm 1964. Năm 1995 với tên gọi Khoa Quản trị kinh doanh và đến năm 2007 chính thức đổi tên thành Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

Hiện tại Khoa KT&QTKD có 06 bộ môn và 02 trung tâm gồm:

- (1) Bộ môn Kinh tế;
- (2) Bộ môn Quản trị doanh nghiệp;
- (3) Bộ môn Tài chính - Kế toán;
- (4) Bộ môn Tin học;
- (5) Bộ môn Ngoại ngữ;
- (6) Bộ môn Luật;
- (7) Trung tâm đào tạo, tư vấn và hỗ trợ doanh nghiệp;
- (8) Trung tâm Công tác xã hội và phát triển cộng đồng.

Khoa KT&QTKD thực hiện quản lý chuyên môn và đào tạo 07 ngành ở bậc đại học gồm: Kinh tế, Kinh tế nông nghiệp, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Công tác xã hội và Hệ thống thông tin; 02 ngành ở bậc thạc sĩ là Kinh tế nông nghiệp và Quản lý kinh tế; và 01 ngành bậc tiến sĩ Kinh tế nông nghiệp.

• Sứ mạng:

Sứ mạng của Khoa Kinh tế & QTKD là đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học với chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý nhằm phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội, đặc biệt ở các vùng nông thôn – miền núi.

• Nhiệm vụ:

- Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở các trình độ Cử nhân, Thạc sĩ, Tiến sĩ về Kinh tế, Kinh doanh và Quản lý;

- Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế-xã hội, các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế ở nông thôn, miền núi và trong cả nước;

- Cung cấp các dịch vụ tư vấn và bồi dưỡng nhằm cập nhật và nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho các nhà doanh nghiệp hoặc cán bộ quản lý các tổ chức kinh tế-xã hội và các địa phương;

- Hợp tác với các trường đại học khác, các viện nghiên cứu, các tổ chức chính phủ, phi chính phủ trong và ngoài nước để thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và triển khai các dự án phát triển.

• **Giá trị cốt lõi:**

Chất lượng – Hội nhập – Phát triển (Quality – Integration – Development)

• **Tầm nhìn**

- Giai đoạn 2016 đến 2020, Khoa KT&QTKD được biết đến như một trung tâm đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao khoa học-công nghệ, hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý có uy tín, năng động, giàu tiềm năng và phát triển nhanh chóng.

- Vào năm 2030, Khoa KT&QTKD sẽ trở thành một trung tâm đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao khoa học-công nghệ, hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý có uy tín cao, nhiều mặt ngang tầm với các khoa của các trường đại học hàng đầu cùng lĩnh vực đào tạo & NCKH.

Trải qua hơn 57 năm phát triển và trưởng thành, hiện nay số lượng cán bộ giảng dạy và phục vụ giảng dạy của Khoa KT&QTKD là 87 người, trong đó có 02 Phó giáo sư, 20 tiến sĩ, 60 thạc sĩ và 5 cử nhân và kỹ sư. Các cán bộ có trình độ tiến sĩ và thạc sĩ của khoa chủ yếu được đào tạo từ các nước Liên Xô (cũ), Cộng hoà Liên bang Đức, Hà Lan, Australia, Hàn Quốc, New Zealand, Trung Quốc, Philipines và các Trường đại học uy tín ở Việt Nam như Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Thương mại, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Học viện Khoa học xã hội Việt Nam, Học viện Tài chính, Viện Kinh tế trung ương...

Tính từ năm 1964 đến tháng 6 năm 2020 khoa Khoa KT&QTKD đã đào tạo được 8.700 cử nhân chính qui hiện đang đảm nhiệm ở các vị trí công tác trên các ngành và các vùng miền khác nhau trong cả nước. Bắt đầu đào tạo sau đại học bậc cao học từ năm 2008, Khoa KT&QTKD đã đào tạo được 1.353 thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp và 735 thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế (tính đến thời điểm tháng 12 năm 2020).

Ngoài việc đảm nhận một lượng công việc lớn là giảng dạy, cán bộ Khoa KT&QTKD đã tham gia nhiều chương trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, và cấp cơ sở; liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu, các tỉnh thành, địa phương và các cơ quan Trung ương để thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu và chuyển giao, các dự án và chương trình phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Lực lượng cán bộ và giảng viên của Khoa KT&QTKD hiện nay đảm nhiệm được toàn bộ các học phần của CTĐT với chất lượng tốt và đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn.

PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Xác định mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra là công đoạn hết sức quan trọng để xây dựng và vận hành chương trình đào tạo. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế (QLKT) của Trường Đại học Lâm nghiệp (ĐHLN) được xây dựng, rà soát và cập nhật định kỳ dựa trên cơ sở thu thập, nghiên cứu các thông tin về kết quả đào tạo và ý kiến phản hồi của nhiều bên liên quan như: học viên, giảng viên, các chuyên gia, người sử dụng lao động, cựu học viên..., đồng thời có đối chiếu, so sánh và học tập từ các chương trình đào tạo của các trường khác.

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành QLKT của Trường ĐHLN được công bố công khai qua nhiều kênh đến các bên liên quan trong suốt quá trình đào tạo của Nhà trường.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu của chương trình đào tạo (CTĐT) ngành QLKT được xác định một cách rõ ràng trên cơ sở đặt ra những kiến thức, kỹ năng mà người học được kỳ vọng tiếp thu được và thể hiện thành công khi tốt nghiệp.

Mục tiêu của CTĐT ngành QLKT được xây dựng trên cơ sở đảm bảo sự phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của Trường ĐHLN và phù hợp với các mục tiêu đào tạo thạc sĩ của Luật Giáo dục đại học 2012.

Mục tiêu của CTĐT thể hiện ở các quy định về mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể đối với học viên sau khi tốt nghiệp như sau:

Mục tiêu chung

Chương trình Thạc sĩ QLKT của Trường ĐHLN nhằm đào tạo cán bộ quản lý kinh tế bậc thạc sĩ có phẩm chất chính trị vững vàng, tư cách đạo đức và thái độ tốt, nắm vững các kiến thức lý thuyết, có trình độ cao về thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế.

Mục tiêu cụ thể

+ *Mục tiêu về kiến thức*: Học viên sau khi tốt nghiệp sẽ được trang bị những kiến thức chuyên sâu và cập nhật trên các khía cạnh sau đây: (i) Nắm vững những kiến thức chuyên sâu và cập nhật về khoa học quản lý nói chung và quản lý kinh tế nói riêng; (ii) Luận giải được những nguyên lý về công tác tổ chức quản lý trong các tổ chức kinh tế - xã hội; (iii) Nắm vững kiến thức về hoạch định, tổ chức triển khai thực hiện các kế hoạch, chiến lược, các chính sách, các dự án sản xuất kinh doanh và phát triển kinh tế - xã hội; (iv) Có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá và đề xuất phương án giải quyết các vấn đề của thực tiễn của các tổ chức, doanh nghiệp của nền kinh tế - xã hội;

+ *Mục tiêu về kỹ năng*: Chương trình đào tạo cung cấp cho học viên các kỹ năng cơ bản sau đây: (i) Kỹ năng phân tích và ra quyết định, kỹ năng quản lý và tổ chức sản xuất - kinh doanh, quản lý tài chính, quản lý nhân lực, lập kế hoạch, quản lý sự thay đổi, quản lý rủi ro, quản lý khủng hoảng...; (ii) Kỹ năng lãnh đạo và năng lực làm việc nhóm; (iii) Sử dụng các công cụ hiện đại trong quản lý; (iv) Sử dụng ngoại ngữ cho công tác quản lý kinh tế; (v) Kỹ năng giao tiếp và đàm phán.

+ *Mục tiêu về trình độ năng lực chuyên môn (lý thuyết, thực hành)*: Người học được trang bị những kiến thức cập nhật và nâng cao, các kỹ năng về quản lý, điều hành, ra quyết định... trong các cơ quan, tổ chức thuộc mọi thành phần kinh tế.

+ *Về đạo đức nghề nghiệp*: (i) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; (ii) Trung thực và tâm huyết với nghề đã chọn; (iii) Đáp ứng được yêu cầu công tác cho mọi thành phần kinh tế, các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức kinh tế xã hội khác về lĩnh vực kinh tế và quản lý kinh tế.

+ *Vị trí hay công việc có thể đảm nhiệm của người học sau khi tốt nghiệp*

Người tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế có thể đảm nhận các vị trí công tác sau: (i) Cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế ở các cấp từ trung ương đến địa phương; (ii) Lãnh đạo, quản lý của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; (iii) Chuyên gia tư vấn về kinh tế, chính sách, quản lý và kinh doanh; (iv) Giảng viên, nghiên cứu viên trong các cơ sở đào tạo và nghiên cứu.

Mục tiêu của CTĐT ngành QLKT được chính thức thông qua và áp dụng vào đào tạo của Nhà trường từ năm 2015 theo Quyết định của Hiệu trưởng Trường ĐHLN [H1.01.01.01], và định kỳ được cập nhật, hoàn thiện vào các năm 2017; 2019 và năm 2021 [H1.01.01.02], [H1.01.01.03] [H1.01.01.04].

Các mục tiêu của CTĐT cao học ngành QLKT hoàn toàn phù hợp với tuyên bố sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHLN được ghi cụ thể trong Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2006-2020 và Chiến lược phát triển trường Đại học Lâm nghiệp giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2030 [H1.01.01.05], cụ thể:

Về sứ mạng, Trường ĐHLN là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ hàng đầu ở Việt Nam về lĩnh vực lâm nghiệp, chế biến lâm sản và phát triển nông thôn, quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; mỹ thuật và kiến trúc cảnh quan, kỹ thuật - công nghệ; Cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao, có ảnh hưởng mang tính quyết định đến nguồn nhân lực lâm nghiệp của cả nước, đóng góp vào sự nghiệp phát triển bền vững của đất nước” [H1.01.01.05].

Về tầm nhìn, Trường ĐHLN phấn đấu trở thành trường đại học đầu ngành của cả nước về lĩnh vực lâm nghiệp, chế biến lâm sản và phát triển nông thôn, về quản lý tài nguyên rừng và môi trường, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai ngang tầm các trường đại học tiên tiến trong khu vực châu Á về các mặt: môi trường làm việc, học tập và nghiên cứu; chất lượng đào tạo, trong đó chú trọng đào tạo đại học hệ chính quy, sau đại học và liên kết đào tạo quốc tế, kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Phát triển một số ngành theo định hướng nghiên cứu, một số ngành theo định hướng ứng dụng hoặc thực hành” [H1.01.01.05].

Mục tiêu đào tạo của ngành QLKT cũng hoàn toàn phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh (KT&QTKD) [H1.01.01.06], đó là:

Về sứ mạng: Cùng với Nhà trường, Khoa KT&QTKD là bộ phận thực hiện việc đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học với chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, kế toán, tài chính, kinh doanh và quản lý nhằm phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội, đặc biệt ở các vùng nông thôn – miền núi.

Về tầm nhìn: Khoa KT&QTKD sẽ trở thành một trung tâm đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao khoa học-công nghệ, hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, kế toán, tài chính, kinh doanh và quản lý có uy tín cao, nhiều mặt ngang tầm với các khoa của các trường đại học hàng đầu cùng lĩnh vực đào tạo & NCKH.

Mục tiêu của CTĐT ngành QLKT cũng hoàn toàn phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục Đại học năm 2012, Luật số: 34/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật GDĐH, đó là: Đào tạo trình độ thạc sĩ để học viên có kiến thức khoa học nền tảng, có kỹ năng chuyên sâu cho nghiên cứu về một lĩnh vực khoa học hoặc hoạt động nghề nghiệp hiệu quả, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo;

Mục tiêu của CTĐT ngành QLKT được xây dựng và công bố lần đầu năm 2015 [H1.01.01.01] và đã được định kỳ tiến hành rà soát, cập nhật điều chỉnh 2 năm 1

lần vào các năm 2017, 2019 và 2021 [**H1.01.01.07; H1.01.01.08; H1.01.01.09; H1.01.01.02; H1.01.01.03; H1.01.01.04**].

Việc điều chỉnh cập nhật mục tiêu của CTĐT được thực hiện trên cơ sở lấy ý kiến từ các chuyên gia, nhà quản lý, người học và người sử dụng lao động [**H1.01.03.10**]

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành QLKT được xác định một cách rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHLN và Khoa KT&QTKD; phù hợp với mục tiêu của Luật Giáo dục đại học và có tính ổn định tương đối.

3. Điểm tồn tại

Việc thu thập ý kiến đánh giá và khảo sát nhu cầu của các bên liên quan chưa được thực hiện một cách thực sự rộng rãi trên nhiều đối tượng ở các vùng miền khác nhau trong quá trình xây dựng và cập nhật, điều chỉnh mục tiêu của CTĐT ngành QLKT.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
Tăng cường sự tham gia của các bên liên quan vào xây dựng CTĐT	Định kỳ hàng năm thực hiện việc khảo sát ý kiến đánh giá của các bên liên quan đối với CTĐT thạc sỹ ngành QLKT.	- Khoa KT&QTKD - Phòng ĐT SDH - Phòng Khảo thí và ĐBCL	Từ năm học 2020-2021

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 1.1. đạt yêu cầu, với mức điểm 5/7

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

1. Mô tả hiện trạng

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành QLKT được xác định rõ ràng theo từng khía cạnh cụ thể như: kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm [**H1.01.02.01; H1.01.02.02; H1.01.02.03**].

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo thạc sỹ ngành QLKT của Trường ĐHLN được xác định bao gồm 9 chuẩn trên các khía cạnh kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm [**H1.01.02.01; H1.01.02.02; H1.01.02.03**].

Bảng 1.1. Quy định chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành QLKT

TT	Mã số	Chuẩn đầu ra	Mức độ
I	Kiến thức		
1	CĐR 1.1	Nắm vững kiến thức chuyên sâu về quản lý Nhà nước và quản trị tổ chức	
2	CĐR 1.2	Có kiến thức chuyên sâu và cập nhật về kinh tế ứng dụng trong quản trị doanh nghiệp.	
3	CĐR 1.3	Nắm vững và vận dụng linh hoạt, sáng tạo các kiến thức quản lý để hoạch định, thực thi và phân tích, đánh giá các chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội và hoạt động kinh doanh	
II	Kỹ năng		
4	CĐR 2.1	Tổ chức xây dựng, hoạch định các chính sách, chiến lược, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế – xã hội và kinh doanh	
5	CĐR 2.2	Tổ chức thực thi các chính sách, chiến lược, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội và kinh doanh	
6	CĐR 2.3	Phân tích và đánh giá các chính sách, chiến lược, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội và kinh doanh	
7	CĐR 2.4	Sử dụng thành thạo các công cụ hỗ trợ trong chuyên môn như tin học, ngoại ngữ, giao tiếp, đàm phán, làm việc nhóm...	
III	Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm		
8	CĐR 3.1	Có khả năng tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau	
9	CĐR 3.2	Có phẩm chất đạo đức và ý thức tổ chức kỷ luật, tôn trọng và tuân thủ pháp luật, có tinh thần hợp tác và phục vụ cộng đồng.	

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xây dựng đảm bảo sự phù hợp với các mục tiêu của chương trình đào tạo, làm cơ sở để định hướng nội dung và liên kết các học phần và nội dung đào tạo cụ thể [H1.01.02.04; H1.01.02.05; H1.01.02.06].

Bảng 1.2. Mối quan hệ giữa mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành QLKT

Mục tiêu đào tạo	Chuẩn đầu ra		
	CĐR	Tên CĐR	Mức độ
PLO1: Có kiến thức chuyên sâu, cập nhật về Quản lý kinh tế	CĐR 1	Nắm vững kiến thức chuyên sâu về quản lý Nhà nước và quản trị tổ chức	
	CĐR 2	Có kiến thức chuyên sâu và cập nhật về kinh tế ứng dụng trong quản trị doanh nghiệp.	
	CĐR 3	Nắm vững và vận dụng linh hoạt, sáng tạo các kiến thức quản lý để hoạch định, thực thi và phân tích, đánh giá các chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội và hoạt động kinh doanh	
PLO2: Có kỹ năng hoạch định, ra quyết định, tổ chức thực thi, phân tích đánh giá, đề xuất giải pháp	CĐR 4	Tổ chức xây dựng, hoạch định các chính sách, chiến lược, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế – xã hội và kinh doanh	
	CĐR 5	Tổ chức thực thi các chính sách, chiến lược, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội và kinh doanh	
	CĐR 6	Phân tích và đánh giá các chính sách, chiến lược, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội và kinh doanh	
	CĐR 7	Sử dụng thành thạo các công cụ hỗ trợ trong chuyên môn như tin học, ngoại ngữ, giao tiếp, đàm phán, làm việc nhóm...	
PLO3: Có năng lực tự chủ, tự	CĐR 8	Có khả năng tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ	

Mục tiêu đào tạo	Chuẩn đầu ra		
	CĐR	Tên CĐR	Mức độ
chịu trách nhiệm và tự hoàn thiện, tự thích nghi		chuyên môn nghiệp vụ và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau	
	CĐR 9	Có phẩm chất đạo đức và ý thức tổ chức kỷ luật, tôn trọng và tuân thủ pháp luật, có tinh thần hợp tác và phục vụ cộng đồng	

Bên cạnh đó CĐR ra của CTĐT ngành QLKT còn có yêu cầu về trình độ ngoại ngữ theo quy định về điều kiện xét tốt nghiệp bậc thạc sĩ của Nhà trường [H1.01.01.07; H1.01.01.08; H1.01.01.09].

CĐR của chương trình đào tạo ngành QLKT của Nhà trường đáp ứng được các quy định của bậc 7 (bậc thạc sĩ) của Khung trình độ Quốc gia của Việt Nam.

Bảng 1.3. Đối chiếu CĐR của chương trình QLKT với Khung trình độ quốc gia Việt Nam cho bậc 7

Tiêu chí	Khung trình độ quốc gia Việt Nam cho bậc 7 (thạc sĩ)	Chuẩn đầu ra CTĐT bậc thạc sĩ ngành QLKT
Kiến thức	Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo - Kiến thức liên ngành có liên quan - Kiến thức chung về quản trị và quản lý	- Nắm vững kiến thức chuyên sâu về quản lý Nhà nước và quản trị tổ chức (CĐR 1) - Có kiến thức chuyên sâu và cập nhật về kinh tế ứng dụng trong quản trị doanh nghiệp (CĐR 2). - Nắm vững và vận dụng linh hoạt, sáng tạo các kiến thức quản lý để hoạch định, thực thi và phân tích, đánh giá các chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội và hoạt động kinh doanh (CĐR 3)
Kỹ năng	- Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học	- Có kỹ năng tổ chức xây dựng, hoạch định các chính sách, chiến lược, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế – xã hội và kinh doanh (CĐR 4)

Tiêu chí	Khung trình độ quốc gia Việt Nam cho bậc 7 (thạc sĩ)	Chuẩn đầu ra CTĐT bậc thạc sĩ ngành QLKT
	- Kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với người khác - Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến - Có trình độ ngoại ngữ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	- Kỹ năng tổ chức thực thi các chính sách, chiến lược, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội và kinh doanh (CĐR 5) - Kỹ năng phân tích và đánh giá các chính sách, chiến lược, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội và kinh doanh (CĐR 6) - Sử dụng thành thạo các công cụ hỗ trợ trong chuyên môn như tin học, ngoại ngữ, giao tiếp, đàm phán, làm việc nhóm... (CĐR 7)
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm	- Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng - Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác - Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn - Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn	- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau (CĐR 8) - Có phẩm chất đạo đức và ý thức tổ chức kỷ luật, tôn trọng và tuân thủ pháp luật, có tinh thần hợp tác và phục vụ cộng đồng (CĐR 9)

CĐR của chương trình đào tạo ngành QLKT định kỳ được rà soát, cập nhật và điều chỉnh cùng với CTĐT vào các năm 2017, 2019 và 2021 dựa trên các kết quả nghiên cứu và khảo sát ý kiến các bên liên quan [H1.01.01.07; H1.01.01.08; H1.01.01.09; H1.01.02.10].

2. Điểm mạnh

CĐR ngành QLKT được xác định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu đào tạo, phù hợp với quy định của Nhà nước về khung trình độ quốc gia Việt Nam.

CĐR ngành ngành QLKT được quy định rõ ràng, phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan và tạo thuận lợi cho việc xây dựng chương trình đào tạo và công tác tổ chức quá trình đào tạo.

CĐR của chương trình đào tạo ngành QLKT đảm bảo tính ổn định và định kỳ được rà soát, cập nhật và điều chỉnh dựa trên các kết quả nghiên cứu và khảo sát ý kiến các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Việc xác định CĐR trên một số khía cạnh còn chưa thực sự gắn kết với Khung trình độ quốc gia Việt Nam, cụ thể: (i) Về kỹ năng: chưa phản ánh được kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu; (ii) Về mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm: chưa phản ánh rõ và chưa đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
Tiếp tục hoàn thiện CĐR của chương trình đào tạo	- Tiến hành khảo sát thường xuyên và rộng rãi các bên liên quan. - Định kỳ tổ chức rà soát, cập nhật CTĐT.	- Phòng KT&ĐBCL - Phòng ĐT SDH - Khoa KT&QTKD	Từ năm học 2020-2021

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 1.2. đạt yêu cầu với mức điểm 5/7

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả hiện trạng

CĐR của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành QLKT của Trường ĐHLN được xây dựng dựa trên việc nghiên cứu các quy định về mục tiêu, yêu cầu đối với trình độ đào tạo này của các văn bản pháp quy như: Luật Giáo dục, Luật giáo dục đại học, Khung trình độ quốc gia Việt Nam, các nghiên cứu về kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan, và đối sánh với các chương trình đào tạo ngành QLKT của các trường khác.

CĐR của chương trình đào tạo ngành QLKT trong các lần cập nhật và điều chỉnh đều có nghiên cứu tham khảo các ý kiến qua phiếu điều tra từ nhiều phía trên nhiều đối tượng khác nhau qua các mẫu phiếu điều tra như nhà sử dụng lao động, cựu học viên, cán bộ GV và nhà khoa học để phản ánh và đáp ứng tốt nhất yêu cầu của các bên liên quan [H1.01.03.01; H1.01.03.02; H1.01.03.03; H1.01.03.04].

Đối với nhà sử dụng lao động, nội dung khảo sát là sự tham vấn về các yêu cầu cụ thể và mức độ cần thiết về các kiến thức, kỹ năng tương ứng với mỗi một vị trí công việc mà cơ quan, tổ chức có nhu cầu sử dụng thực sĩ ngành QLKT.

Đối với GV và nhà khoa học, nội dung khảo sát là nội dung và mức độ các CĐR về kiến thức và kỹ năng, năng lực của người học sau khi tốt nghiệp cần đạt được.

Đối với cựu học viên, nội dung khảo sát tập trung vào các yêu cầu cụ thể và mức độ cần thiết của từng đơn vị kiến thức, từng kỹ năng để hoàn thành tốt được vị trí công tác mà cựu người học đang đảm nhiệm.

Sau khi có kết quả khảo sát từ các phiếu điều tra, thông tin được tổng hợp trong các báo cáo trình Hội đồng Khoa học Đào tạo của Khoa **[H1.01.02.10; H1.01.03.05; H1.01.03.06; H1.01.03.07]**.

Dựa trên báo cáo này, Hội đồng Khoa học Đào tạo của khoa sẽ tiến hành các phiên họp để thảo luận, thống nhất về Mục tiêu đào tạo, các Chuẩn đầu ra cụ thể, làm cơ sở cho việc thảo luận, điều chỉnh và cập nhật khung chương trình đào tạo và nội dung đề cương chi tiết của các học phần của chương trình đào tạo và trình Hội đồng Khoa học Đào tạo Nhà trường và Hiệu trưởng phê duyệt, ban hành **[H1.01.02.01; H1.01.02.02; H1.01.02.03]**.

Định kỳ 2 năm, chương trình đào tạo ngành QLKT được rà soát, điều chỉnh, trong đó có việc điều chỉnh, cập nhật các chuẩn đầu ra vào các năm 2017 và 2019. Trong các lần điều chỉnh này, các CĐR đều được nghiên cứu xác định trên cơ sở phản ánh đầy đủ hơn yêu cầu của các bên liên quan.

CĐR của chương trình đào tạo ngành QLKT của Trường ĐHLN ban hành năm 2015 có xác định 12 chuẩn đầu ra cụ thể **[H1.01.02.01]**;

Trong chương trình đào tạo điều chỉnh năm 2017, trên cơ sở nghiên cứu kết quả khảo sát, cũng có 12 chuẩn đầu ra được xác định, tuy nhiên có điều chỉnh một số nội dung chi tiết **[H1.01.02.02]**;

Trong chương trình đào tạo điều chỉnh năm 2019, trên cơ sở nghiên cứu kết quả khảo sát, bộ chuẩn đầu ra được xác định lại gồm có 9 chuẩn đầu ra cụ thể **[H1.01.02.03]**.

Trên cơ sở các chuẩn đầu ra được điều chỉnh mới, các thành viên của Khoa sẽ tiến hành điều chỉnh, cập nhật nội dung của chương trình đào tạo và từng học phần cụ thể để đảm bảo đáp ứng được các chuẩn đầu ra này.

CĐR sau khi phê duyệt ban hành đều được công bố công khai trên Cổng thông tin của Nhà trường, Website của Khoa KT&QTKD, trong các tài liệu cung cấp cho Học viên **[H1.01.03.08; H1.01.03.09; H1.01.03.10; H1.01.03.11]**.

2. Điểm mạnh

CĐR của chương trình đào tạo QLKT của Nhà trường được xác định trên cơ sở có sự tham gia của các bên liên quan và định kỳ được cập nhật, điều chỉnh trên cơ sở nghiên cứu kết quả khảo sát ý kiến và đóng góp của các bên liên quan và nhu cầu sử dụng lao động của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát ý kiến và đóng góp của các bên liên quan chưa được thực hiện một cách thường xuyên, mà chủ yếu thực hiện vào các kỳ điều chỉnh cập nhật chương trình đào tạo, hình thức thu thập ý kiến cũng chưa đa dạng. Việc công bố CĐR chưa được rộng rãi trên nhiều kênh thông tin khác nhau.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
Đảm bảo CĐR phản ánh đầy đủ hơn yêu cầu của các bên liên quan, được công bố rộng rãi hơn	- Tiến hành thường xuyên việc khảo sát ý kiến các bên liên quan. - Công bố CĐR công khai qua nhiều kênh thông tin khác nhau, đến nhiều đối tượng khác nhau.	- Khoa KT&QTKD; - Phòng Đào tạo SDH	Từ năm học 2020 – 2021

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 1.3. đạt yêu cầu, với mức điểm **4/7**

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Mục tiêu và CĐR của một CTĐT là hết sức quan trọng, giúp định hướng cho cả nội dung chương trình đào tạo và công tác quản lý vận hành chương trình đào tạo, làm cơ sở cho việc đo lường đánh giá kết quả đào tạo.

Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành QLKT của trường DHLN đã được xây dựng rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường, Khoa KT&QTKD và phù hợp với các quy định của các văn bản pháp quy của Nhà nước.

CĐR của chương trình đào tạo ngành QLKT đã được xác định cụ thể, thường xuyên được cập nhật, hoàn thiện đáp ứng các yêu cầu của xã hội thông qua việc trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm.

Mục tiêu và CĐR ra của chương trình đào tạo ngành QLKT được công bố công khai giúp cho người học, người sử dụng lao động và các bên liên quan có thể tiếp cận dễ dàng và có thể tham gia ý kiến hoàn thiện chương trình, nâng cao chất lượng đào tạo.

Tuy nhiên mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành QLKT vẫn còn những hạn chế sau: (i) Việc thu thập ý kiến đánh giá và khảo sát nhu cầu của các bên liên quan chưa được thực hiện một cách thực sự rộng rãi và thường xuyên trong quá trình xây dựng và cập nhật, điều chỉnh mục tiêu của CTĐT ngành QLKT; (ii) Việc xác định CĐR trên một số khía cạnh còn chưa thực sự gắn kết với Khung trình độ quốc gia Việt Nam về kỹ năng và năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm.

Tự đánh giá: Tiêu chuẩn 1 có 3/3 tiêu chí đạt yêu cầu, với 2 tiêu chí đạt 5/7 và 1 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành QLKT được xây dựng, ban hành và công bố công khai đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau. Bản mô tả chương trình đào tạo làm cơ sở cho các bên liên quan thiết lập và thực thi kế hoạch, thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong quá trình đào tạo: giúp học viên chủ động xác định và lựa chọn tiến độ học tập theo từng học kỳ; giúp giảng viên xác lập kế hoạch và lựa chọn phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá trên cơ sở đảm bảo chuẩn đầu ra của chương trình; giúp cho các nhà sử dụng lao động biết được những kiến thức, kỹ năng, thái độ được đào tạo và kỳ vọng ở học viên tốt nghiệp.

Bản mô tả chương trình đào tạo ngành QLKT của Nhà trường được xây dựng lần đầu năm 2015 và định kỳ 2 năm một lần được rà soát, cập nhật điều chỉnh vào các năm 2017 và 2019 dựa trên các quy định của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường và nghiên cứu kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan.

Tiêu chí 2.1. Tiêu chí Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT ngành QLKT của Trường ĐHLN đã trình bày đầy đủ các thông tin cơ bản liên quan đến chương trình đào tạo để giúp các bên liên quan hiểu rõ và chủ động trong việc thiết lập và thực hiện hoạt động của mình [**H2.02.01.01; H2.02.01.02; H2.02.01.03**].

Các thông tin được cung cấp trong bản mô tả CTĐT ngành QLKT bao gồm:

- (1) Mục tiêu của CTĐT
- (2) Chuẩn đầu ra của CTĐT
- (3) Yêu cầu đối với người dự tuyển
- (4) Điều kiện tốt nghiệp
- (5) Nội dung chương trình đào tạo:

Nội dung của CTĐT được thiết kế với thời lượng 60 tín chỉ, được chia thành 4 phần cụ thể sau đây: Phần kiến thức chung: 7 tín chỉ; Phần kiến thức cơ sở: 11 tín chỉ; Phần kiến thức chuyên ngành: 32 tín chỉ; Luận văn tốt nghiệp: 10 tín chỉ

- (6) Danh mục các học phần của chương trình đào tạo

Danh mục có 29 học phần đưa vào chương trình đào tạo được giới thiệu theo từng phần kiến thức, thời lượng và kết cấu của từng học phần. Trong tổng số 60 tín chỉ trong chương trình đào tạo, có 32 tín chỉ thuộc về các học phần bắt buộc và 18 tín chỉ thuộc về các học phần tự chọn để giúp người học có thể lựa chọn những kiến thức phù hợp với nhu cầu của mình trong quá trình đào tạo.

- (7) Đề cương chi tiết các học phần của chương trình đào tạo.

Đề cương chi tiết các học phần được xây dựng chi tiết các nội dung như mục tiêu học phần, chuẩn đầu ra của học phần, nội dung học phần, cách đánh giá kết quả học tập; danh mục tài liệu tham khảo của học phần...

- (8) Kế hoạch đào tạo

Các nội dung trong bản mô tả chương trình đào tạo ngành QLKT được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo nhịp 2 năm một lần vào các năm 2017, 2019 và 2021 [**H2.02.01.01; H2.02.01.02; H2.02.01.03**].

Những điều chỉnh chủ yếu giữa 3 bản mô tả CTĐT của ngành QLKT qua 2 lần điều chỉnh cập nhật như sau:

Bảng 2.1. Những điều chỉnh chính giữa 03 bản mô tả CTĐT

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2019	Năm 2021
1	Thời lượng của chương trình đào tạo	Tín chỉ	60	60	60
1.1	<i>Các học phần bắt buộc</i>	<i>Tín chỉ</i>	32	32	32
1.2	<i>Các học phần tự chọn</i>	<i>Tín chỉ</i>	18	18	18
1.3	<i>Luận văn tốt nghiệp</i>	<i>Tín chỉ</i>	10	10	10
2	Số học phần trong chương trình đào tạo	Học phần	28	27	27
2.1	<i>Số HP bổ sung mới</i>	<i>Học phần</i>		1	0
2.2	<i>Số HP đưa ra khỏi chương trình đào tạo</i>	<i>Học phần</i>		2	0
2.3	<i>Số HP có điều chỉnh nội dung</i>	<i>Học phần</i>		22	25

CTĐT và bản mô tả CTĐT ngành QLKT sau khi được phê duyệt đã được công bố trên Cổng thông tin của Trường DHLN và trên Website của Khoa, được in trong các cuốn sổ tay cho Học viên vào đầu mỗi khoá học [**H1.01.03.08; H2.02.01.04; H2.02.01.05; H1.01.03.10; H2.02.01.06**].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT của ngành QLKT được xây dựng đúng quy trình, có đầy đủ thông tin cần thiết để giúp cho bên liên quan lựa chọn, xác lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch và giám sát, đánh giá kết quả thực hiện CTĐT.

Bản mô tả CTĐT ngành QLKT được cập nhật 2 năm một lần trên cơ sở lấy ý kiến của các bên liên quan để đảm bảo đáp ứng tốt nhất nhu cầu nhân lực của xã hội.

Bản mô tả CTĐT của ngành QLKT được phổ biến đến các bên liên quan, thể hiện rõ trách nhiệm của Nhà trường trong công tác đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT chưa được thực hiện rộng rãi, số lượng lấy ý kiến còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
-----------------	---------------------------	---------------------------------	----------------------------

Đảm bảo CTĐT phản ánh tốt hơn yêu cầu của xã hội	Xây dựng kế hoạch lấy ý kiến các bên liên quan gồm học viên, cựu học viên, giảng viên, nhà khoa học và doanh nghiệp/tổ chức sử dụng lao động	- Khoa KT&QTKD - Phòng KT&ĐBCL	Năm học 2020-2021
--	--	-----------------------------------	-----------------------------

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 2.1. đạt yêu cầu với mức điểm 5/7.

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Đề cương chi tiết các học phần ngành QLKT được xây dựng dựa trên mục tiêu đào tạo, CDR và khung chương trình của ngành học được nêu trong bản mô tả CTĐT.

Nhà trường đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết các học phần của CTĐT [**H2.02.02.01; H2.02.02.02; H2.02.02.03**].

Trong thực tế đề cương chi tiết của tất cả các học phần của CTĐT ngành QLKT của Nhà trường đều cung cấp đầy đủ các thông tin và nội dung theo quy định [**H2.02.02.04; H2.02.02.05; H2.02.02.06**].

Các thông tin trình bày trong đề cương chi tiết học phần giúp cho các bên liên quan, đặc biệt là giảng viên và học viên có thể chủ động xây dựng kế hoạch và thực hiện các hoạt động, đồng thời cũng làm căn cứ cho công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá mức độ đạt được các mục tiêu đề ra của mỗi học phần.

Có 11 nhóm thông tin được đưa vào đề cương chi tiết của các học phần, gồm:

1- Thông tin chung về học phần, gồm các thông tin: tên học phần, mã học phần, số tín chỉ của học phần

2- Đơn vị phụ trách học phần

3- Điều kiện tiên quyết

4- Mục tiêu học phần (gồm các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và thái độ)

5- Mô tả vắn tắt nội dung học phần

6- Chuẩn đầu ra của học phần

7- Cấu trúc nội dung học phần

8- Nội dung chi tiết học phần (chi tiết theo từng chương, mục, tiểu mục)

9- Phương pháp giảng dạy (cụ thể cho từng nội dung)

10- Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với học viên

11- Đánh giá kết quả học tập của học viên

12- Tài liệu học tập (gồm tài liệu bắt buộc và các tài liệu tham khảo)

Đề cương chi tiết các học phần đều được định kỳ rà soát, cập nhật và điều chỉnh sau khi có kết quả cập nhật điều chỉnh chương trình đào tạo của ngành học.

Đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo ngành QLKT của nhà trường được ban hành lần đầu năm 2015 [H1.01.01.01] và đã được cập nhật, điều chỉnh vào các năm 2017 [H1.01.01.02], 2019 [H1.01.01.03] và 2021 [H1.01.01.04].

Việc rà soát, cập nhật đề cương chi tiết các học phần được thực hiện trên cơ sở tổng hợp các thông tin khảo sát ý kiến các bên liên quan như: ý kiến cựu học viên, ý kiến người sử dụng lao động, các giảng viên, các nhà khoa học [H1.01.02.10; H2.02.02.07].

2. Điểm mạnh

Đề cương chi tiết các học phần của ngành QLKT thể hiện đầy đủ các thông tin cần thiết theo đúng quy định, được rà soát, đánh giá, điều chỉnh và cập nhật thường xuyên theo định kỳ 2 năm 1 lần, trên cơ sở có tham khảo ý kiến các bên liên quan để đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu của CTĐT và đáp ứng nhu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường mới có những quy định về quy trình cập nhật, điều chỉnh đề cương chi tiết theo định kỳ chung (2 năm một lần) mà chưa có quy trình cụ thể cho việc cập nhật thường xuyên sau mỗi học kỳ giảng dạy.

Đề cương chi tiết các học phần nhìn chung chưa chú trọng đến việc cung cấp các nội dung thảo luận, phân tích về các tính huống thực tiễn để tăng cường kỹ năng nhận diện, phân tích, đánh giá vấn đề của học viên.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
Cập nhật thường xuyên đề cương chi tiết các học phần	Xây dựng quy định về cập nhật thường xuyên đề cương chi tiết học	- Khoa KT&QTKD - Phòng ĐT SDH	Năm học 2020-2021

	phần trong quá trình giảng dạy.		
Tăng cường đào tạo kỹ năng phân tích, đánh giá cho học viên.	Bổ sung nội dung thảo luận theo tình huống trong đề cương chi tiết các học phần.	- Khoa KT&QTKD	Năm học 2020-2021

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 2.2 đạt yêu cầu với mức điểm 5/7.

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả chương trình đào tạo ngành QLKT của Trường ĐHLN được công bố công khai theo đúng các quy định bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm tạo điều kiện để các bên liên quan có thể tiếp cận nhanh chóng, dễ dàng.

Bản mô tả chương trình đào tạo ngành QLKT của Trường ĐHLN được công bố trên nhiều kênh khác nhau giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Các kênh chủ yếu công bố bản mô tả chương trình đào tạo ngành QLKT bao gồm:

- Công bố trên các văn bản chính thức bằng bản in gửi về các địa chỉ có liên quan trong Nhà trường để quản lý và tổ chức thực hiện, gồm: Phòng ĐTSĐH; Khoa KT&QTKD, Các Bộ môn liên quan; Phòng KT&ĐBCL, Phòng ĐTSĐH [**H2.02.01.01; H2.02.01.02; H2.02.01.03**]

- Công bố trên Cổng thông tin của Nhà trường; Website của Khoa Kinh tế và quản trị kinh doanh [**H2.02.01.04; H2.02.01.05; H2.02.03.01**].

- Công bố và phổ biến trực tiếp cho người học qua cuốn sổ tay học tập phát trực tiếp cho Học viên ngay khi nhập học [**H1.01.03.10**].

- Giới thiệu trên các tài liệu quảng bá tuyển sinh [**H2.02.01.04**].

Các học viên cũng được giới thiệu cụ thể về đề cương chi tiết của học phần ngay trong buổi học đầu tiên của môn học [**H2.02.03.02**].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần ngành QLKT đã được công bố công khai đến các bên liên quan để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

3. Điểm tồn tại

Việc công bố bản mô tả chương trình đào tạo sau khi cập nhật, điều chỉnh còn chưa thực sự kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
Công bố kịp thời bản mô tả CTĐT ngay sau khi cập nhật và phê duyệt.	Xây dựng quy định về việc công bố bản mô tả CTĐT của Nhà trường	-Khoa KT&QTKD - Phòng ĐT SDH	Năm học 2020-2021

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 2.3 đạt yêu cầu với mức điểm 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Bản mô tả CTĐT là một văn bản quan trọng thể hiện thông tin tổng thể về ngành học, gồm: tên chương trình, đơn vị thực hiện chương trình, mục tiêu, nội dung CTĐT, phương thức tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và điều kiện đảm bảo để thực hiện đào tạo.

Bản mô tả CTĐT ngành QLKT của Trường DHLN được xây dựng với nội dung thông tin đầy đủ, chính xác, được cập nhật thường xuyên 2 năm 1 lần trên cơ sở lấy ý kiến các bên liên quan, đảm bảo tính khoa học và thực tiễn cao.

Đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT của Ngành QLKT được xây dựng và rà soát, cập nhật theo đúng các quy định của Bộ GD&ĐT và những hướng dẫn của Nhà trường, đảm bảo thông tin đầy đủ, chi tiết và cập nhật. Bản mô tả CTĐT, ĐCCT sau khi ban hành được công bố rộng rãi đến các bên liên quan để các bên dễ dàng tiếp cận.

Tự đánh giá: Tiêu chuẩn 2 có 3/3 tiêu chí đạt yêu cầu với mức điểm 5/7.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành QLKT được xây dựng dựa trên quy định chung của Bộ GD&ĐT về khung trình độ đào tạo quốc gia và các quy định hiện hành của Nhà trường, có tham khảo các chương trình đào tạo của các trường khác trong và ngoài nước.

Chương trình đào tạo ngành QLKT được thiết kế đã chú trọng đến việc cung cấp hệ thống hợp lý, logic các khối kiến thức dựa trên một nền tảng các môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành đủ rộng, đồng thời cung cấp các môn chuyên ngành có tính chuyên sâu cao và tính tùy chọn rộng nhằm tạo cơ hội để người học có thể đạt được các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Trên cơ sở khung trình độ quốc gia và các CDR, các học phần được thiết kế đưa vào chương trình đào tạo ngành QLKT theo hướng:

Thứ nhất, đảm bảo tính logic của hệ thống kiến thức (cơ sở nhóm ngành, cơ sở ngành và chuyên ngành);

Thứ hai, đảm bảo mỗi môn học trong chương trình đều có mục tiêu đáp ứng chuẩn đầu ra cụ thể của CTĐT;

Thứ ba, đảm bảo có một khối lượng môn học tự chọn đủ nhiều để học viên có thể lựa chọn kiến thức phù hợp cho nhu cầu học tập và định hướng công tác của mình.

Cấu trúc các nhóm kiến thức của chương trình đào tạo ngành QLKT được nêu trên Bảng 3.1.

Bảng 3.1. Kết cấu các khối kiến thức trong CTĐT ngành QLKT

TT	Khối kiến thức	Số học phần	Thời lượng (TC)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Khối kiến thức chung	2	7	11,67	
2	Khối kiến thức cơ sở	6	11	18,33	
<i>a</i>	<i>Các môn bắt buộc</i>	<i>4</i>	<i>9</i>	<i>15,00</i>	
<i>b</i>	<i>Các môn tự chọn</i>	<i>2</i>	<i>2</i>	<i>3,33</i>	<i>Chọn 2 TC trong số 4 TC</i>

3	Khối kiến thức chuyên ngành	20	32	53,33	
a	Các môn bắt buộc	7	14	23,33	
b	Các môn tự chọn	13	18	30,00	Chọn 18 trong số 36 TC
4	Luận văn tốt nghiệp		10	16,67	
	Tổng cộng	28	60	100,00	

Theo thiết kế, CTĐT thạc sĩ ngành QLKT của Trường ĐHLN có thời lượng 60 tín chỉ, được chia thành 4 nhóm kiến thức chính như sau:

- Nhóm kiến thức chung, gồm 2 học phần với thời lượng 7 tín chỉ, chiếm tỷ trọng 11,67% thời lượng.

Các học phần thuộc khối kiến thức này được thiết kế nhằm đáp ứng các chuẩn đầu ra số 1.1; 2.3; 2.4 và 3.1 của CTĐT.

- Nhóm kiến thức cơ sở, gồm 6 học phần với thời lượng 11 tín chỉ, chiếm tỷ trọng 18,33% thời lượng của chương trình, trong đó được thiết kế có 4 môn học bắt buộc (9 TC, chiếm 15% thời lượng) và 2 môn tự chọn (2TC với 3,33% thời lượng).

Các học phần thuộc khối kiến thức này được thiết kế nhằm đáp ứng các chuẩn đầu ra số 1.1; 1.2; 1.3; 2.1; 2.2; 2.3; 2.4; 3.1 và 3.2 của CTĐT.

- Nhóm kiến thức chuyên ngành gồm 20 học phần với thời lượng 32 tín chỉ, chiếm tỷ trọng 53,33% thời lượng của chương trình, trong đó được thiết kế có 7 học phần bắt buộc (14 TC, chiếm 23,33% thời lượng) và 13 học phần tự chọn (18 TC với 30% thời lượng).

Các học phần thuộc khối kiến thức này được thiết kế nhằm đáp ứng các chuẩn đầu ra số 1.1; 1.2; 1.3; 2.1; 2.2; 2.3; 2.4; 3.1 và 3.2 của CTĐT.

- Luận văn tốt nghiệp được thiết kế với thời lượng 10 TC, chiếm 16,67% thời lượng của chương trình.

Các học phần đều có Đề cương chi tiết được phê duyệt, trong đó có những quy định chi tiết về các CDR cụ thể, mức yêu cầu đạt CDR (theo thang Bloom) của học phần và quy định về cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên [**H2.02.02.04; H2.02.02.05; H2.02.02.06**]. Luận văn tốt nghiệp của học viên được thực hiện và đánh giá theo quy định của Nhà trường.

Tùy theo đặc điểm của từng học phần cụ thể mà giảng viên sẽ lựa chọn hình thức kiểm tra, đánh giá thích hợp trên cơ sở các quy định của Nhà trường để đánh giá mức

độ đáp ứng CĐR của từng môn học. Việc đánh giá kết quả học tập của học viên được thực hiện theo thang điểm chung của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành QLKT của Nhà trường đã được thiết kế, xây dựng phù hợp với hệ thống CĐR của CTĐT

- Các khối kiến thức và các học phần cụ thể đưa vào CTĐT là hợp lý, đảm bảo tính logic và hệ thống, có nhiều học phần tự chọn giúp người học lựa chọn theo yêu cầu học tập của từng cá nhân.

- Các học phần đều đã xác định được cách thức kiểm tra, đánh giá mức đáp ứng CĐR của học phần, từ đó có thể đánh giá mức đáp ứng CĐR chung của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Quản lý kinh tế là lĩnh vực rộng, trong khi đó các học phần, đặc biệt là khối các học phần tự chọn) đưa vào chương trình còn chưa bao trùm hết các lĩnh vực của ngành học, như lĩnh vực quản lý kinh tế trong doanh nghiệp, lĩnh vực quản lý kinh tế của các ngành trong nền kinh tế.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021, Khoa KT&QTKD tiến hành rà soát, cập nhật chương trình đào tạo, xem xét điều chỉnh, bổ sung thêm một số môn học cho phù hợp với yêu cầu của công tác quản lý kinh tế và bối cảnh mới của nền kinh tế.

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 3.1 đạt yêu cầu và mức điểm 5/7.

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả hiện trạng

Tất cả các học phần đưa vào CTĐT đều được xây dựng và phê duyệt Đề cương chi tiết. Trong bản đề cương chi tiết mỗi học phần đều có mục mô tả các thông tin quan trọng như: số TC, mục tiêu, yêu cầu, CĐR, nội dung của học phần, nhiệm vụ của học viên, tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá học viên [**H2.02.02.04; H2.02.02.05; H2.02.02.06**]

Các nội dung quy định trong đề cương chi tiết của học phần đều được xây dựng, thiết kế dựa trên việc đảm bảo đáp ứng các CĐR chung của CTĐT. Những đóng góp của từng học phần vào việc đáp ứng CĐR của CTĐT được thể hiện trong ma trận mối quan hệ giữa CTĐT với các CĐR [**H1.01.02.04; H1.01.02.05; H1.01.02.06**].

Mối quan hệ của từng học phần cụ thể với các CDR chung của CTĐT ngành QLKT được nêu trên Bảng 3.2.

Bảng 3.2. Đóng góp của các học phần trong việc đạt CDR của CTĐT

TT	Mã HP	Tên môn học	Số TC	Đáp ứng các CDR
A	Phần kiến thức chung		7	
1	FUTH 501	Triết học (Philosophy)	4	1.1; 2.3; 3.1
2	FUTA 502	Tiếng Anh I (English)	3	2.4; 3.1
B	Phần Kiến thức Cơ sở		11	
B1	Các HP bắt buộc		9	
3	QV0M 504	Kinh tế vĩ mô nâng cao (Macroeconomics)	2	1.1; 2.1
4	QV1M 505	Kinh tế vi mô nâng cao (Microeconomics)	2	1.2; 2.3
5	QKQL 506	Khoa học quản lý (Management Sciences)	3	1.1; 2.2; 3.2
6	QTKK 507	Thống kê kinh tế nâng cao (Economic Statistic)	2	1.3; 2.3; 3.1
B2	Các HP tự chọn		2	
7	QTUD 508	Tin học UD trong QLKT (Applied Informatics in Economic Management)	2	2.4; 3.1
8	QKTL 509	Kinh tế lượng nâng cao (Econometrics)	2	2.4
C	Phần Kiến thức chuyên ngành		32	
C1	Các học phần bắt buộc		14	

TT	Mã HP	Tên môn học	Số TC	Đáp ứng các CDR
9	QQLN 510	Quản lý nhà nước về kinh tế (State Management on Economy)	2	1.1; 2.2
10	QKCL 511	Kế hoạch và chiến lược phát triển KT-XH (Socio-Economic Development Strategy and Planning)	2	1.2; 2.1; 2.2; 2.3
11	QKCC 512	Kinh tế công cộng nâng cao (Advanced Public Economics)	2	1.1; 2.1
12	QTCC 513	Tài chính công (Public Finance)	2	1.2; 2.3; 3.1
13	QCSC 514	Chính sách và quản lý công (Public Policy and Management)	2	1.3; 2.1; 2.2; 2.3; 3.1
14	QQTK 515	Quản trị doanh nghiệp (Business Management)	2	1.2; 1.3; 2.1; 2.2; 2.3; 3.1; 3.2
15	QPNK 516	Phương pháp NCKH trong quản lý kinh tế (Research Methodology in Economic Management)	2	2.3; 3.1
C2	Các học phần tự chọn		18/26	
16	QKTQ 517	Kinh tế quốc tế nâng cao (International Economics)	2	1.2; 2.1
17	QTDT 518	Kinh tế và quản lý đầu tư (Investment Economics and Management)	2	1.3; 2.1; 2.3; 3.2
18	QKPT 519	Kinh tế phát triển nâng cao (Economics of Development)	2	1.2; 1.3; 2.1; 2.3

TT	Mã HP	Tên môn học	Số TC	Đáp ứng các CDR
19	QQNL 520	Quản lý nguồn nhân lực (Human Resource Management)	2	1.2; 2.2; 3.2
20	QQCD 521	Quản lý chương trình và dự án (Program and Project Management)	2	1.3; 2.1; 2.2; 2.3
21	QMK 522	Quản trị marketing (Marketing Management)	2	1.3; 2.1; 3.2
22	QQKN 523	Quản lý kinh tế nông nghiệp (Agricultural Economic Management)	2	1.2; 2.1; 2.2; 2.3
23	QLKT 524	Luật Kinh tế (Economic Law)	2	1.1; 3.1; 3.2
24	QQHC 525	Quan hệ công chúng (Public Relations)	2	2.3; 3.2
25	QPNT 526	Phát triển nông thôn (Rural Development)	2	1.2; 2.1; 2.2; 2.3; 3.1; 3.2
26	QKQT 527	Kinh tế và quản lý tài nguyên môi trường (Environmental & Natural Resource Economics and Management)	2	1.2; 2.1; 2.3; 3.1; 3.2
27	QTLH 528	Tâm lý học quản lý (Management Psychology)	2	2.3; 3.1; 3.2
28	QS1 529	Seminar	2	1.2; 2.1; 3.1; 3.2
D	Luận văn tốt nghiệp		10	1.3; 2.2; 2.3; 3.1; 3.2

2. Điểm mạnh

- Các đề cương chi tiết của từng học phần trong CTĐT thạc sĩ ngành QLKT của Nhà trường đều có quy định về CDR của môn học.

- Các quy định về CDR của học phần đều được thiết kế trên cơ sở triển khai thực hiện các CDR chung của CTĐT.

- Các học phần đều có đóng góp ở các mức độ khác nhau đối với CDR chung của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Một số học phần còn quá tập trung cho các chuẩn đầu ra về mặt lý thuyết, các chuẩn đầu ra về kỹ năng và thái độ còn chưa được quán triệt đầy đủ ở một số môn học.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2021-2022, Khoa KT&QTKD triển khai rà soát lại CDR của ngành học và cân nhắc lại sự quán triệt các CDR chung của ngành học vào từng học phần cụ thể.

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 3.2 đạt yêu cầu với mức điểm **5/7**

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình dạy học ngành QLKT của trường ĐHLN được xây dựng theo đúng logic thiết kế chương trình đào tạo: bắt đầu từ các môn thuộc khối kiến thức chung, sau đó là các môn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành rồi đến các môn kiến thức chuyên môn, cuối cùng là một luận văn tốt nghiệp để vận dụng tổng hợp các kiến thức đã được trang bị để giải quyết một vấn đề của thực tiễn chuyên ngành [**H1.01.01.02; H1.01.01.03; H1.01.01.04**].

Các học phần được bố trí học tập theo các học kỳ theo hướng đảm bảo tính kế thừa về mặt kiến thức khoa học theo trình tự logic của các lĩnh vực kiến thức, đảm bảo cho học viên thuận lợi trong việc tiếp thu và phát triển kiến thức theo từng định hướng học tập của mình [**H2.02.02.04; H2.02.02.05; H2.03.02.01**].

CTĐT ngành QLKT được cập nhật, điều chỉnh theo định kỳ 2 năm một lần trên cơ sở kết quả khảo sát các bên liên quan, đối sánh với chương trình đào tạo của các trường khác và ý kiến đề xuất của các giảng viên. CTĐT điều chỉnh được ban hành sau khi có ý kiến thảo luận và thống nhất của toàn bộ giáo viên và được Hội đồng giáo dục đào tạo thông qua [**H1.01.01.01; H1.01.01.02; H1.01.01.03**].

Những điều chỉnh, cập nhật CTĐT ngành QLKT trong những năm gần đây được nêu trong Bảng 3.3.

Bảng 3.3. Những điều chỉnh CTĐT ngành QLKT trong những năm gần đây

Năm	Nội dung điều chỉnh	Lý do điều chỉnh	Minh chứng
2017	- Bỏ 2 học phần (Tài chính tín dụng và Chính sách công); - Điều chỉnh một số nội dung trong mục tiêu, yêu cầu của CTĐT; - Cập nhật nội dung của tất cả các học phần; - Tăng thêm 2 học phần là (Tài chính công và Chính sách & Quản lý công) vào khối kiến thức chuyên ngành; - Thêm 2 học phần thuộc khối kiến thức tự chọn.	Đảm bảo tính cập nhật về mặt nội dung và tên gọi các học phần có nội dung mới.	H1.01.01.01
2019	- Điều chỉnh một số nội dung trong mục tiêu và yêu cầu đào tạo. - Điều chỉnh điều kiện dự thi tuyển đầu vào; - Cập nhật lại nội dung của tất cả các học phần; - Bỏ bớt 1 môn thuộc khối kiến thức chung; - Tăng thêm 2 học phần tự chọn.	Cập nhật quy chế đào tạo mới Cập nhật nội dung mới trong lĩnh vực QLKT	H1.01.01.02

Năm	Nội dung điều chỉnh	Lý do điều chỉnh	Minh chứng
2019	- Điều chỉnh một số khía cạnh trong mục tiêu, yêu cầu của CTĐT; - Cập nhật nội dung của tất cả các học phần; - Điều chỉnh tên gọi của 5 học phần.	Cập nhật quy chế đào tạo mới Cập nhật nội dung mới trong lĩnh vực QLKT	H1.01.01.03

2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học được thiết kế đảm bảo có cấu trúc hợp lý giữa các khối kiến thức, đảm bảo tính logic của các học phần, có tính kế thừa và tích hợp, được bố trí hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi để người học tiếp thu kiến thức từng học phần và đảm bảo đạt được chuẩn đầu ra của toàn bộ CTĐT.

Chương trình dạy học được cập nhật thường xuyên theo định kỳ 2 năm một lần theo đúng quy định.

3. Điểm tồn tại

Một số nội dung mới trong QLKT hiện nay chưa được cập nhật kịp thời vào chương trình đào tạo như: Kinh tế số, kinh tế chia sẻ, quản lý trên môi trường mạng...

4. Kế hoạch hành động

Năm 2021 vào nhip điều chỉnh cập nhật tiếp theo sẽ đưa thêm các nội dung mới vào các học phần phù hợp.

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 3.3 đạt yêu cầu với mức điểm 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Chương trình dạy học chương trình thạc sĩ ngành QLKT của Trường ĐHLN đã được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra thống nhất, mỗi học phần trong CTĐT đều thể hiện sự đóng góp cụ thể của học phần trong việc đạt được CĐR chung của ngành học.

CTĐT có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp thu kiến thức và phát triển kỹ năng của người học.

Việc điều chỉnh, cập nhật và tích hợp trong CTĐT được thực hiện thường xuyên theo định kỳ.

Tự đánh giá: Tiêu chuẩn 3 có 3/3 tiêu chí đạt yêu cầu với mức điểm 5/7.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học

Mở đầu

Đối với Nhà trường, người học luôn được coi là trung tâm của quá trình dạy học, trong đó giảng viên là người hướng dẫn, hỗ trợ người học trong suốt quá trình học tập. Đối với bậc đào tạo thạc sĩ ngành QLKT thì vai trò của HV còn được thể hiện rõ hơn trong từng giờ học của các học phần. Việc xác định rõ triết lý giáo dục, GV của Nhà trường đã lồng ghép triết lý này vào việc áp dụng phối kết hợp các phương pháp giảng dạy đa dạng, thực tế để đạt được hiệu quả cao nhất trong hoạt động dạy và học.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHLN xác định mục tiêu giáo dục: “Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao phục vụ ngành lâm nghiệp và phát triển nông thôn, đáp ứng nhu cầu xã hội cũng như sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Người học khi tốt nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống tốt; có kiến thức cơ bản, chuyên môn vững vàng, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp cơ bản; có khả năng tự học, tự nghiên cứu thích ứng với thực tiễn; có kỹ năng tin học, ngoại ngữ đủ đáp ứng yêu cầu công việc và hội nhập quốc tế”. Mục tiêu này được Nhà trường xác định trong nghị quyết Hội đồng trường tháng 11 năm 2013 **[H4.04.01.01]**.

Các giá trị cốt lõi mà trường ĐH Lâm nghiệp đã và đang xây dựng bao gồm:

1. Chất lượng và hiệu quả
2. Đổi mới và sáng tạo
3. Kế thừa và phát triển
4. Hợp tác và thân thiện
5. Trung thực và trách nhiệm

Mục tiêu, triết lý giáo dục của Trường cũng được đăng tải công khai trên website chính thức của nhà trường <http://www.vnuf.edu.vn> nhằm phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan như học viên, sinh viên, cán bộ giảng viên, lao động, chuyên gia, nhà tuyển dụng...[H4.04.01.02].

Ngoài ra mục tiêu và triết lý giáo dục của Trường cũng được in trên các pano, áp phích đặt trong khuôn viên trường nhằm tiếp cận nhanh và trực quan nhất đối với sinh viên, học viên, giảng viên.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường đã được tuyên bố và phổ biến rộng rãi đến học viên và các bên liên quan qua nhiều phương thức khác nhau. SV và các bên liên quan hiểu rõ về mục tiêu giáo dục của trường.

3. Tồn tại

Mặc dù mục tiêu đào tạo ngành QLKT được công bố rõ ràng, phù hợp với triết lý giáo dục của Nhà trường, tuy nhiên, việc phổ biến đến các bên liên quan còn khá ít về số lượng, do vậy số lượng ý kiến đóng góp của các bên liên quan nhận được là hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian
Tăng cường tính công khai, minh bạch của mục tiêu đào tạo ngành QLKT	Đa dạng hoá các hình thức phổ biến, công khai mục tiêu CTĐT ngành QLKT: Gửi thông tin đến nhà tuyển dụng, công bố trên các tờ quảng bá ngành, trong các phiếu điều tra gửi đến các đối tượng...	- Khoa KT&QTKD - Phòng Đào tạo sau đại học	Từ năm học 2021-2022

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 4.1. đạt yêu cầu với mức điểm 5/7

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm 2015 đến nay, CĐR ngành QLKT trình độ thạc sỹ đã được rà soát, điều chỉnh 3 lần vào các năm 2017, 2019 và 2021. CĐR trình độ thạc sỹ ngành QLKT đã bảo

quát được mức độ đạt được của học viên về cả kiến thức, kỹ năng và thái độ **[H1.01.02.01; H1.01.02.02; H1.01.02.03]**.

Trên cơ sở CDR của đã được ban hành, việc lựa chọn các môn học nhằm đào tạo học viên hướng đến đạt CDR được thực hiện thông qua ma trận kiến thức, kỹ năng, từ đó đảm bảo tính logics và thực tế của CTĐT **[H2.02.01.01; H2.02.01.02; H2.02.01.03]**.

Căn cứ vào các kết quả phân tích ma trận, kiến thức, kỹ năng, các môn học trong CTĐT sẽ được lựa chọn và biên soạn đề cương chi tiết. Các nội dung này được thể hiện trong Bản mô tả Chương trình đào tạo ngành QLKT **[H2.02.01.01; H2.02.01.02; H2.02.01.03]**.

Các phương pháp dạy và học được thiết kế chi tiết trong đề cương chi tiết các môn học và bài giảng của giảng viên **[H4.04.02.01; H2.02.02.04; H2.02.02.05; H2.02.02.06]**. ĐCCT mỗi môn học ngành QLKT đều nêu rõ số lượng giờ học lý thuyết trên lớp, số giờ bài tập, thảo luận, thực hành tại lớp và số giờ tự học của SV cụ thể. Trong ĐCCT mỗi môn học cũng nêu rõ với từng nội dung của môn học thì GV sử dụng phương pháp giảng dạy nào? GV và SV thực hiện các hoạt động như thế nào trên lớp? các yêu cầu đối với SV cần chuẩn bị đối với mỗi nội dung. Các phương pháp dạy và học được áp dụng trong CTĐT thạc sỹ QLKT rất đa dạng và phong phú, phù hợp, được giảng viên thiết kế theo từng nội dung tương ứng. Các phương pháp được sử dụng phổ biến nhất đó là: thảo luận nhóm, giải quyết tình huống, hỏi – đáp, trò chơi mô phỏng, tiểu luận, thực hành,... **[H1.01.02.01]**.

Với thời hạn đào tạo là 2 năm, các học viên được học các kiến thức quan trọng liên quan đến chuyên ngành Quản lý kinh tế, phương pháp luận nghiên cứu trong thời gian 1,5 năm đầu tiên. Thời gian còn lại học viên tập trung vào việc tìm tòi, nghiên cứu các thông tin, tài liệu, lựa chọn và thực hiện đề tài luận văn tốt nghiệp trên cơ sở hướng dẫn của giảng viên. Trình tự thực hiện chương trình đào tạo được thể hiện trong phân kỳ đào tạo ngành Quản lý kinh tế, kế hoạch đào tạo của từng khoá theo kỳ **[H1.01.02.02]**. Căn cứ chuyên môn được đào tạo, giảng viên có trình độ tiến sỹ trở lên được giao nhiệm vụ giảng dạy các môn học và hướng dẫn tốt nghiệp cho học viên theo từng nhóm lĩnh vực đề tài **[H1.01.02.03]**.

Công cụ để giảng viên lên lớp truyền đạt kiến thức cho học viên chủ yếu là các bài giảng điện tử (powerpoint) và các tài liệu giáo trình, bài giảng, tài liệu tổng hợp/hướng dẫn được giảng viên phát cho học viên **[H4.04.02.01]**.

Thông qua kết quả đánh giá cũng như nội dung các bài tập thực hành, tiểu luận, báo cáo của học viên cho thấy phương pháp dạy và học đã giúp học viên đạt được chuẩn đầu ra thạc sỹ ngành QLKT **[H2.02.02.04; H2.02.02.05; H2.02.02.06]**.

Bên cạnh hoạt động dạy và học trên lớp thì học viên còn được tham gia các Hội thảo chuyên môn, tham gia các chuyến tham quan thực tế giúp học viên có được trải nghiệm thực tế cũng như hiểu sâu hơn về các kiến thức đã học **[H4.04.02.02]**

Cổng thông tin học tập trực tuyến của Trường (thư viện trực tuyến) là nơi cung cấp thông tin hữu ích, đa dạng với hệ thống cơ sở dữ liệu khoa học trong và ngoài nước đã được Nhà trường đăng ký phục vụ cho việc tra cứu thông tin, học tập, tìm hiểu của học viên, sinh viên toàn trường miễn phí. Với phần mềm quản lý thân thiện và các tài liệu hướng dẫn sử dụng thư viện trực tuyến đã được thông báo đến giảng viên cũng như học viên đã tạo điều kiện thuận lợi để học viên có thể học tập tốt hơn, tiếp cận với tri thức khoa học. Từ đó nâng cao chất lượng dạy và học ở góc độ tổng thể cũng như nâng cao chất lượng của các công trình nghiên cứu luận văn thạc sỹ khi tốt nghiệp **[H4.04.02.03]**.

Trường DHLN luôn luôn coi trọng chất lượng đầu ra đối với các học viên. Luận văn tốt nghiệp thạc sỹ là một trong những học phần cũng như điều kiện quan trọng để học viên có thể đáp ứng được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Kế hoạch học tập ngành Quản lý kinh tế được xây dựng chi tiết và thực hiện một cách nghiêm túc. Từ danh sách giảng viên giảng dạy, hướng dẫn (đã được rà soát đủ điều kiện được hướng dẫn luận văn) đến danh sách đăng ký giảng viên hướng dẫn, đăng ký đề tài được Phòng ĐTSĐH rà soát kỹ càng, đảm bảo không trùng lặp với các đề tài đã có, cân đối số lượng học viên với số lượng giảng viên hướng dẫn **[H4.04.02.04]**

Phòng ĐTSĐH cũng phối hợp với Khoa KT&QTKD để thực hiện các hoạt động khoa học như bảo vệ đề cương; báo cáo tiến độ làm luận văn.... nhằm giúp học viên có cơ hội trình bày về ý tưởng nghiên cứu cũng như nhận được sự góp ý của các thầy, cô, chuyên gia trong ngành. Từ đó giúp cho học viên có cơ sở vững chắc để tiến hành và hoàn thiện đề tài đảm bảo đáp ứng các yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đồng thời đảm bảo hàm lượng khoa học, tính mới, tính thực tiễn của đề tài **[H4.04.02.05; H4.04.02.06]**.

Hội đồng bảo vệ luận văn thạc sỹ được thành lập trên cơ sở quy định của Trường DHLN, Bộ GD&ĐT. Các quy định về cách thức bảo vệ luận văn, đánh giá, cho điểm đều thực hiện đúng quy định, đảm bảo tính công bằng, chính xác, khoa học. Các tiêu chí đánh giá được áp dụng đồng nhất **[H4.04.02.07; H4.04.02.08; H4.04.02.09]**.

Để đánh giá hiệu quả của các phương pháp dạy và học thì sự hài lòng của học viên là quan trọng nhất. Cuối mỗi kỳ học, môn học, học viên được tham gia đánh giá về giảng viên và môn học. Tổng hợp kết quả cho thấy 90% người được hỏi đánh giá trình độ và năng lực giảng dạy của giảng viên tốt; 92% đánh giá nội dung các môn học là phù hợp, kiến thức cập nhật với thực tiễn. [H4.04.02.10]

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế, lựa chọn các môn học/học phần giảng dạy được thực hiện dựa trên phân tích ma trận kiến thức, kỹ năng để đảm bảo tính logic với mục tiêu đào tạo và CĐR. Phương thức dạy và học ngành QLKT cũng được sử dụng đa dạng, tăng cường tính tự chủ của học viên, được thiết kế có tính đến tính đặc thù của từng môn học, qua đó giúp nâng cao hiệu quả việc dạy và học.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù đã có nhiều đổi mới trong phương pháp dạy và học, tuy nhiên cũng chưa thật sự có nhiều đổi mới trong phương pháp, đặc biệt là các phương pháp hướng dẫn HV tự học, tự nghiên cứu, kích thích tính sáng tạo của HV.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
Đổi mới phương pháp dạy và học	- Đa dạng hoá hơn nữa các phương pháp giảng dạy tích cực, lấy người học làm trung tâm. - Tăng cường các hoạt động làm việc nhóm, thời lượng cho thảo luận và đi thực tế cho HV.	- Khoa KT&QTKD - Phòng ĐTSĐH	Năm học 2020 – 2021 và các năm tiếp theo

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 4.2 đạt yêu cầu với mức điểm 5/7

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Việc thiết kế các hoạt động dạy và học đối với chuyên ngành QLKT trình độ thạc sĩ phù hợp thúc đẩy HV có được kiến thức, những kỹ năng cần thiết của nghề, kỹ năng mềm đồng thời rèn luyện cho HV khả năng tự học, tự nghiên cứu, khả năng học tập suốt đời.

CTĐT bậc thạc sĩ ngành QLKT được vận hành theo học chế TC, cho phép người học linh hoạt trong việc đăng ký môn học trong CTĐT. Trong ĐCCT môn học đều đưa ra phương pháp dạy học, được thiết kế phù hợp với đối tượng. Việc tự học, tự nghiên cứu được giới thiệu đến HV khi bắt đầu môn học cũng như tài liệu học tập cần tham khảo theo từng chương hoặc nội dung cụ thể để HV có sự chuẩn bị tốt nhất đồng thời nhấn mạnh vai trò tự nghiên cứu, tự học cần có ở bậc đào tạo trình độ thạc sĩ. Thông qua ĐCCT môn học, HV nắm được mục tiêu môn học, CĐR, nội dung môn học, các giáo trình, tài liệu tham khảo cũng như cách thức để đạt được kỹ năng thiết yếu theo CĐR của môn học **[H4.04.03.01; H2.02.01.01; H2.02.01.02; H2.02.01.03]**.

Trên cơ sở CĐR đã ban hành, các hoạt động dạy và học trong từng học phần/môn học được thiết kế riêng, phù hợp với nội dung kiến thức nhằm góp phần rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm cho HV, tăng khả năng tự học tập và học tập suốt đời của HV.

HV được xem là trung tâm của quá trình dạy và học nên các hoạt động dạy và học luôn được quan tâm cải tiến để thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Các môn học/học phần ở CTĐT thạc sĩ chuyên ngành QLKT bao gồm các học phần chung về quản lý và các học phần chuyên môn sâu về quản lý kinh tế, trong đó các bài giảng được thiết kế mở, đòi hỏi người học cần nghiên cứu, mở rộng kiến thức thực tế, đòi hỏi người học phải biết cập nhật và ứng dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác như các hoạt động thảo luận, seminar... **[H2.02.02.04; H2.02.02.05; H2.02.02.06]**.

Mỗi học phần/môn học đều quy định rõ số lượng giờ học trên lớp, số giờ bài tập, thảo luận (nếu có) và số giờ tự học được thiết kế theo định hướng tăng số lượng giờ bài tập, thảo luận, viết chuyên đề và giờ tự học, giảm số giờ học lý thuyết. Số giờ tự học đối với HV được quy định cụ thể với từng nội dung và có thời lượng gấp đôi so với số giờ lý thuyết, tức là HV phải dành nhiều thời gian hơn cho việc đọc, nghiên cứu các tài liệu, giáo trình liên quan để chuẩn bị cho các hoạt động học tập trên lớp **[H4.04.03.02]**.

Để HV có thể trao đổi, cung cấp thông tin với giảng viên một cách nhanh nhất, Khoa KT&QTKD phối hợp với Phòng Đào tạo SDH luôn có nhân viên hỗ trợ sẵn sàng giúp HV giải đáp mọi thắc mắc về môn học cũng như các vấn đề học vụ **[H4.04.03.03; H4.04.03.04]**.

Trong CTĐT bậc thạc sĩ chuyên ngành QLKT, ngoài 2 học phần seminar để trao đổi và cập nhật các vấn đề thực tiễn quản lý, các môn học khác cũng xen kẽ việc thảo

luận, phân tích tình huống để nâng cao khả năng vận dụng kiến thức, đồng thời mở ra các hướng nghiên cứu cho học viên để nâng cao khả năng tự học, phát triển bản thân. **[H4.04.03.05].**

Sau khi kết thúc chương trình học các môn học, HV có 6 tháng làm LVTN. Các chủ đề nghiên cứu đối với LVTN là những vấn đề cụ thể cần được giải quyết tại đơn vị thực tập. Thông qua đợt thực tập tốt nghiệp, các đề tài luận văn tốt nghiệp của học viên cao học QLKT của Trường những năm qua, có thể khẳng định mức độ cập nhật, mức độ đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của CTĐT **[H4.04.03.04].**

Với mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường định kỳ tổ chức các đợt tập huấn về phương pháp giảng dạy và nghiệp vụ sư phạm để tất cả GV có cơ hội tiếp cận những vấn đề thực tế liên quan đến PPGD, được học hỏi chia sẻ với nhau, từ đó điều chỉnh và lựa chọn các phương pháp giảng dạy phù hợp hơn, giúp cải tiến hoạt động học tập của HV cũng như cách đánh giá HV. Cử GV học tập nâng cao trình độ Tiến sĩ phù hợp với chuyên ngành ở trong và ngoài nước, tham gia các hội thảo, các lớp bồi dưỡng ngắn hạn để trau dồi chuyên môn, lĩnh hội các kiến thức mới. **[H4.04.03.05]**

Hiệu quả các phương pháp dạy và học ngành QLKT bậc đào tạo trình độ Thạc sĩ được đánh giá thông qua nhiều hoạt động khác nhau. Cụ thể: Cuối mỗi kỳ học, Phòng KT&ĐBCL thực hiện lấy ý kiến của HV về môn học và GV trong kỳ **[H4.04.03.07].** tiếp nhận ý kiến phản hồi của HV, tổng hợp đánh giá, đưa ra cải tiến về phương pháp dạy và học góp phần đáp ứng được mong đợi của HV. Tổng hợp kết quả đánh giá GV và môn học trong những năm qua (2015 - 2020) cho thấy trên 90% học viên đánh giá môn học và giảng viên đáp ứng tốt yêu cầu. **[H4.04.03.10].**

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học ngành QLKT trình độ thạc sĩ của trường ĐHLN được thiết kế và thực hiện khoa học, đảm bảo đạt được các CĐR và mục tiêu CTĐT. Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện tốt cho người học rèn luyện các kỹ năng tự học và khả năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

Trong công tác giảng dạy, do đặc thù của nhiều môn học mà việc áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực còn hạn chế. Ngoài ra, việc đánh giá, kiểm tra các hoạt động tự học, tự nghiên cứu của HV chưa thực sự hiệu quả do học viên phân tán, trình độ chuyên môn không thực sự đồng đều.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
Tăng cường đổi mới phương pháp dạy và học của GV và HV	Thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo phương pháp giảng dạy	Khoa KT&QTKD	Năm học 2020-2021 và các năm tiếp theo
Đổi mới cách thức giảng dạy, giảm giờ giảng lý thuyết, tăng thực hành, thực tập, viết chuyên đề	Tăng thời lượng thực hành thực tập thực tế, viết chuyên đề cho HV	Giảng viên	
Đổi mới phương pháp đánh giá kết quả học tập của HV	Kết hợp đánh giá năng lực học tập với năng lực tự học, tự nghiên cứu của HV	Khoa KT&QTKD	

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 4.3 đạt yêu cầu với mức điểm 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

CTĐT bậc thạc sĩ ngành QLKT có mục tiêu đào tạo rõ ràng, phù hợp với mục tiêu và triết lý giáo dục của Nhà trường và phù hợp với luật GDĐH, được công bố rộng rãi đến các bên liên quan gồm GV, HV, đơn vị sử dụng và xã hội. Để đảm bảo thực hiện được các mục tiêu này, CTĐT bậc thạc sĩ ngành QLKT Trường ĐHLN đã chú trọng thiết kế các hoạt động dạy và học phù hợp như việc bố trí khối kiến thức đào tạo, lựa chọn môn học, phương thức dạy và học phù hợp ...nhằm tăng cường kiến thức và kỹ năng thực tế cho người học. Các môn học được lựa chọn đảm bảo cung cấp đủ các kiến thức, kỹ năng và khả năng phát triển, cập nhật kiến thức của HV, giúp HV đạt được yêu cầu của CĐR ngành học. Những yêu cầu tự học, phương thức chấm điểm, đánh giá HV đa dạng trong mỗi học phần đã phần nào góp phần thúc đẩy rèn luyện, nâng cao khả năng học tập suốt đời cho HV.

Mặc dù vậy, phương thức kiểm tra, đánh giá hoạt động tự học người học chưa thực sự đa dạng và hiệu quả, các hình thức thi còn chủ yếu ở thi viết và làm tiểu luận, hình thức thi vấn đáp, làm đồ án...là khá hạn chế. Trong thời gian tới, ngành học cũng cần đổi mới phương pháp dạy học theo hướng nâng cao khả năng tự học cho HV.

Tự đánh giá: Tiêu chuẩn 4 có 3/3 tiêu chí đạt yêu cầu với mức điểm 5/7.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Việc đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLKT được thiết kế để đo lường được mức độ đạt được CDR của CTĐT, bao gồm cả kiến thức và kỹ năng chung, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Các quy định về đánh giá KQHT của người học theo CTĐT bậc thạc sĩ chuyên ngành QLKT đều được thông báo công khai tới người học thông qua bản mô tả chương trình và ĐCCT môn học. Trước khi bắt đầu tham gia các môn học trong CTĐT bậc thạc sĩ chuyên ngành QLKT, người học được thông báo về kế hoạch, hình thức và tiêu chuẩn KTĐG sử dụng trong từng môn học. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đồng thời được lưu trữ để đánh giá, phục vụ cho công tác KĐCL. Việc kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời giúp người học cải thiện việc học tập, tạo điều kiện để người học tiếp cận dễ dàng và chủ động hơn trong việc học tập cũng như quá trình khiếu nại về KQHT.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá KQHT của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR

1. Mô tả hiện trạng

Công tác đánh giá KQHT được thực hiện xuyên suốt từ đầu vào – quá trình học tập – đầu ra thông qua hoạt động: Tuyển sinh đầu vào – học tập các môn học theo chương trình, xét tốt nghiệp, thực hiện luận văn tốt nghiệp (LVTN) được thực hiện theo các quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường cũng đã thường xuyên điều chỉnh, nâng cấp, hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thực hiện cụ thể hóa các nội dung của quy chế, quy định về công tác KTĐG. Quy trình đánh giá rõ ràng, thông tin kết quả đánh giá được công bố công khai trên website của Nhà trường và website của Phòng ĐTSĐH. Cụ thể:

Thứ nhất, Nhà trường thực hiện tuyển sinh đầu vào theo Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ do Bộ giáo dục và đào tạo ban hành [H5.05.01.01]. Tuyển sinh đầu vào trình độ thạc sĩ theo hình thức thi tuyển, mỗi năm 2 đợt [H5.05.01.02], nhà trường công khai

thông báo tuyển sinh, kết quả chấm và thời gian nhận đơn chấm phúc khảo thi tuyển sinh được đăng tải trên website công thông tin tuyển sinh của nhà trường **[H5.05.01.03]**.

Tình hình tuyển sinh của CTĐT bậc thạc sĩ chuyên ngành QLKT qua các năm như sau:

Bảng 5.1. Tình hình tuyển sinh CTĐT bậc thạc sĩ chuyên ngành QLKT

Năm học	Số thí sinh trúng tuyển	Điểm trung bình trúng tuyển
Năm 2016 – 2017	85	16,7
Năm 2017 – 2018	239	14
Năm 2017 – 2018	432	14
Năm 2018 – 2019	386	14.5
Năm 2019 – 2020	244	14
N m²		

Thứ hai, công tác đánh giá quá trình của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR đã được xây dựng, rà soát và cập nhật hàng năm để đảm bảo . Nhà trường đã ban hành quy chế tổ chức và đào tạo trình độ thạc sĩ, trong đó quy định rõ việc tổ chức đào tạo, thi, kiểm tra, đánh giá môn học, điều kiện tốt nghiệp, công khai cam kết chất lượng đào tạo ngành QLKT trên website công thông tin tuyển sinh của Nhà trường **[H5.05.01.04; H5.05.01.05; H5.05.01.06; H4.04.03.01; H5.05.01.07; H5.05.01.08]**. Bên cạnh đó, trong bản mô tả CTĐT, cũng như ĐCCT từng môn học đã nêu rõ về yêu cầu của hoạt động KTĐG KQHT của người học (các điểm thành phần gồm: bài tập, kiểm tra thường xuyên, tiểu luận, thi kết thúc môn học và điểm tổng kết), công cụ thực hiện KTĐG để đảm bảo tính kết nối giữa phương pháp KTĐG và việc đạt được CDR **[H2.02.02.04; H2.02.02.05]**.

Cách thức đánh giá được áp dụng phù hợp với từng mục đích đánh giá, đảm bảo chất lượng và quyền lợi của học viên. Nhà trường có triển khai khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV **[H5.05.01.09]**, kết quả phản hồi từ người học cho thấy, các thông tin đánh giá được giới thiệu đầu khóa học và học viên được các giảng viên giới thiệu vào đầu học phần, trong tài liệu sổ tay học viên cũng nêu rõ về hình thức tổ chức đánh giá học phần, điều kiện dự thi, trọng số điểm và cách thức tính điểm và đánh giá kết quả môn học **[H5.05.01.10]**.

- *Đối với các CDR kiến thức*: bao gồm kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên

ngành và việc kiểm tra mức độ đạt được các kiến thức này được thông qua bài thi kết thúc học phần, các bài kiểm tra giữa kỳ, điểm quá trình và điểm chuyên cần để tính điểm thành phần.

- *Đối với các CDR kỹ năng*: được đánh giá thông qua cách trình bày, bài tập giải quyết tình huống, khả năng thuyết trình và bài thi cuối kỳ. Về khả năng thiết kế, triển khai các vấn đề được đánh giá thông qua việc hoàn thành bài tập tình huống, bài tập nhóm, bài tập lớn.

- *Đối với các CDR về mức tự chủ và trách nhiệm*: việc đánh giá được thực hiện thông qua các nhiệm vụ được giao trong quá trình học tập, thái độ khi thi cử, đặc biệt là thái độ làm việc nhóm, thái độ ứng xử khi lấy số liệu thực hiện LVTN, bảo vệ LVTN...

Trên cơ sở quy chế tổ chức và đào tạo trình độ thạc sĩ, Nhà trường còn ban hành quy trình soạn thảo đề thi, quy trình quản lý điểm (chấm và công bố điểm thi). Tương ứng với yêu cầu của từng môn học, các điểm số từng môn sẽ được xử lý để đánh giá mức độ đạt được CDR của môn học đó. Mỗi môn học được tổng hợp từ điểm đánh giá quá trình, giữa kỳ và điểm thi kết thúc học phần **[H5.05.01.11]**.

Thứ ba, kết quả đầu ra cuối khóa học là kết quả học tập của toàn khóa học theo CTĐT đã quy định. Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ cũng đều có tiêu chí đánh giá điểm rõ ràng để hướng đến đạt CDR ngành QLKT và CTĐT, đồng thời hướng đến việc học tập suốt đời **[H5.05.01.12; H5.05.01.13; H5.05.01.14; H5.05.01.15; H5.05.01.16; H5.05.01.17; H5.05.01.18; H5.05.01.19]**.

Nhà trường đã thành lập phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng là đơn vị chuyên trách về thanh tra, kiểm tra hoạt động dạy học, KTĐG **[H5.05.01.20; H5.05.01.21; H5.05.01.22]** để đảm bảo việc đánh giá KQHT của HV là khách quan, chính xác và công bằng.

2. Điểm mạnh

Hoạt động đánh giá KQHT của người học được xây dựng theo quy trình chặt chẽ, bám sát các yêu cầu của CDR, đảm bảo công khai, và đảm bảo quyền lợi của học viên.

3. Điểm tồn tại

CDR về mức tự chủ và trách nhiệm trong CTĐT chỉ thực hiện đánh giá trong quá trình học tập nhưng chưa thể được đánh giá toàn diện.

4. Kế hoạch hành động

Điều chỉnh thang đánh giá về mức tự chủ và trách nhiệm, tăng cường đánh giá thái độ đối với nghề nghiệp trong quá trình thực tế làm việc tại cơ quan, doanh nghiệp.

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 5.1 đạt yêu cầu với mức điểm là 5/7

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá KQHT của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả hiện trạng

Các quy định về đánh giá KQHT của người học được thực hiện theo đúng văn bản quy định về cách thức KTĐG của Nhà trường theo từng kỳ thi xuyên suốt quá trình học tại Trường, gồm: tuyển sinh đầu vào, thi kết thúc môn học, thực hiện LVTN với các tiêu chuẩn tương ứng **[H5.05.01.04; H5.05.01.08]**. GV đều được phổ biến đầy đủ về tài liệu hướng dẫn về thiết kế câu hỏi, đề thi; người học được thông báo công khai về các tiêu chuẩn đánh giá KQHT trên Website của Phòng ĐTSĐH, Bản mô tả CTĐT, ĐCCT các môn học và Sổ tay HV các năm học **[H5.05.01.05; H5.05.01.06; H4.04.03.01; H5.05.01.07]; H5.05.02.03; H5.05.02.04]**.

Tất cả các HV đều hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra/ đánh giá kết quả học tập của người học. Đề cương chi tiết các môn học của CTĐT chuyên ngành QLKT có quy định rõ ràng cách đánh giá theo từng môn học. Mỗi môn học gồm điểm thành phần và điểm tổng kết. Trong đó, điểm thành phần gồm: bài tập, kiểm tra thường kỳ, tiểu luận hoặc thi kết thúc môn học. Cách tính điểm này được công bố trên lớp cho người học khi bắt đầu môn học GV thông báo công khai điểm đánh giá quá trình cho người học trên lớp trước khi kết thúc thời gian học **[H2.02.02.04; H2.02.02.05; H5.05.01.10]**.

Thời gian thi kết thúc môn học, nhập điểm quá trình, điểm thi kết thúc môn học, công bố công khai cho người học đồng thời người học được quyền phản hồi về điểm số **[H5.05.02.01; H5.05.02.02; H5.05.02.04; H5.05.02.05]**.

Đối với LVTN, Nhà trường có quy định rõ ràng về: quy trình thực hiện, thời gian thực hiện, các thay đổi trong quá trình thực hiện, yêu cầu về cách thức trình bày LVTN, trách nhiệm của HV và GV hướng dẫn, nêu rõ tiêu chuẩn đánh giá cũng như cách tính điểm LVTN **[H5.05.02.05; H5.05.02.06; H5.05.02.07; H5.05.01.12; H5.05.01.13; H5.05.01.14; H5.05.01.15; H5.05.01.16; H5.05.01.17; H5.05.01.18; H5.05.01.19]**.

Theo quy định hiện hành của ĐHLN, HV chương trình bậc thạc sĩ chuyên ngành QLKT được hoàn thành tốt nghiệp khi đảm bảo chuẩn tiếng Anh đầu ra là: có chứng chỉ IELTS ≥ 5.0 , TOEFL iBT ≥ 45 hoặc B1.4-VNU- EPT8 ≥ 226 .

2. Điểm mạnh

Các quy định về đánh giá KQHT của người học theo CTĐT ThS QLKT rất rõ ràng, công khai, minh bạch và được thông báo công khai đến người học thông qua Website, Sổ tay HV, Đề cương chi tiết và được giới thiệu trực tiếp tại lớp vào buổi học đầu tiên và cuối cùng của môn học.

3. Điểm tồn tại

Không có.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2020 – 2021, Khoa Kinh tế & QTKD và Phòng ĐTSĐH sẽ phối hợp với Phòng TCCB tổ chức cho GV tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng về Phương pháp đánh giá kết quả học tập trong và ngoài nước.

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 5.2 đạt yêu cầu với mức điểm **6/7**

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng

Công tác đánh giá kết quả học tập được thực hiện theo các quy định hiện hành của Trường ĐHLN trong quy chế tổ chức và đào tạo trình độ thạc sĩ [**H5.05.03.01; H5.05.03.02**]. Việc đánh giá kết quả học tập của từng môn học được thực hiện thông qua các hình thức thi của từng môn học do giảng viên phụ trách môn học đó đề xuất và nêu rõ trong đề cương chi tiết môn học [**H2.02.02.04; H2.02.02.05; H2.02.02.06**]. Đối với hình thức bảo vệ luận văn được thực hiện trực tiếp nhưng trong bối cảnh covid Nhà trường đã ban hành quy chế cho phép được bảo vệ theo hình thức trực tuyến để đảm bảo cho Học viên có thể bảo vệ Luận văn, đủ điều kiện tốt nghiệp trong bối cảnh dịch bệnh [**H5.05.03.03**].

Đối với thi hết môn, các đề thi trước khi sử dụng đều được Hội đồng khoa học Khoa KT & QTKD thông qua để đảm bảo mức độ phù hợp với chuẩn đầu ra của môn học và tuân thủ quy định của Nhà trường về tổ chức thi hết môn trong đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ [**H5.05.03.04**]. Việc đánh giá luận văn tốt nghiệp được thực hiện theo quy định tại quy chế đào tạo thạc sĩ và có quy trình chấm luận văn và đánh giá theo các tiêu chí cụ thể thông qua phiếu chấm [**H5.05.03.05**]. Nhằm đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị của đề thi, việc chấm thi được tổ chức với 2 giáo viên chấm độc lập và kết quả cuối cùng được lấy trung bình khi điểm số của 2 giáo viên không chênh nhau qua 1,5 điểm. Trường hợp 2 giáo viên chấm chênh nhau từ 1,5 điểm trở lên, bài thi sẽ được gửi đến giáo viên thứ 3 chấm độc lập. Ngoài ra để đảm bảo sự công bằng, tất cả học viên được quyền phản hồi về kết quả thi, kiểm tra đến Phòng ĐTSĐH theo thời gian quy định [**H5.05.03.06**].

Phòng ĐTSĐH là đơn vị chuyên trách đồng hành và hỗ trợ Khoa KT & QTKD trong công tác ra đề thi, chấm thi cũng như đảm bảo tính tin cậy, giá trị và công bằng của công tác đánh giá kết quả học tập.

Theo kết quả khảo sát đánh giá môn học hàng năm, hầu hết học viên đều hài lòng với các tiêu chí đánh giá môn học, hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp với nội dung giảng dạy của giảng viên cũng như tương thích với yêu cầu của tiêu chí đánh giá [H5.05.03.06], [H5.05.03.07], [H5.05.03.08], [H5.05.03.09]

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá kết quả học tập thực hiện theo đúng quy trình, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu chuẩn đầu ra của từng môn học. Phương pháp đánh giá Khoa sử dụng đảm bảo được giá trị, độ tin cậy và tính công bằng cho công tác đánh giá kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

Phương pháp đánh giá kết quả học tập ở một vài môn học chưa thật sự phong phú. Hầu hết chưa có môn học nào áp dụng hình thức thi vấn đáp và chỉ có ít môn học có hình thức khác như dạng bài tập dự án.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian
Đa dạng hoá các hình thức thi, kiểm tra	Khuyến khích giảng viên đảm nhiệm môn học đa dạng hoá các hình thức thi, kiểm tra	- Khoa KT&QLKT	Năm học 2021-2022

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 5.3 đạt yêu cầu với mức điểm 5/7.

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng

Kết quả học tập của học viên được phản hồi đúng lúc và kịp thời. Kết quả các bài kiểm tra giữa kỳ, điểm quá trình, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tất cả thường xuyên được cập nhật lên hệ thống website quản lý điểm của Trường ĐHLN [H5.05.04.01]. Thông tin phản hồi từng bài kiểm tra được GV gửi đến HV theo thời gian quy định. Việc kết quả được phản hồi sớm giúp HV có thể kịp thời điều chỉnh việc học tập và cải thiện kết quả ở các bài kiểm tra, bài thi tiếp theo. Các kết quả đánh giá từ các bài tập trong giai đoạn trước giữa kỳ sẽ giúp HV có kinh nghiệm và cải tiến cho các lần bài tập tiếp theo và bài kiểm tra giữa kỳ, các kết quả đánh giá từ các bài tập trong gian đoạn nửa sau của học kỳ, kết quả kiểm tra giữa kỳ sẽ giúp HV có kế hoạch cụ thể và phương pháp

học phù hợp để chuẩn bị cho kết quả thi cuối học kỳ. Với cách thức đánh giá các điểm thành phần được phổ biến đầy đủ **[H5.05.04.02]**, HV đều có thể dự đoán được kết quả điểm thành phần trước khi thi cuối kỳ của mỗi môn học. Mỗi HV được sử dụng tài khoản cá nhân để truy cập vào hệ thống website quản lý điểm của Trường ĐHLN **[H5.05.01.10]**. Thông tin kết quả học tập của người học được lưu giữ đầy đủ theo đúng tiến trình học tập của người học, rõ ràng, dễ dàng tiếp cận, tra cứu. Thời gian chấm phúc tra (nếu có) không quá 7 ngày kể từ khi nhận được đơn đề nghị của học viên **[H5.05.01.01]**.

Quy định về chấm thi và công bố kết quả thi cho người học được thực hiện theo quy định của Nhà trường. Phòng ĐTSĐH có trách nhiệm nhập điểm thi kết thúc môn học trên hệ thống phần mềm quản lý điểm và lưu trữ bảng điểm có xác nhận của GV, Phòng KT&ĐBCL sẽ lưu giữ bài thi của HV **[H5.05.04.03]**. Khi có thắc mắc về bài thi, HV có thể liên hệ trực tiếp với Phòng KT&ĐBCL để được hỗ trợ kịp thời.

Theo kết quả khảo sát mới nhất về mức độ hài lòng của HV đối với các môn học, đa số HV đều hài lòng với các hình thức kiểm tra, đánh giá mà GV sử dụng trong các môn học này và việc chấm điểm được thực hiện công bằng, phù hợp **[H5.05.01.09]**.

2. Điểm mạnh

Kết quả học tập của người học được công bố đúng quy định giúp học viên kịp thời điều chỉnh và cải thiện kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

Không có.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Ban Công nghệ thông tin sẽ làm việc với Phòng ĐTSĐH đề xuất nâng cấp phần mềm quản lý điểm, tạo điều kiện thuận lợi cho học viên đăng nhập cũng như phản hồi trực tuyến về điểm số.

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 5.4. đạt yêu cầu với mức điểm **6/7**

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

Mô tả

Nhà trường có quy định khiếu nại về công tác thi cử, giải quyết các đơn yêu cầu của HV **[H5.05.05.01; H5.05.01.10]**. Trong quá trình học tập, HV được quyền phúc tra khiếu nại về kết quả học tập cụ thể như sau:

- Đối với điểm quá trình, HV có thể khiếu nại trực tiếp với GV trực tiếp giảng

dạy môn học đó khi công bố điểm trên lớp.

- Đối với điểm thi kết thúc môn học, nếu nhận thấy điểm thi chưa thỏa đáng thì HV có thể khiếu nại trực tiếp với GV phụ trách môn học và Phòng KT&ĐBCL để được giải quyết. Trường hợp HV nhận thấy điểm trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo không chính xác, HV có thể làm đơn gửi Phòng ĐTSĐH đề nghị phúc khảo lại **[H5.05.02.01]**. Đối với các môn thi trắc nghiệm và tự luận. Thời gian nộp đơn xin phúc tra chậm nhất 15 ngày kể từ ngày Phòng ĐTSĐH công bố điểm trên hệ thống website quản lý điểm của Trường ĐHLN. Thời gian giải quyết về chấm phúc tra là 1 tuần **[H5.05.02.02]**. Tính đến thời điểm hiện tại, theo ghi nhận từ Phòng ĐTSĐH vẫn chưa có trường hợp nào liên quan đến việc HV khiếu nại về điểm số.

- Đối với điểm LVTN, các nhận xét và các điểm số được công bố ngay cuối buổi bảo vệ LVTN nên học viên được quyền tiếp nhận và phản hồi thông tin kịp thời về kết quả **[H5.05.04.05; H5.05.02.01; H4.04.02.13; H5.05.01.16; H5.05.01.17; H5.05.01.13; H5.05.01.14; H5.05.01.15]**.

- Đối với điểm trung bình chung học tập, sau mỗi kỳ học, HV đều có thể yêu cầu in bảng điểm để đối chiếu và có quyền khiếu nại khi có sai sót.

Trong Lễ khai khóa đón tân HV cũng như buổi đầu tiên của từng môn học, tất cả HV đều được hướng dẫn thông tin đầy đủ về việc học, quy chế thi cũng như hướng dẫn HV giải quyết các vấn đề thắc mắc hoặc khiếu nại về điểm khi cần **[H5.05.01.01], [H5.05.01.18]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường Phòng KT&ĐBCL, Phòng ĐTSĐH luôn tạo điều kiện thuận tiện, đơn giản để người học dễ tiếp cận khi cần khiếu nại về kết quả học tập của HV.

3. Điểm tồn tại

Phòng KT&ĐBCL chưa tiến hành công bố đáp án của đề thi theo quy định mới của Bộ GT&ĐT.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2019-2020, Phòng KT&ĐBCL phối hợp với khoa Kinh tế & QTKD tiến hành công bố đáp án các môn thi theo quy định.

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 5.5 đạt yêu cầu với mức điểm 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá kết quả học tập của người học CTĐT thạc sĩ chuyên ngành QLKT trường ĐHLN đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT và Nhà trường.

Các phương pháp đánh giá được lựa chọn là phù hợp, đảm bảo độ tin cậy, công bằng và có tác động tốt trong việc cải tiến, nâng cao chất lượng công tác đào tạo của Ngành. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá được công bố công khai đến người học, được đánh giá mức độ phù hợp từ người học và được cải tiến không ngừng nhằm nâng cao hiệu quả công tác đánh giá. Việc xây dựng cơ chế phản hồi có hiệu quả đã hỗ trợ tích cực người học cải thiện việc học tập.

Tuy nhiên các phương pháp đánh giá nhìn chung chưa thực sự phong phú, đa dạng nên phần nào ảnh hưởng đến việc đo lường kết quả đầu ra. Ngoài ra, các nội dung khảo sát lấy ý kiến của người học về các vấn đề liên quan như công tác đánh giá kết quả của người học, phản hồi kết quả học tập, mức độ dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập chưa được thực hiện một cách chi tiết và thường xuyên. Việc công bố đáp án các đề thi sau khi kết thúc kỳ thi chưa được thực hiện đồng bộ và thống nhất.

Trong thời gian tới, Khoa KT & QTKD, phòng ĐTSĐH cần phối hợp để đa dạng hoá hình thức đánh giá, công khai kết quả và lấy ý kiến phản hồi của người học về kết quả học tập thường xuyên và đầy đủ hơn.

Tự đánh giá: Tiêu chuẩn 5 có 5/5 tiêu chí đạt yêu cầu với 3 tiêu chí đạt mức điểm 5/7 và 2 tiêu chí đạt mức điểm 6/7.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Đội ngũ giảng viên SĐH của ngành QLKT là lực lượng then chốt trong đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho nền kinh tế quốc dân. Chất lượng của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên quyết định đến chất lượng nguồn nhân lực được đào tạo ra của Ngành.

Ngành QLKT có đội ngũ giảng viên đảm bảo được tiêu chuẩn theo năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức, đáp ứng các kỹ năng ngoại ngữ, tin học trong dạy học, NCKH và hoạt động cộng đồng.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Công tác quy hoạch đội ngũ GV, NCV đóng vai trò trọng tâm bởi đây chính là nguồn nhân lực trực tiếp tham gia vào công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học để tạo ra những thể hệ lao động năng động và sáng tạo trong thời đại mới.

Hiện nay, tham gia giảng dạy học viên cao học ngành QLKT bao gồm có giảng viên cơ hữu có học vị TS trở lên thuộc nhiều bộ môn, trung tâm khác nhau thuộc khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, bao gồm: Bộ môn Kinh tế, Bộ môn Quản trị doanh nghiệp, Bộ môn tài chính kế toán, Trung tâm đào tạo, tư vấn và hỗ trợ doanh nghiệp và Trung tâm Công tác xã hội và phát triển cộng đồng. Ngoài ra, một số giảng viên, nhà khoa học khác có trình độ cao được mời từ một số cơ quan, trường học khác tham gia trong chương trình đào tạo của ngành.

Số lượng giảng viên cơ hữu của Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh có đủ điều kiện tham gia đào tạo sau đại học bao gồm cả giảng dạy các học phần và hướng dẫn luận văn là **19 người, gồm 02 PGS và 17 tiến sĩ, trong đó có 02 giảng viên cao cấp, 15 giảng viên chính và 02 giảng viên [H6.06.01.01]**. Lực lượng này đều được đào tạo bài bản tại các cơ sở đào tạo tiên tiến ở nước ngoài như Liên Xô (cũ), Hà Lan, Cộng hòa Liên bang Đức, Philipines, Trung Quốc và các trường đại học hàng đầu trong nước về các lĩnh vực liên quan như Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Thương mại, Đại học Quốc gia và Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Học viện Tài chính. Đội ngũ giảng viên đều đang đảm nhiệm các hoạt động đào tạo đại học và sau đại học (trực tiếp giảng dạy và tham gia hướng dẫn luận văn tốt nghiệp) và tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học. Trong số này hiện có trên 50% có khả năng giảng dạy bằng tiếng Anh; 100% có tham gia các đề tài nghiên cứu, dự án trong và ngoài nước từ cấp Bộ và tương đương và tham gia nhiều hội thảo trong và ngoài nước.

Ngoài ra, Nhà trường còn mời 17 nhà khoa học là các nguyên giảng viên, nghiên cứu viên và cán bộ lãnh đạo của các trường Đại học, viện nghiên cứu và cơ quan quản lý nhà nước các cấp tham gia vào các học phần seminar về thực tiễn quản lý kinh tế trong khu vực công và trong doanh nghiệp, tham gia hướng dẫn luận văn và hội đồng đánh giá luận văn tốt nghiệp của ngành Quản lý kinh tế định hướng ứng dụng [H6.06.01.01].

Trong chiến lược phát triển của Khoa và Nhà trường giai đoạn 2006 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030, số lượng GV cơ hữu trong Khoa năm 2020 đạt trình độ TS trở lên từ 30% đến 50% trong tổng số GV [H6.06.01.02]. Qua kết quả thực hiện chiến lược,

cho đến nay có thể thấy GV, NCV của Khoa đã hoàn toàn đạt được mục tiêu chiến lược Khoa và Nhà trường đề ra nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ GV, NVC [H6.06.01.03].

Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên của nhà trường trong từng giai đoạn được căn cứ dựa trên các quy định về quy hoạch, tuyển dụng của Trường: Quy định về Công tác tuyển dụng đối với chức danh trợ giảng và giảng viên Trường ĐHLN, Quy định về định biên nhân sự Trường ĐHLN [H6.06.01.04]. Để làm tốt công tác xây dựng kế hoạch và phát triển nguồn nhân lực trong đó có đội ngũ GV, NCV của Nhà trường nói chung, năm 2013 Nhà trường đã xây dựng *Đề án vị trí việc làm* trong đó có xác định số lượng cán bộ, GV, xác định yêu cầu công việc của từng vị trí [H6.06.01.05]. Đây là căn cứ quan trọng nhất để các Khoa, Viện, các đơn vị trong toàn trường định hướng xây dựng các chiến lược phát triển nguồn nhân lực chi tiết. Việc xây dựng các quy định về quy hoạch đội ngũ giảng viên đều được xây dựng dựa trên những văn bản pháp luật của Chính phủ, quy định của Quốc hội ban hành [H6.06.01.06].

Do đó, công tác tuyển dụng, bố trí sử dụng GV, NCV ngành QLKT nói riêng, khoa KTQTKD nói chung do phòng TCCB thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước về tuyển dụng, sử dụng viên chức, lao động hợp đồng như Luật lao động Việt Nam 2012 [H6.06.01.06], Luật viên chức 2010 [H6.06.01.07], Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Việt Nam [H6.06.01.08], Điều lệ trường đại học [H6.06.01.9].

Trong mỗi lần tuyển dụng theo nhu cầu chuyên môn của Khoa, Nhà trường đều có thông báo nhu cầu tuyển dụng công khai, minh bạch trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website chính thức của Nhà trường, trong đó quy định rõ về số lượng tuyển dụng, tiêu chuẩn tuyển dụng, vị trí tuyển dụng, cách thức thi tuyển... [H6.06.01.10]. Công tác tuyển dụng GV, NCV, cũng như việc phân công giảng dạy và hướng dẫn tốt nghiệp của Khoa KT& QTKD những năm qua luôn đảm bảo thực hiện đúng quy trình, phù hợp với quy hoạch của Khoa và Nhà trường [H6.06.01.11; H6.06.01.12].

Việc phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình chuyên môn, nghiệp vụ của GV được Khoa thường xuyên đánh giá, thực hiện trên cơ sở môn học mà mỗi giảng viên được phân công giảng dạy theo bằng cấp, chuyên môn và định hướng phát triển của Ngành. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên còn được thực hiện dựa trên yêu cầu của các học phần môn học trong chương trình đào tạo của ngành QLKT. Mỗi học phần có từ 2 – 3 giảng viên cùng đảm nhận, đồng thời mỗi giảng viên đảm nhận không quá 2 môn nhằm tạo điều kiện cho việc trau dồi, hoàn thiện kiến thức chuyên môn và phương pháp giảng dạy. Hàng năm, mỗi cá nhân cũng có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của bản thân và thông qua sự rà soát, góp ý của Bộ môn chuyên môn và hội đồng khoa học Khoa. Cuối năm học, tiến hành tổng kết tình hình thực hiện công tác

chuyên môn so với kế hoạch đã đề ra vào đầu năm và đưa ra các phương hướng, nội dung cho việc phát triển Khoa cho năm học tiếp theo [H6.06.01.13] [H6.06.01.14].

Không chỉ nâng cao, bồi dưỡng chất lượng đào tạo, các giảng viên giảng dạy ngành QLKT của Khoa hàng năm đều lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ và tin học hàng năm, tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn để bồi dưỡng chuyên môn [H6.06.01.15]. Mỗi cá nhân GV đều phải lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, học tập của bản thân hàng năm và được Khoa thông qua, sau đó được tập hợp lại thành kế hoạch chung của cả Khoa, gửi về phòng SĐH của Nhà trường tổng hợp thành các kế hoạch cấp cao hơn. Khoa chuyên môn lập kế hoạch dài hạn về việc cử giảng viên đi học các lớp ngắn hạn, dài hạn để nâng cao chất lượng đào tạo [H6.06.01.15].

Những năm qua, dựa trên nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của GV, NCV, Nhà trường hỗ trợ cho nhiều GV ngành QLKT đi học dài hạn, tham gia các lớp ngắn hạn. Để tăng cường thu hút GV, NCV trình độ cao, Nhà trường cũng ban hành chính sách thu hút hấp dẫn như chế độ tiền lương, thưởng, chế độ học tập, bồi dưỡng [H6.06.01.16]. Căn cứ từ việc quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo đội ngũ GV, NCV của Nhà Trường, Khoa và Ngành cho thấy, công tác này đã được thực hiện đúng quy trình, trình tự và đảm bảo tính khoa học. Đây là căn cứ để phát triển đội ngũ GV, NCV ngành QLKT ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa KT&QTKD luôn chú trọng đến quy mô và quy hoạch đội ngũ GV để đảm bảo chất lượng đào tạo của ngành cũng như đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Quy trình thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, và cho nghỉ hưu đều rõ ràng, công khai, minh bạch, dân chủ, thống nhất với quy định của Nhà nước.

3. Điểm tồn tại

Công tác quy hoạch đội ngũ chưa được thực hiện một cách hệ thống từ quy hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn.

Nhà trường cũng chưa có những đánh giá kết quả thực hiện công tác quy hoạch cán bộ trong các giai đoạn trước để rút kinh nghiệm trong các lần xây dựng quy hoạch.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian
----------	----------	------------------	-----------

- Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch cán bộ giảng viên và nghiên cứu viên của ngành QLKT	- Tổ chức thực hiện quy hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên - Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch đội ngũ giảng viên.	- Khoa KT&QTKD - Phòng TCCB - Phòng ĐTSĐH	Năm học 2021-2022
--	--	---	-----------------------------

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 6.1 đạt yêu cầu với mức điểm **4/7**.

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/học viên và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ giảng viên/học viên của CTĐT đáp ứng yêu cầu về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ sau đại học hiện hành theo quy định 1 TS hướng dẫn, giảng dạy tối đa 3 Học viên (tỉ lệ GV/HV: 1/3); 1 PGS hướng dẫn, giảng dạy tối đa 5 Học viên (tỉ lệ GV/HV: 1/5); 1 GS hướng dẫn, giảng dạy tối đa 7 Học viên (tỉ lệ GV/HV: 1/7) [**H6.06.02.01**]. Căn cứ vào mục tiêu, chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo bậc thạc sĩ Quản lý kinh tế của Trường Đại học Lâm nghiệp có 12 hướng nghiên cứu với danh sách giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng tham gia hướng dẫn và số lượng học viên cao học có thể tiếp nhận hàng năm bình quân khoảng 127 người [**H6.06.02.02**], cụ thể như sau:

Bảng 6.1. Hướng nghiên cứu luận văn và số lượng HV có thể tiếp nhận

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận hướng dẫn học viên cao học	Họ tên, học vị, học hàm người có thể hướng dẫn học viên cao học	Số lượng học viên cao học có thể tiếp nhận
1	Kinh tế và quản lý sản xuất nông nghiệp	GVCC.PGS.TS Nguyễn Văn Tuấn GVCC.PGS.TS. Trần Thị Thu Hà GVC.TS. Nguyễn Thị Xuân Hương GVC.TS. Bùi Thị Minh Nguyệt GVC.TS. Nguyễn Thị Hải Ninh	15

		GVC.TS. Phạm Thị Tân GVC.TS. Đặng Thị Hoa GVC.TS. Phạm Thị Huế GVC.TS. Vũ Thu Hương GVC.TS. Trịnh Quang Thoại GV.TS. Nguyễn Như Bằng PGS.TS. Nguyễn Bá Ngãi PGS.TS. Nguyễn Văn Thêm TS. Phạm Xuân Phương TS. Trần Văn Dư TS. Đào Duy Tâm TS. Bùi Việt Hải TS. Lê Bá Toàn TS. Trần Viết Mỹ TS. Lê Trọng Tình	
2	Kinh tế và quản lý sản xuất lâm nghiệp	GVCC.PGS.TS Nguyễn Văn Tuấn GVCC.PGS.TS. Trần Thị Thu Hà GVC.TS. Bùi Thị Minh Nguyệt GVC.TS. Nguyễn Tiến Thao GVC.TS. Nguyễn Thị Hải Ninh GVC.TS. Đặng Thị Hoa GVC.TS. Vũ Thu Hương PGS.TS. Nguyễn Bá Ngãi PGS.TS. Triệu Văn Hùng PGS.TS. Hoàng Văn Việt PGS.TS Phạm Thế Dũng TS. Giang Văn Thắng	15

		TS. Phạm Xuân Phương TS. Vũ Xuân Thôn TS. Phạm Trọng Thịnh TS. Trần Tuấn Nghĩa	
3	Chính sách kinh tế và phát triển	GVCC.PGS.TS Nguyễn Văn Tuấn GVCC.PGS.TS Trần Thị Thu Hà GVCTS. Bùi Thị Minh Nguyệt GVC.TS. Nguyễn Văn Hợp GVC.TS. Phạm Thị Tân GVC.TS. Nguyễn Tiến Thao GVC.TS. Trần Văn Hùng GVC.TS. Vũ Thu Hương GVC.TS. Trịnh Quang Thoại GVC.TS. Nguyễn Thị Hải Ninh GVC.TS. Hoàng Thị Hảo GVC.TS. Đoàn Thị Hân GV.TS. Nguyễn Như Bằng GV.TS. Trần Tuấn Việt PGS.TS Nguyễn Bá Ngãi TS. Phạm Xuân Phương TS. Trần Văn Dư TS. Vũ Xuân Thôn TS. Đào Duy Tâm	15
4	Quản lý kinh doanh	GVCC.PGS.TS Nguyễn Văn Tuấn GVC.TS. Nguyễn Thị Xuân Hương GVC.TS. Bùi Thị Minh Nguyệt	10

		GVC.TS. Nguyễn Văn Hợp GVC.TS. Phạm Thị Huế GVC.TS. Phạm Thị Tân GVC.TS. Đoàn Thị Hân GVC.TS. Hoàng Thị Hảo GVC.TS. Đào Lan Phương GVC.TS. Hoàng Vũ Hải GVC.TS. Vũ Thu Hương GVC.TS. Trần Văn Hùng TS. Vũ Xuân Thôn	
5	Quản lý dự án và chương trình	GVCC.PGS.TS Nguyễn Văn Tuấn GVC.TS. Nguyễn Thị Xuân Hương GVC.TS. Bùi Thị Minh Nguyệt GVC.TS. Phạm Thị Huế GVC.TS. Đào Lan Phương GVC.TS. Hoàng Vũ Hải GVC.TS. Trần Văn Hùng TS. Vũ Xuân Thôn	08
6	Phát triển nông thôn, phát triển kinh tế vùng và địa phương, phát triển các ngành kinh tế	GVCC.PGS.TS Nguyễn Văn Tuấn GVCC.PGS.TS. Trần Thị Thu Hà GVC.TS. Nguyễn Tiến Thao GVC.TS. Nguyễn Thị Hải Ninh GVC.TS. Bùi Thị Minh Nguyệt GVC.TS. Đặng Thị Hoa GVC.TS. Nguyễn Như Bằng GVC.TS. Hoàng Thị Hảo	10

		GVC.TS. Phạm Thị Tân	
7	Kinh tế và quản lý môi trường và tài nguyên nhiên nhiên	GVCC.PGS.TS. Trần Thị Thu Hà GVC.TS. Nguyễn Tiến Thao GVC.TS. Trịnh Quang Thoại GVC.TS. Nguyễn Thị Hải Ninh GVC.TS. Đặng Thị Hoa TS. Phạm Trọng Thịnh TS. Trần Viết Mỹ TS. Đào Duy Tâm TS. Lê Trọng Tình	09
8	Các vấn đề xã hội và phát triển	GVCC.PGS.TS. Trần Thị Thu Hà GVC.TS. Nguyễn Văn Hợp GVC. TS. Nguyễn Thị Hải Ninh GVC.TS. Trịnh Quang Thoại GVC.TS. Phạm Thị Huế GVC.TS. Phạm Thị Tân GVC.TS. Hoàng Thị Hảo GVC.TS. Đoàn Thị Hân GVC.TS. Đặng Thị Hoa GV.TS. Trần Tuấn Việt	10
9	Quản lý và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	GVCC.PGS.TS Nguyễn Văn Tuấn GVCC.PGS.TS Trần Thị Thu Hà GVC.TS. Nguyễn Thị Xuân Hương GVC.TS. Bùi Thị Minh Nguyệt GVC.TS. Nguyễn Tiến Thao GVC.TS. Nguyễn Văn Hợp	10

		GVC.TS. Phạm Thị Huế GVC.TS. Phạm Thị Tân GVC.TS. Vũ Thu Hương GVC.TS. Trần Văn Hùng	
10	Quản lý đầu tư và đánh giá hiệu quả	PGS.TS Nguyễn Văn Tuấn GVC.TS. Bùi Thị Minh Nguyệt GVC.TS. Nguyễn Thị Xuân Hương GVC.TS. Nguyễn Văn Hợp GVC.TS. Phạm Thị Huế GVC.TS. Trần Văn Hùng GVC.TS. Vũ Thu Hương	05
11	Quản lý nhà nước về các lĩnh vực kinh tế - xã hội (đất đai, tài nguyên môi trường, an sinh xã hội, văn hoá, du lịch...)	GVCC.PGS.TS Nguyễn Văn Tuấn GVCC.PGS.TS. Trần Thị Thu Hà GVC.TS. Nguyễn Thị Xuân Hương GVC.TS. Bùi Thị Minh Nguyệt GVC.TS. Nguyễn Văn Hợp GVC.TS. Nguyễn Thị Hải Ninh GVC.TS. Phạm Thị Tân GVC.TS. Đặng Thị Hoa GVC.TS. Phạm Thị Huế GVC.TS. Đoàn Thị Hân GVC.TS. Hoàng Thị Hảo GVC.TS. Vũ Thu Hương GVC.TS. Trịnh Quang Thoại	10
12	Quản lý tài chính và ngân sách nhà nước	GVCC.PGS.TS. Nguyễn Văn Tuấn GVC.TS. Hoàng Vũ Hải	10

		GVC.TS. Đào Lan Phương GVC.TS. Đoàn Thị Hân GVC.TS. Hoàng Thị Hảo GV.TS. Trần Tuấn Việt GVC.TS. Trần Văn Hùng	
	Tổng cộng		200

Ghi chú: GV: Giảng viên (hạng III); GVC: Giảng viên chính (hạng II); GVCC: Giảng viên cao cấp (hạng I)

Khối lượng công việc, định mức giờ chuẩn của GV trường ĐHLN được thực hiện theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ GD-ĐT về ban hành quy định chế độ làm việc đối với GV và Thông tư 47/2014/TT- BGDDĐT của Bộ GD – ĐT về quy định chế độ làm việc đối với GV **[H6.06.02.03]**.

Nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyển dụng, sử dụng nguồn nhân lực, trường ĐHLN đã ban hành khá đầy đủ các quy định về Công tác tuyển dụng đối với chức danh giảng viên Trường Đại học Lâm nghiệp **[H6.06.01.04]**; đặc biệt là quy định về định biên nhân sự trường ĐHLN và quy chế đào tạo, bồi dưỡng của công chức, viên chức và lao động hợp đồng của Trường **[H6.06.01.04]**.

Hiện nay, các định mức các công việc GV, quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên theo chuẩn của trường ĐHLN được nêu rõ trong quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm **[H6.06.02.04]**, Quy chế tổ chức và hoạt động của bộ môn **[H6.06.02.05]**, Quy chế quản lý các hoạt động Khoa học công nghệ **[H6.06.02.06]**. Định mức tối thiểu đối với giảng viên là: giảng dạy là 270 tiết/năm và NCKH là 180 tiết/năm (năm 2020 – 2021). (**Bổ sung định mức cho giảng viên chính, PGS, GS**)

Hai nhiệm vụ chính của giảng viên đó là giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Định kỳ, kết quả giảng dạy và NCKH được phòng Đào tạo và phòng Khoa học công nghệ tổng kết và thông báo đến toàn bộ cán bộ giảng dạy. Sau khi có kết quả thống kê thông báo lần đầu, giảng viên và bộ môn và Khoa thực hiện rà soát, phản hồi về kết quả đánh giá, nộp các minh chứng cần thiết để đảm bảo tính đủ và chính xác số lượng giờ dạy, NCKH trong thực tế đã thực hiện theo đúng quy trình **[H6.06.02.07; H6.06.02.08]**. Hàng năm, GV sẽ lập kế hoạch thi đua thông qua việc đăng kí danh hiệu thi đua năm học từ Bộ môn, Khoa và Nhà trường thông qua biên bản họp từ bộ môn. Sau đó, Nhà trường sẽ ra quyết định thông báo kết quả đăng ký thi đua cho từng năm học. Đây là một trong những căn cứ để nhà trường để chi trả tiền vượt giờ của GV hàng năm **[H6.06.02.08; H6.06.02.09]**.

Dữ liệu về các nghiên cứu, công trình khoa học đã công bố của giảng viên được lưu trữ tại phòng Khoa học và công nghệ, được ghi rõ trong Hồ sơ giảng dạy của giảng viên có xác nhận của các Trưởng bộ môn, Chủ nhiệm Khoa **[H6.06.02.10]**.

Để khuyến khích giảng viên, nghiên cứu viên tham gia các hoạt động NCKH, hàng năm, Nhà trường đều phát động các phong trào thi đua gắn với các sáng kiến với những quy định cụ thể: Quy định và hướng dẫn về công tác thi đua – khen thưởng Trường ĐHLN hàng năm **[H6.06.02.11]**; Quy định về nội dung, tiêu chuẩn, điều kiện công nhận sáng kiến Trường ĐHLN hàng năm **[H6.06.02.12]**; Quy định về đánh giá giảng viên và môn học sau mỗi kỳ học **[H6.06.02.13]**; Quy định về công tác dự giờ giảng viên **[H6.06.02.14]**.

Nhờ việc quản lý sát sao việc phân công giảng dạy, khuyến khích giảng viên, nghiên cứu viên tham gia NCKH mà Nhà trường luôn đảm bảo khối lượng giảng dạy theo quy định của giảng viên, NCV. Đồng thời khuyến khích các hoạt động NCKH, nâng cao năng lực NCKH của giảng viên. Bên cạnh đó, nhờ việc quản lý sát sao này đem lại những ý kiến đóng góp thiết thực, không ngừng cải tiến chất lượng, nâng cao các hoạt động giúp ích cho cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ GV/HV và định mức các công việc của từng GV sau đại học ngành QLKT được đo lường, xác định rõ ràng và được giám sát bởi Khoa và các đơn vị chức năng trong nhà trường làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng với các quy định về số lượng, khối lượng công việc tiêu chuẩn đối với GV.

3. Điểm tồn tại

Một số giáo viên tham gia giảng dạy chương trình QLKT có học hàm PGS, tuy nhiên giảng viên tham gia giảng dạy SDH ngành QLKT có bằng TS về QLKT còn chưa còn nhiều, hầu hết là những GV có bằng TS thuộc nhóm ngành Kinh tế.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
- Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, NCV của Khoa	- Xây dựng tốt kết hoạch đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tham gia giảng dạy ngành QLKT - Tăng cường giám sát để đảm bảo khối lượng giảng dạy,	- Khoa KT&QTKD - Phòng TCCB - Phòng ĐTSĐH	Năm học 2021-2022

	NCKH theo quy định của giảng viên và NCV		
--	--	--	--

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 6.2 đạt yêu cầu với mức điểm **4/7**.

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Xây dựng đội ngũ GV có năng lực, trình độ cao là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy Sau Đại học. Chính vì vậy để đảm bảo tuyển được GV có đủ phẩm chất đạo đức, đáp ứng được chuyên môn nghiệp vụ thì Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy trình về công tác tuyển dụng thông qua quy định về quy chế tuyển dụng với giảng viên **[H6.06.03.01; H6.06.03.02]**, phù hợp với những quy định về tuyển dụng lao động, viên chức của Nhà nước như Luật lao động Việt Nam 2012 **[H6.06.01.06]**, Luật viên chức năm 2010 **[H6.06.01.07]**; Nghị định số 29/2012/NĐ – CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức **[H6.06.01.08]**; Thông tư 36/2014/TTLT- BGDDT- BNV về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên năm 2014 **[H6.06.03.03]**; quy định mã số và tiêu chuẩn chức hành nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ **[H6.06.03.04]**.

Thông tin tuyển dụng được cung cấp công khai, minh bạch trên các phương tiện truyền thông, được thông báo trên website của Nhà trường. Các quy định này được xác định dựa trên những đề xuất của Khoa chuyên môn có nhu cầu tuyển dụng giảng viên có trình độ Th.S trở lên thuộc lĩnh vực đào tạo và ưu tiên những trường hợp có trình độ tiến sỹ trở lên được đào tạo từ nước ngoài. Kết quả tuyển dụng GV, NCV tham gia giảng dạy 5 năm qua cho thấy, các đối tượng được tuyển dụng đáp ứng được các yêu cầu đặt ra, quy trình tuyển dụng, công bố kết quả là rõ ràng, công khai và minh bạch **[H6.06.03.05]**.

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV tham gia giảng dạy chương trình đào tạo Th.S của Ngành, bao gồm: Phẩm chất đạo đức và lý lịch rõ ràng, giảng viên phải có bằng Tiến sỹ trở lên sau 1 năm, đáp ứng được trình độ tin học và ngoại ngữ phù hợp, có giấy khám sức khỏe theo quy định..

Trong công tác thăng hạng, bổ nhiệm viên chức, Trường ĐHLN đã thực hiện đúng các quy định của điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập **[H6.06.03.06]**. Theo thông báo, nhà trường sẽ có văn bản thông báo đăng ký giảng viên thi thăng hạng

về Khoa và bộ môn để đăng ký. Trong 5 năm qua, số lượng GV tham gia giảng dạy SDH ngành QLKT được thi thăng hạng là 12 GV **[H6.06.03.07]**.

Ngoài ra, nhà trường cũng đã ban hành quy định rõ ràng về tiêu chuẩn bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo của Trường **[H6.06.03.08]**, **[H6.06.03.09]**. Đây là những cơ sở quan trọng để Nhà trường thực hiện việc điều động, sử dụng cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên **[H6.06.03.10]**.

Trong công tác tham gia đứng lớp đối với giảng dạy SDH, các giảng viên nhận được bằng TS trong 1 năm đầu tiên dưới sự hướng dẫn chuyên môn của giảng viên có kinh nghiệm do hội đồng khoa học khoa chuyên môn phân công **[H6.06.03.11]**. Sau khi hoàn thành thời gian và đạt được các yêu cầu của trường, giảng viên sẽ được chính thức tham gia giảng dạy và hướng dẫn học viên **[H6.06.03.12]**. Các chế độ của một số giảng viên, nhà khoa học thỉnh giảng cho ngành QLKT được ký hợp đồng với các điều khoản chế độ rõ ràng theo quy định **[H6.06.03.13]**.

2. Điểm mạnh

Thực hiện thi tuyển viên chức được tổ chức nghiêm túc, công khai, đúng quy định của luật viên chức và quy định của nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức cũng như quy định của nhà trường theo các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng và cụ thể, được phổ biến công khai, minh bạch và rộng rãi đến các đối tượng có liên quan.

Việc bổ nhiệm vào ngạch và bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện theo đúng quy định của nhà trường và quy định chung của việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Nhà nước, đảm bảo công khai và minh bạch, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ nhân lực của Trường.

Quy định GV tham gia giảng dạy ở chương trình đào tạo SDH được quy định và được phân công công khai và minh bạch hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Khoa KT&QTKD chưa thực sự xây dựng được chiến lược phát triển đội ngũ cho Khoa nói chung và ngành QLKT nói riêng. Bên cạnh đó, cán bộ GV, NCV của Ngành còn trẻ do đó còn nhiều khó khăn trong công tác nâng cao chất lượng đội ngũ và vẫn phải huy động một số lượng lớn các GV, nhà khoa học thỉnh giảng từ cơ sở đào tạo khác.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
----------	----------	-------------------------	---------------------

- Rà soát, bổ sung kế hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV ngành QLKT	- Xây dựng tốt kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cho Ngành	- Khoa KT&QTKD - Phòng TCCB	Năm học 2021-2022
- Nâng cao hiệu quả công tác lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan	- Xây dựng kế hoạch lấy ý kiến các bên liên quan về tiêu chuẩn, tiêu chí lựa chọn GV, NCV ngành QLKT	- Khoa KT&QTKD - Phòng ĐTSĐH - Phòng TCCB	Năm học 2021-2022

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 6.3. đạt yêu cầu với mức điểm 5/7.

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Đội ngũ GV, NCV của ngành QLKT đảm bảo được năng lực giảng dạy và NCKH. Với vai trò là giảng viên, đồng thời là viên chức của đơn vị sự nghiệp, việc đánh giá năng lực giảng viên được thực hiện theo Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức năm 2012 **[H6.06.01.08]**, Quy định về Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên năm 2014 **[H6.06.03.03]**, Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ **[H6.06.03.04]**, Điều lệ trường Đại học năm 2014 **[H6.06.01.09]**, Quy định điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập **[H6.06.03.06]**, Quy định về đánh giá và phân loại cán bộ công chức, viên chức của Chính phủ **[H6.06.04.01]**.

Đối với các vị trí giảng viên đồng thời là lãnh đạo, quản lý thì các tiêu chuẩn đánh giá năng lực còn tuân theo Quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo của Trường ĐHLN năm 2014 **[H6.06.03.08]**. Ngay từ khi tuyển dụng GV, NCV hay các hợp đồng mời các GV thỉnh giảng Nhà trường đã có các quy định cụ thể để đánh giá năng lực giảng viên **[H6.06.04.02]** **[H6.06.04.03]**.

Căn cứ vào các quy định được ban hành, GV sau 01 năm từ khi nhận bằng TS theo đúng quy định, sẽ được phân công giảng dạy một số môn trong chương trình đào tạo Th.S ngành QLKT từ hội đồng khoa học Khoa lập kế hoạch **[H6.06.04.04; H6.06.04.05]**.

Các tiêu chí đánh giá được cụ thể thành các chỉ tiêu định mức cụ thể đối với các công việc mà giảng viên được giao nêu trong Quy định đánh giá cán bộ giảng dạy trường DHLN, Quy định về đánh giá giảng viên và môn học định kỳ **[H6.06.04.06; H6.06.04.07]**. Thông qua đó, hàng kỳ sẽ có mẫu phiếu và bảng tổng hợp kết quả đánh giá giảng viên và môn học định kỳ được tập hợp từ phòng Sau đại học quản lý. **[H6.06.04.08] [H6.06.04.09]**. Từ kết quả này, hội đồng khoa học Khoa sẽ họp xét, đánh giá môn học và giảng viên phụ trách môn học thông qua biên bản được ghi nhận hàng kỳ **[H6.06.04.10]**. Đây là căn cứ về việc đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức của Nhà trường và tạo động lực phấn đấu tốt cho cán bộ, nhân viên của Nhà trường.

Mỗi văn bản đều có Quyết định ban hành thống nhất sử dụng trong toàn trường DHLN. Quy chế tổ chức và hoạt động của Khoa được ban hành để quản lý bộ môn và giảng viên về thời gian làm việc. Việc đánh giá GV của ngành QLKT cũng được thực hiện theo đúng quy định của quy chế hoạt động của hội đồng khoa học Khoa về việc dự giờ, quy định về chế độ quản lý cán bộ, quy định về sinh hoạt học thuật **[H6.06.04.11]**. Thực hiện những quy định này, việc dự giờ được tiến hành thường xuyên trong mỗi kỳ học. Để làm cơ sở cho việc đánh giá cán bộ, giảng viên, các bộ môn chuyên môn làm bảng chấm công, xếp loại cán bộ, viên chức **[H6.06.04.12]**.

Hàng năm, trên cơ sở hướng dẫn của phòng TCCB, các bộ môn chuyên môn, Khoa tiến hành đánh giá, phân loại cán bộ, GV **[H6.06.04.19]**. Việc đánh giá, bình xét thi đua được thực hiện dựa trên các kết quả giảng dạy, NCKH, sáng kiến công tác **[H6.06.04.21]**. Kết quả cho thấy, 100% GV và NCV đã hoàn thành kế hoạch công tác hàng năm, vượt thừa giờ trong giảng dạy và trong NCKH đạt nhiều sáng kiến được ghi nhận. (hồi lại)

Thông qua công tác đánh giá giảng viên hàng năm, nhiều GV trong Khoa tham gia giảng dạy được học viên đánh giá có năng lực tốt. Bên cạnh đó cũng có một số GV được đánh giá có năng lực chưa thực sự cao và các GV này đã được Nhà trường, đơn vị chức năng, Khoa, Bộ môn trao đổi giúp đỡ để từng bước hoàn thiện và nâng cao năng lực đảm bảo công tác giảng dạy và NCKH.

2. Điểm mạnh

Năng lực của GV, NCV ngành được xây dựng rõ ràng, đầy đủ. Việc đánh giá năng lực của GV, NCV được tiến hành đa dạng, thông qua nhiều hình thức và đối tượng đánh giá từ chính bản thân GV, NCV đến Khoa và học viên. Qua các kết quả đánh giá cho thấy, GV ngành QLKT về cơ bản đáp ứng tốt yêu cầu, phục vụ tốt các hoạt động giảng dạy và NCKH của ngành.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá năng lực của GV được thực hiện theo nhiều quy định khác nhau và tại các thời điểm khác nhau như giữa năm học, cuối năm học, cuối năm tài chính. Trong khi đó nhiệm vụ chính của GV là giảng dạy và NCKH, việc thống kê kết quả các công tác này liên quan trực tiếp đến các phòng Đào tạo, ĐTSDH, KT&ĐBCL, TCCB, KHCN. Tuy nhiên hiện tại Nhà trường chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu chung có tính liên kết giữa các phòng ban này dẫn đến việc GV mất nhiều thời gian để kê khai các thông tin cần thiết cho việc đánh giá năng lực như số giờ giảng dạy, số giờ NCKH, minh chứng các công trình NCKH...

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
Nâng cao chất lượng công tác đánh giá giảng viên, NCV ngành QLKT	- Xây dựng tốt các tiêu chí đánh giá chất lượng công tác của GV, NCV - Xây dựng các kế hoạch, phương thức đánh giá năng lực GV, NCV phù hợp	- Khoa KT&QTKD - Phòng TCCB	Năm học 2021-2022
Tổ chức lấy ý kiến GV, NCV và các bên liên quan về công tác đánh giá.	- Xây dựng kế hoạch lấy ý kiến các bên liên quan về tiêu chuẩn, tiêu chí lựa chọn GV, NCV ngành QLKT	- Phòng TCCB - Phòng KT&ĐBCL - Khoa KT&QTKD	Năm học 2021-2022

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 6.4 đạt yêu cầu với mức điểm **4/7**.

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ nội dung của Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2013 – 2020, tầm nhìn 2030 [**H1.01.01.05;H6.06.01.03**]; Chiến lược đảm bảo chất lượng của trường ĐHLN [**H6.06.01.03**], Chiến lược hợp tác quốc tế của trường ĐHLN giai đoạn 2017 - 2020, tầm nhìn 2030 [**H6.06.05.01**] đều khẳng định vai trò quan trọng của đào tạo, bồi

dưỡng trong phát triển nguồn nhân lực. Để thực hiện các chiến lược đó, Nhà trường đã ban hành quy định về đào tạo, bồi dưỡng GV **[H6.06.04.06]**. Căn cứ vào quy chế này, hàng năm phòng TCCB đều có thông báo xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đến khoa chuyên môn **[H6.06.01.04]**. Trên cơ sở thông báo này, hội đồng khoa học Khoa tiến hành họp xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, triển khai cho GV, NCV đăng ký nhu cầu đào tạo và bồi dưỡng trình độ hàng năm từ việc kê khai ở các bộ môn **[H6.06.05.03]**. Dựa trên các kế hoạch gửi lên từ các Khoa, phòng tổ chức xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trong năm của Nhà trường **[H6.06.05.04]**.

Những năm qua, trường ĐHLN đã rất chú trọng mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho GV, NCV như các lớp nghiệp vụ sư phạm ban hành kèm các quyết định cử đội ngũ GC, NCV đi học bồi dưỡng ngắn hạn **[H6.06.05.05]**. Bên cạnh đó, để hoàn thiện tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên, Trường đã tổ chức mở các lớp bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên kèm theo quyết định **[H6.06.05.06]**. Căn cứ vào kế hoạch công tác hàng năm **[H6.06.05.03]**, để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ các GV, NCV, nhà trường đã cử cán bộ đi đào tạo trong và ngoài nước. Bao gồm các khóa tập huấn viết bài báo quốc tế, hội thảo khoa học **[H6.06.05.07]**. Các văn bằng, chứng chỉ mà các cá nhân đã được cấp sau các khóa đào tạo ngắn hạn trong và ngoài nước **[H6.06.05.08]**. Tuy nhiên, những kế hoạch xây dựng này chỉ dựa trên nhu cầu ngắn hạn từ cá nhân bộ môn đề xuất hàng năm lên Khoa và nhà trường.

Kết quả thực hiện trong những năm gần đây cho thấy giảng viên SDH của Khoa KT&QTKD luôn tích cực trong việc thực hiện các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ thông qua các khóa học hoặc các hoạt động khác nhau nhằm nâng cao trình độ, năng lực giảng dạy và chuyên môn. Các giảng viên tham gia giảng dạy Ngành QLKT trong Khoa được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn theo kế hoạch đã rà soát, phê duyệt **[H6.06.05.05; H6.06.05.07; H6.06.05.08; H6.06.05.09]**

Chế độ chính sách cho giảng viên được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước theo Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm **[H6.06.05.09]**. Cụ thể, các GV trong thời gian đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài được giảm 100% khối lượng công việc, được hưởng 40% mức lương hiện hưởng và được đóng bảo hiểm xã hội; trong thời gian đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước được giảm 70% khối lượng công việc đối với đào tạo TS và sau TS sẽ được hỗ trợ học phí, tài liệu học tập.

2. Điểm mạnh

Các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên được xác định dựa trên cơ sở đánh giá năng lực giảng viên với các tiêu chí rõ ràng, công khai, thống nhất trong toàn trường. Số lượng giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch đạt tỷ lệ cao. Việc đào tạo,

bồi dưỡng cũng đảm bảo đúng theo định hướng phát triển chung của Khoa, Trường, các quy định liên quan đến tiêu chuẩn chức danh giảng viên đồng thời phục vụ trực tiếp cho hoạt động đào tạo ngành QLKT.

3. Tồn tại

Việc xác định nhu cầu đào tạo còn mang tính thụ động nhiều, chưa có các kế hoạch phát triển đội ngũ dài hạn. Nguyên nhân chính của vấn đề này là Khoa, ngành chưa xây dựng chiến lược phát triển chi tiết, từ đó chưa xác định được nhu cầu nhân sự cho tương lai trong dài hạn. Đồng thời, do những hạn chế về ngân sách mà những hỗ trợ của Nhà trường cho các hoạt động phát triển chuyên môn chưa nhiều, Nhà trường chưa đa dạng được các hoạt động phát triển chuyên môn cho nguồn nhân lực.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1. Chú trọng xây dựng KH đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn dài hạn cho GV, NCV	- Xây dựng và hoàn thiện chiến lược/kế hoạch đào tạo dài hạn cho GV, NCV ngành QLKT	- Khoa KT&QTKD - Phòng TCCB	Năm học 2021-2022
2. Tổ chức nhiều lớp đào tạo chuyên môn, kỹ năng cho GV	Đa dạng hoá các lớp đào tạo, bồi dưỡng	- Khoa KT&QTKD - Phòng TCCB	Năm học 2021-2022

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 6.5 đạt yêu cầu với mức điểm **4/7**.

Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Các tiêu chí đánh giá kết quả công việc của giảng viên đã được nêu trong **Tiêu chí 6.4**. Dựa trên các quy định đã được Nhà nước và Trường ĐHLN ban hành, việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên được triển khai để tạo động lực hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng, cụ thể như sau:

Trường ĐHLN hiện triển khai thực hiện việc quản trị theo kết quả thực hiện công việc trên hầu hết các khía cạnh đánh giá cá nhân và tập thể. Với cá nhân, để xếp hạng

nhân viên làm căn cứ trả lương cơ bản và tăng thêm, hàng tháng bộ môn và Khoa tiến hành chấm công, xếp loại hoàn thành công việc của giảng viên trong tháng làm cơ sở bình xét **[H6.06.06.01]**, **[H6.06.06.02]**. Theo đó, thang điểm đánh giá cá nhân được xếp thành 4 loại:

Loại 1: 90-100 điểm

Loại 2: 75-89 điểm

Loại 3: 65- 74

Loại 4: dưới 65

Việc quản lý theo dõi, đánh giá GV, NCV được quy định là một nhiệm vụ của bộ môn và Khoa chuyên môn. Do vậy, năng lực giảng dạy, NCKH của GV, NCV được đánh giá thường xuyên mỗi kỳ học thông qua việc dự giờ, thông qua các buổi SHHT và các hoạt động khác **[H6.06.06.03]**, **[H6.06.06.04]**.

Hàng năm, căn cứ vào công tác đào tạo sẽ có những quy định cụ thể để GV, NCV thực hiện. Định mức khối lượng công việc của giảng viên sẽ được quy định cụ thể đối với chức danh công việc: định mức tối thiểu giảng dạy chuẩn của giảng viên tham gia là 270 tiết/ năm, Phó Giáo sư và Giảng viên chính là 320 tiết/năm, Giáo sư và Giảng viên cao cấp 360 tiết/năm, định mức giờ chuẩn này còn được quy đổi từ nhiệm vụ giảng dạy đại học, sau đại học, hướng dẫn đề tài luận văn thạc sĩ, tiến sĩ **[H6.06.06.05]**.

Cuối năm học, các kết quả này được tổng hợp để đánh giá cho điểm, trong đó bao gồm điểm GV tự đánh giá, điểm của bộ môn chuyên môn đánh giá và điểm của ban chủ nhiệm khoa đánh giá **[H6.06.06.06]**.

Để đánh giá khách quan năng lực của GV, cuối mỗi đợt học, phòng Khảo thí ĐBCL đều lấy ý kiến phản hồi từ học viên **[H6.06.06.06]**. Các kết quả đánh giá sau đó được gửi về các bộ môn chuyên môn để họp nhận xét, đánh giá GV **[H6.06.06.06]**.

Cuối mỗi năm học, việc đánh giá xếp loại GV, NCV được tiến hành dựa trên các kết quả hoạt động các GV dựa trên kết quả về tổng số giờ giảng dạy, tổng số công trình nghiên cứu được nghiệm thu, tính điểm, các điểm cộng, điểm trừ... để xác định các danh hiệu thi đua **[H6.06.06.07]**.

Trước khi có kết quả cuối cùng, các phòng ban chức năng liên quan luôn có văn bản thông báo về kết quả đánh giá tạm tính và yêu cầu có sự phản hồi của từng cán bộ giảng viên trong trường.

Từ năm 2016, Trường đã ban hành quy định về sát hạch đánh giá năng lực cán bộ giảng dạy định kỳ và hàng năm. Việc thực hiện đánh giá sát hạch đã được thực hiện. Khoa KTQTKD đã thực hiện sát hạch một số giảng viên trong năm 2016, kết quả đánh

giá cho thấy các giảng viên đã sát hạch, đánh giá đều đáp ứng tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và có đạo đức nghề nghiệp tốt **[H6.06.06.05; H6.06.06.08]**.

Đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, hàng năm Nhà trường đều có thông báo đăng ký các hoạt động NCKH đến các bộ môn, Khoa chuyên môn **[H6.06.06.09]**. Đồng thời, Nhà trường cũng dành một phần kinh phí lớn hỗ trợ cho các hoạt động này **[H6.06.06.10]**. Chế độ làm việc của giảng viên, NCV được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo các GV, NCV được tham gia vào việc xây dựng dự thảo xây dựng quy chế, các tiêu chí, quy trình đánh giá **[H6.06.06.10]**.

Tổng hợp kết quả NCKH của GV ngành QTKT những năm qua cho thấy, 100% GV hoàn thành định mức NCKH, đồng thời các GV có đề tài các cấp cũng ngày một tăng **[H6.06.06.11]**. Các kết quả nghiên cứu trước khi được công bố đều được tổ chức nghiệm thu nghiêm túc, đảm bảo tính tin cậy và khoa học **[H6.06.06.12; H6.06.06.13]**. Bên cạnh đó, nhà trường rất chú trọng trong việc kiểm tra tiến độ thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trở lên và từ năm 2018 các tác giả phải có bài báo công bố kết quả của công trình NCKH cấp cơ sở làm điều kiện tính giờ NCKH **[H6.06.06.14; H6.06.06.15]**. Đối với hoạt động biên soạn giáo trình, bài giảng, tác giả phải nộp bản thảo của giáo trình, bài giảng và thực hiện nghiệm thu theo đúng quy định **[H6.06.06.16]**. Các ấn phẩm này chỉ được phát hành sau khi đã được hội đồng nghiệm thu. Kết quả công trình khoa học của các GV cơ hữu tham gia đào tạo chương trình Th.S QLKT được thể hiện ở bảng 2 như sau **[H6.06.06.17]**.

Bảng 6.2: Kết quả công trình khoa học của GV cơ hữu tham gia đào tạo giai đoạn....

STT	Chỉ tiêu	Số lượng
1	Đề tài NCKH các cấp	33
2	Bài báo khoa học trong nước	200
3	Bài báo khoa học quốc tế	25
4	Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo	21
Tổng		279

Như vậy, Nhà trường đã rất quan tâm xây dựng các tiêu chí đánh giá GV, NCV một cách toàn diện, hiệu quả. Quy trình các công tác này được triển khai nghiêm túc ở các đơn vị trong toàn trường. Từ đó, tạo động lực để GV, NCV toàn trường nói chung, Khoa Kinh tế & QTKD nói riêng sẽ không ngừng nỗ lực phấn đấu nâng cao trình độ chuyên môn, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã áp dụng phương pháp quản trị theo kết quả công tác đến từng GV, NCV, qua đó có thể đánh giá và quản lý tốt đội ngũ, tạo ra động lực phấn đấu cho mỗi cán bộ, GV. Nhà trường đã áp dụng các phương pháp đánh giá linh hoạt, thành phần đánh giá đa dạng giúp cho việc đánh giá được khách quan, công bằng, tạo được động lực phấn đấu tốt cho GV và NCV trong Khoa và Nhà trường.

3. Tồn tại

Một số nội dung đánh giá kết quả khó đo lường chủ yếu dựa vào kết quả chứ chưa có những đánh giá sâu về chất lượng, hiệu quả và những tác động của các kết quả này đến việc cải thiện năng lực của GV và NCV.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
- Nâng cao hiệu quả công tác quản trị dựa vào kết quả công tác của GV, NCV	- Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá tổng thể các kết quả công tác của GV, NCV trong trường ĐHLN	- Khoa KT&QTKD - Phòng TCCB - Phòng KHCN	Năm học 2021-2022

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 6.6 đạt yêu cầu với mức điểm **4/7**

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Nhiệm vụ NCKH luôn được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để nâng cao uy tín, vị thế của Nhà trường, được xác định rõ trong sứ mạng, mục tiêu phát triển Trường. Trong “*Chiến lược phát triển Trường ĐHLN giai đoạn 2013 – 2020, tầm nhìn 2020*” đã chỉ rõ chiến lược phát triển KHCN, cụ thể hóa các chỉ tiêu cần đạt và lộ trình thực hiện theo từng năm về KHCN của Nhà trường nhằm đảm bảo việc thực hiện chiến lược phát triển về KHCN cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng giai đoạn.

Các hoạt động NCKH của GV, NCV tham gia giảng dạy Ngành được thực hiện theo quy định của Nhà nước [H6.06.07.01; H6.06.07.02]. Trường ĐHLN đã có quy định cụ thể loại hình và số lượng các hoạt động NCKH mà giảng viên ở các hạng chức danh khác nhau phải thực hiện [H6.06.02.06]. Bên cạnh đó, Trường quy định cụ thể về định mức giờ NKCH tối thiểu đối và định mức quy đổi của từng hoạt động như sinh hoạt học

thuật, thực hiện nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở, cấp Bộ, cấp Nhà nước, bài báo đăng tạp chí khoa học,... ra giờ chuẩn NCKH được nêu trong Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm của nhà trường **[H6.06.07.03]**. Theo quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020, định mức giờ NCKH tối thiểu đối với giảng viên là 180 giờ/năm, và có những hướng dẫn cụ thể về các loại hình và định mức giờ quy đổi để tính giờ NCKH cho GV, NCV và các cá nhân khác trong toàn trường. Ngoài ra, Nhà trường cũng có những quy định cụ thể về công nhận sáng kiến cá nhân để bình xét các danh hiệu thi đua cuối năm **[H6.06.07.04; H6.06.07.05]**.

Kết quả NCKH cũng là một trong những tiêu chí quan trọng để xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng và xếp loại viên chức hàng năm. Trong các quy định về Tiêu chuẩn, tiêu chí xét danh hiệu thi đua, khen thưởng đối với giảng viên có tiêu chuẩn cụ thể về loại hình và số lượng xác định. Điều kiện đối với danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở giảng viên phải có đề tài NCKH cấp cơ sở trở lên hoặc bài báo tương đương, hoàn thành định mức giảng dạy và một số những tiêu chí khác **[H6.06.07.06]**.

Đầu mỗi năm học, các bộ môn, khoa chuyên môn được thông báo đề xuất các đề tài nghiên cứu các cấp **[H6.06.06.09]**. Sau khi có danh sách đăng ký, các khoa chuyên môn phải họp xét duyệt tên đề tài và có thông báo chính thức **[H6.06.07.07], [H6.06.07.08], [H6.06.07.09]**. Trong quá trình thực hiện, cá nhân tham gia đề tài phải có báo cáo giữa kỳ và báo cáo sơ bộ trước khi nộp báo cáo kết quả chính thức **[H6.06.07.10]**. Khi đề tài hoàn thành, Phòng KHCN chịu trách nhiệm đề xuất Hội đồng nghiệm thu đề tài trình Hiệu trưởng phê duyệt. Từ năm 2017 trở đi, yêu cầu mỗi đề tài NCKH cấp cơ sở phải có sản phẩm bài báo đăng Tạp chí khoa học chuyên ngành **[H6.06.07.11]**. Đây là một trong những yêu cầu mới nhằm nâng cao chất lượng đề tài NCKH của các giảng viên trong Khoa nói riêng, và toàn bộ cán bộ nhà Trường nói chung.

Ngoài ra, hàng năm giảng viên giảng dạy ngành QLKT thường đăng ký 01 đề tài sinh hoạt học thuật chuyên môn nhằm cung cấp, trao đổi những thông tin khoa học, gắn với giảng dạy và nghiên cứu. Việc đăng ký đề tài sinh hoạt học thuật do giảng viên chủ động đăng ký tại Bộ môn vào đầu mỗi kỳ học. Sau khi họp hội đồng khoa học Khoa, Khoa KT&QTKD đề xuất với Phòng KHCN về việc thành lập Hội đồng nghiệm thu đề tài sinh hoạt học thuật **[H6.06.07.12]**.

Kết quả hoạt động nghiên cứu của GV hàng năm là một trong những cơ sở để bộ môn, Khoa đánh giá GV đạt danh hiệu lao động tiên tiến hoặc chiến sỹ thi đua nhằm khuyến khích GV, học viên tích cực tham gia vào hoạt động NCKH. Kết quả từ bảng 2 cho thấy, trong 5 năm gần đây GV tham gia đào tạo Th.s ngành QLKT đã thực hiện và được nghiệm thu 33 đề tài các cấp, 25 bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế, 200 bài báo đăng trên tạp chí khoa học cấp ngành, cấp trường và 21 đầu sách, giáo trình và

tài liệu tham khảo [H6.06.07.13] [H6.06.07.14]. Nhìn chung trong 5 năm trở lại đây, NCKH của giảng viên của Khoa không ngừng được đẩy mạnh và tăng cường phong trào tham gia viết bài báo khoa học trong và ngoài nước.

2. Điểm mạnh

Việc triển khai kế hoạch KH&CN hàng năm cũng đều có hướng dẫn rõ ràng và thực hiện có nề nếp, đúng kế hoạch, đồng thời thường xuyên được kiểm tra, giám sát của bộ môn, Khoa và nhà trường. GV ngành QLKT đã rất nỗ lực tham gia các hoạt động NCKH từ việc tham gia các đề tài các cấp, viết bài đăng tạp chí trong và ngoài nước, biên soạn bài giảng, tài liệu tham khảo, sách chuyên khảo... Các kết quả nghiệm thu đều được đánh giá tốt, phục vụ cho công tác chuyên môn.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động NCKH của GV chưa thực sự đa dạng, chưa có nhiều đề tài nghiên cứu ở các cấp Bộ và Nhà nước, quy mô đề tài còn hạn chế. Việc giám sát chất lượng đề đối sánh, cải tiến chất lượng các công trình khoa học hầu như chưa được thực hiện để có đối sánh, cải tiến.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
- Nâng cao chất lượng các hoạt động NCKH của GV, NCV	- Xây dựng các kế hoạch, định hướng NCKH cho GV, NCV; - Thực hiện các đối sánh để đánh giá mức độ cải tiến chất lượng các hoạt động NCKH	- Khoa KT&QTKD - Phòng KHCN	Năm học 2021-2022

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 6.7 đạt yêu cầu với mức điểm 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Đội ngũ GV, NCV tham gia giảng dạy đào tạo SDH ngành QLKT đã đảm bảo chất lượng về năng lực chuyên môn và NCKH. GV, NVC được tuyển dụng theo đúng quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Nhà trường đã được công bố công khai. Khoa KT&QTKD, Trường DHLN luôn đề cao và quan tâm đến việc nâng cao chất lượng giảng dạy và NCKH của từng giảng viên. Chất lượng đội ngũ GV, NCV của Ngành hiện nay đảm bảo đảm đương được nhiệm vụ giảng dạy, NCKH mà Khoa, Nhà trường giao.

Từ việc phân tích những điểm mạnh, điểm tồn tại, nhóm đánh giá cũng đưa ra các phương hướng hành động chi tiết và cụ thể để cải thiện, khắc phục những tồn tại hiện có của Ngành.

Tự đánh giá: Tiêu chuẩn 6 có 7/7 tiêu chí đạt yêu cầu với 6 tiêu chí đạt mức điểm 4/7, 1 tiêu chí đạt mức điểm 5/7.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Hiện nay, chất lượng đào tạo là vấn đề cốt lõi trong các cơ sở giáo dục Đại học nói chung và Trường ĐHLN nói riêng. Vấn đề này phần lớn phụ thuộc vào mối quan hệ, tương tác giữa GV và người học. Tuy nhiên, đội ngũ GV sẽ không thể thực hiện tốt nhiệm vụ và người học sẽ khó có kết quả học tập tốt nếu thiếu chất lượng dịch vụ hỗ trợ của đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, phòng máy tính, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ người học khác. Vì vậy, trong những năm qua, bên cạnh việc chú trọng công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ nhân viên, Nhà trường còn tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, có cơ chế đánh giá năng lực, khen thưởng và công nhận đối với đội ngũ này để tạo động lực hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng nhằm đáp ứng mục tiêu chiến lược của Nhà trường đã đề ra.

Tiêu chí 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược về phát triển Trường Đại học Lâm Nghiệp giai đoạn 2006-2020 thông qua việc thành lập ban xây dựng Chiến lược phát triển Trường Đại học Lâm nghiệp giai đoạn 2006 – 2020 Số 192/QĐ-ĐHLN-TCHC ngày 05 tháng 5 năm 2006 **[H7.07.01.01]**, sau đó là CV số 338/ĐHLN-TCHC ngày 10 tháng 8 năm 2006 về việc triệu tập Hội nghị cán bộ chủ chốt năm 2006 **[H7.07.01.01]** nhằm xây dựng chiến lược phát triển Trường ĐHLN. Kết quả đạt được sau hội nghị là Biên bản Hội nghị xây dựng Chiến lược phát triển Trường ĐHLN giai đoạn 2006-2020 ngày 16 tháng 8 năm 2006 **[H7.07.01.01]**; Thông qua Biên bản Hội nghị xây dựng Chiến lược phát triển Trường Đại học Lâm nghiệp giai đoạn 2006 - 2020 **[H7.07.01.01]** và Quyết định phê duyệt Chiến lược phát triển trường ĐHLN giai đoạn 2006 – 2020 của Bộ NN&PTNT số 3485/QĐ-BNN-TCCB ngày 14/11/2006 **[H7.07.01.01]**.

Nội dung Chiến lược phát triển của Nhà trường đã được thông báo, quán triệt, phổ biến đến toàn bộ CBVC trong trường theo Thông báo số 543/TB-ĐHLN-TCHC ngày 23/11/2006 về quán triệt, tuyên truyền và phổ biến Chiến lược phát triển Trường ĐHLN giai đoạn 2006-2020 **[H7.07.01.01]**, trong đó có kế hoạch hành động về xây dựng bộ máy tổ chức và nhân sự của Trường Đại học Lâm nghiệp trong giai đoạn này. Trong đó, có giải pháp nêu rõ nhà trường cần có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân viên, quy hoạch bổ nhiệm phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường; xây dựng quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch; phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ phải có đủ năng lực chuyên môn, đạo đức và lương tâm nghề nghiệp để đáp ứng yêu cầu đào tạo **[H7.07.01.01]**. Kết quả thực hiện Chiến lược hơn 5 năm thực hiện được thể hiện trong Báo cáo kết quả thực hiện Chiến lược phát triển Trường ĐHLN giai đoạn 2006 - 2012 và sửa đổi bổ sung chiến lược phát triển trường giai đoạn 2013 – 2020, tầm nhìn đến 2030 **[H7.07.01.01]**.

Để thực hiện được chiến lược phát triển Trường này, năm 2013, Nhà trường đã thành lập Ban xây dựng đề án vị trí việc làm của Trường ĐHLN và ra biên bản họp thẩm định đề án vị trí việc làm Trường ĐHLN ngày 9 tháng 10 năm 2015 **[H7.07.01.02]**. Năm 2014, Đề án vị trí việc làm của ĐHLN được ban hành với các nội dung của Đề án: Xác định các vị trí việc làm của CBCNV, mô tả công việc của từng vị trí, khung năng lực của vị trí việc làm và số lượng nhân lực cần thiết cho từng vị trí **[H7.07.01.03]**. Sau đó tiến hành rà soát đội ngũ nhân viên, đối chiếu với đề án vị trí việc làm theo Thông báo rà soát kiểm tra công tác triển khai thực hiện kế hoạch năm học 2015 – 2016 số 1177/TB-ĐHLN-HCTH ngày 20/8/2015 và Thông báo số 1044 – 1071/ĐHLN-TCCB ngày 08/7/2015 về kết quả quy hoạch cán bộ **[H7.07.01.03]**, trên cơ sở đó tiến hành rà soát quy hoạch cán bộ giai đoạn 2016 – 2021 và xây dựng quy hoạch cán bộ giai đoạn 2021 – 2026 **[H7.07.01.03]**.

Chương trình đào tạo ngành thạc sỹ QLKT được hỗ trợ bởi đội ngũ nhân viên làm việc tại các phòng ban, trung tâm như: Phòng Đào tạo lập kế hoạch và tổ chức thực hiện

kế hoạch giảng dạy, học tập các môn học bổ sung chương trình đại học trước thi đầu vào sau đại học. Phòng KT&ĐBCL thực hiện chức năng thực hiện hoạt động về công tác khảo thí, công tác đánh giá và đảm bảo chất lượng đào tạo của Nhà trường, cụ thể: thanh tra, giám sát hoạt động giảng dạy và học tập của giảng viên và học viên theo đúng quy chế, đồng thời triển khai các hoạt động thi, kiểm tra, giải quyết các tồn tại vướng mắc và công tác phúc khảo bài thi. Phòng TCCB, Khoa chuyên môn, Phòng ĐTSĐH và các đơn vị có liên quan theo dõi, quản lý việc thực hiện hợp đồng mời giảng viên thỉnh giảng trong nước và nước ngoài cho các chương trình đào tạo sau đại học của ngành. Phòng HCTH tổ chức quản lý cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng phục vụ cho học tập và giảng dạy của giảng viên, học viên. Thư viện trường có chức năng phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập, đào tạo, nghiên cứu khoa học của giảng viên và học viên; cung cấp tài liệu với các hình thức khác nhau tài liệu chép tay, in, sao chụp, tài liệu điện tử, mạng Internet.... Ban công nghệ thông tin lắp đặt, cài đặt, sửa chữa, nâng cấp thiết bị tin học, thiết bị mạng; trực tiếp phân bổ kết nối mạng; quản lý, đảm bảo cơ sở hạ tầng về kỹ thuật công nghệ thông tin đảm bảo cho các hoạt động trong Trường, hoạt động giảng dạy, nghiên cứu, đào tạo và học tập của giảng viên và học viên.

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ được thực hiện khoa học đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Đối với Khoa, Đội ngũ nhân viên hỗ trợ tại khoa Kinh tế và quản trị kinh doanh có trình độ Thạc sỹ trở lên (100%), có nghiệp vụ chuyên môn và trình độ tin học đáp ứng tốt các yêu cầu công việc; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định theo chức danh nghề nghiệp do Nhà nước ban hành **[H7.07.01.03]**.

Nhà trường đã tiến hành qui hoạch chuẩn hoá chức danh nghề nghiệp và hoàn thành đề án việc làm cho các đơn vị hành chính trực thuộc Trường **[H7.07.01.03]**. Căn cứ vào đề án này, hàng năm trong kế hoạch công tác của các đơn vị phải xây dựng công tác chi tiết, trong đó có công tác quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực **[H7.07.01.04]**. Cụ thể là trong các Thông báo rà soát kiểm tra công tác triển khai thực hiện kế hoạch năm học 2015-2016 số 1177/TB-ĐHLN-HCTH ngày 20 tháng 8 năm 2015, Thông báo kế hoạch rà soát, duyệt kế hoạch năm học 2015-2016 số 1406/TB-ĐHLN-HCTH ngày 16 tháng 9 năm 2015, Thông báo rà soát, duyệt kế hoạch công tác năm học 2018-2019 số 1270/TB-ĐHLN-HCTH ngày 8 tháng 6 năm 2018 **[H7.07.01.04]**, Hiệu trưởng đã yêu cầu các đơn vị kiểm tra việc thực hiện kế hoạch theo năm học chi tiết đến từng cá nhân, duyệt kế hoạch về nhân lực, đào tạo đội ngũ cán bộ cũng như công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong thời gian tới, kế hoạch nhu cầu vật tư, trang thiết bị máy móc.

Trong Kế hoạch công tác năm học 2015 - 2016 theo QĐ số 1844/QĐ-ĐHLN – HCTH ngày 16/10/2015, Kế hoạch công tác năm học 2016 - 2017 số 2279/QĐ-ĐHLN-HCTH ngày 8 tháng 8 năm 2016, Kế hoạch công tác năm học 2017 - 2018 số 1369/QĐ-ĐHLN – HCTH ngày 1/8/2017, Kế hoạch công tác năm học 2018 -2019 khối các

Khoa/Viện đào tạo số 1719/QĐ-ĐHLN-HCTH ngày 13 tháng 8 năm 2018; Kế hoạch công tác năm học 2019 – 2020 Số 1570/QĐ-ĐHLN-HCTH **[H7.07.01.04]**, nhà trường đã đưa ra kế hoạch giáo dục đào tạo, kế hoạch hoạt động KHCN, đặc biệt là kế hoạch về đào tạo phát triển nguồn nhân lực và kế hoạch tuyển dụng. Những kế hoạch theo từng năm này được triển khai chi tiết đến từng cá nhân và sau đó tổng hợp theo từng Khoa, phòng ban chức năng. Các phòng ban sẽ thống kê số lượng lao động hiện có, trình độ chuyên môn và kế hoạch bồi dưỡng trong năm và đề xuất kế hoạch tuyển dụng nhân sự dựa trên thực tế về tình hình nhân sự hiện có.

Xác định nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng, tiên quyết và mấu chốt cho sự phát triển của Nhà trường, Nhà trường đã chú trọng đổi mới hoàn thiện và ban hành TB số 3226/TB-ĐHLN-TCCB ngày 22 tháng 11 năm 2016 về việc rà soát nhân lực, định biên các đơn vị thuộc khối phục vụ, Quyết định về việc thành lập ban rà soát, định biên các đơn vị thuộc khối hành chính, phục vụ theo QĐ số 853/QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 19 tháng 5 năm 2017, ra Thông báo kết luận hội nghị rà soát, định biên các đơn vị thuộc khối hành chính, phục vụ tại TB số 928/TB-ĐHLN-TCCB ngày 26 tháng 5 năm 2017 **[H7.07.01.05]**. Công tác định biên nhân lực gồm một số nội dung như: Thống kê khối lượng công việc đã thực hiện, đánh giá mức độ hoàn thành công việc, xác định số lượng lao động cần có để thực hiện khối lượng công việc hiện có, xác định số lượng lao động dư thừa và đề xuất hướng sử dụng. Sau đó các lãnh đạo đơn vị đề xuất ý kiến bổ sung, hoàn chỉnh, thay đổi và điều chuyển chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong khối phục vụ (nếu có).

Các phòng ban, Khoa, Viện, Trung tâm căn cứ vào nhiệm vụ được giao về hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng phân tích nhu cầu về đội ngũ nhân viên đáp ứng yêu cầu về chuyên môn và phù hợp với đề án vị trí việc làm của Nhà trường. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và đề án vị trí việc làm của mỗi đơn vị hành chính, Trưởng đơn vị mô tả công việc của từng thành viên trong đơn vị và xây dựng bản phân công nhiệm vụ từng người, công khai lên website để tiện cho người khác liên hệ công việc **[H7.07.01.05]**.

Việc tuyển dụng cán bộ, giảng viên và nhân viên hỗ trợ đào tạo được thực hiện theo đúng quy định của nhà trường về công tác tuyển dụng. Các quy định tuyển dụng được đề cập chi tiết trong quyết định số 2624/QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 14/9/2016 và quyết định số 280/QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 23/2/2018 **[H7.07.01.05]**. Công tác quy hoạch, tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Trường được thực hiện theo đúng các quy định của Luật viên chức, Luật GDĐH, các Nghị định của Chính phủ, các Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 Quy định chức danh, mã số ngạch, chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính, Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01/10/2014 Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp

viên chức chuyên ngành KH&CN, Thông tư liên tịch số 02/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 19/5/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện **[H7.07.01.05]**, theo quy định và tiêu chuẩn tuyển dụng viên chức của Trường ĐHLN theo QĐ số 2624/QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 14 tháng 9 năm 2016 ban hành Quy định về tuyển dụng LĐHĐ và viên chức khôi phục vụ **[H7.07.01.05]**. Những ứng viên tốt nghiệp từ loại giỏi trở lên tại các trường đại học như Kinh tế Quốc dân, Ngoại thương, Học viện Ngân hàng, Học viện tài Chính... sẽ được cộng điểm ưu tiên trong quá trình thi tuyển. Đây là một trong những chính sách của Nhà trường để thu hút đội ngũ nhân tài cống hiến cho Nhà trường. Trong quá trình tuyển dụng, Nhà trường thực hiện nghiêm các quy định về tuyển dụng như thành lập hội đồng tuyển dụng, thành lập tiểu ban chấm thi và sát hạch chuyên môn GV và trợ giảng, thành lập ban thanh tra kỳ thi tuyển dụng viên chức. Kết quả thi tuyển cũng được công bố tới người thi tuyển và các bên liên quan **[H7.07.01.05]**.

Bên cạnh chiến lược của Trường, Khoa Kinh tế & QTKD đồng thời cũng đưa ra chiến lược phát triển của Khoa **[H7.07.01.06;H6.06.01.04;H06.06.03.04;H7.07.01.04]** nhằm phát huy những thế mạnh của khoa, đặc biệt là bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực của Khoa, phục vụ tốt cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển cộng đồng.

Các công tác về nhân sự được thực hiện nghiêm túc theo các văn bản: Nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý CBVC, quy chế đào tạo bồi dưỡng CBVC cũng như các quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị và về đánh giá cán bộ, thi đua, khen thưởng. Việc thực hiện được tiến hành công khai, minh bạch do đã có các văn bản cụ thể gửi đến các cá nhân và đơn vị, đồng thời đăng tải ở phần mềm TD-Office trên website www.vnuf.edu.vn của Trường ĐHLN.

Đội ngũ NVHT cũng thực hiện tốt các hoạt động phục vụ cộng đồng, đặc biệt là cộng đồng dân cư thuộc thị trấn Xuân Mai – nơi đặt trụ sở chính của Trường ĐHLN. Khuôn viên nhà trường được tổ cảnh quan thường xuyên chăm sóc bảo dưỡng, là nơi tham quan quen thuộc của dân cư. Hệ thống wifi được cung cấp miễn phí cho toàn bộ CBVC, HSSV và khách tham quan trường. Nhân viên thư viện ngoài việc phục vụ CB, HSSV cũng hỗ trợ cho bạn đọc là những người ngoài trường có mang theo giấy tờ tùy thân. Trung tâm giáo dục thể chất thường xuyên tổ chức các lớp dạy bơi phục vụ mọi đối tượng tham gia... Đó là một số hoạt động tiêu biểu thể hiện sự thân thiện và phục vụ cộng đồng của đội ngũ NVHT thuộc Trường ĐHLN.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân viên đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Trên thực tế, đội ngũ nhân

viên hỗ trợ của Trường và của Khoa Kinh tế và quản trị kinh doanh có đủ số lượng, có kinh nghiệm công tác và đảm bảo về phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ hỗ trợ, phục vụ tốt cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Nhà trường đã có đề án vị trí việc làm quy hoạch chuẩn hoá số vị trí việc làm và số lượng người làm việc ở mỗi vị trí.

Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của nhân viên hỗ trợ có nhiều cải thiện, chất lượng đội ngũ NVHT cũng được thường xuyên đánh giá khách quan từ các bên liên quan, đặc biệt là ý kiến của GV và HV, SV, những người trực tiếp sử dụng những hỗ trợ này.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay, về cơ bản NVHT của nhà trường có trình độ năng lực phù hợp với vị trí việc làm. Tuy nhiên, vẫn còn nhân viên chưa đáp ứng tốt yêu cầu công việc, đặc biệt là các hoạt động phục vụ cộng đồng, kết quả thu thập được phản hồi của SV cũng xuất hiện những ý kiến đánh giá về chất lượng phục vụ chưa thực sự tốt, như thái độ phục vụ của một số bộ phận, CSVC phục vụ giảng dạy, học tập còn hạn chế. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến mới chỉ thu thập của sinh viên mà chưa tổ chức thu thập của các đối tượng khác như giảng viên, học viên sau Đại học.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
Nâng cao chất lượng phục vụ của NVHT	- Nghiên cứu việc cải tiến, đánh giá chất lượng NVHT theo hình thức trực tuyến/ hòm thư góp ý cho tất cả các đối tượng có thể tham gia đánh giá như sinh viên, giảng viên, cán bộ quản lý, học viên sau Đại học - Cuối mỗi học kỳ/năm học, thông báo công khai kết quả đánh giá, xếp loại CBVC (trong đó có NVHT) cho GV, SV biết trên website của nhà trường	- Các bộ phận quản lý NVHT - Phòng KT&ĐBCL	Năm học 2021-2022

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 7.1 đạt yêu cầu với mức điểm **5/7**

Tiêu chí' 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Trong những năm qua, Nhà trường và Khoa KT&QTKD rất chú trọng công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ nhân viên nhằm đạt được sự hỗ trợ tốt nhất cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Khoa và Nhà trường luôn quan tâm về việc khảo sát phân tích nhu cầu nhân lực để có cơ sở cho việc xác định chỉ tiêu và tiêu chí tuyển dụng nhân viên. Để việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên tuân thủ theo quy định của pháp luật và thuận lợi trong công việc, Nhà trường chủ động xây dựng các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên rõ ràng, minh bạch thông qua Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức Trường ĐHLN và Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý các đơn vị trực thuộc Trường ĐHLN. Theo đó, các ứng viên khi ứng tuyển vào vị trí viên chức hành chính cần đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ như: phải có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại khá trở lên; có trình độ ngoại ngữ tối thiểu đạt bậc 3 (B1) và có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin,...

Việc lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm vào vị trí viên chức quản lý cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể về trình độ chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm công tác. Quy trình trong việc tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được thực hiện chặt chẽ. Quá trình tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức thực hiện theo đúng qui trình đã đề ra. Nhờ đó, Trường có đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác **[H7.07.02.01; H7.07.01.04;H6.06.01.04]**. Cụ thể là Quyết định ban hành quy định tuyển dụng LĐHĐ và viên chức khôi phục vụ số 2624/QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 14/9/2016, QĐ ban hành quy định tiêu chuẩn xét hết thời gian tập sự đối với VC và LĐHĐ thuộc Trường ĐHLN Số 1457/ĐHLN-TCCB ngày 16/12/2013, QĐ ban hành quy định về tuyển dụng và quản lý LĐHĐ số 917/QĐ- ĐHLN- TCCB, ngày 4/9/2013 **[H7.07.02.01;H6.06.01.04;H7.07.01.06;H6.06.03.04]**. Có thể thấy rằng nhà trường đã ban hành quyết định tuyển dụng đối với từng đối tượng tuyển dụng khác nhau, trong đó quy định cụ thể từng tiêu chuẩn tuyển dụng.

Giai đoạn 2013 đến 2020, Nhà trường đã đưa ra các công văn lấy ý kiến góp ý đối với Dự thảo các quy chế, quy định của Nhà trường, như trong số 782/ĐHLN-TCCB ngày 6 tháng 8 năm 2013; Số 171/ĐHLN-TCCB ngày 28 tháng 2 năm 2014; Số 1069/ĐHLN-TCCB ngày 12 tháng 9 năm 2014; Số 1630/ĐHLN-TCCB ngày 29 tháng 9 năm 2015; Số 2108/ĐHLN-TCCB ngày 23 tháng 11 năm 2015; Số 509/ĐHLN-TCCB

ngày 29 tháng 3 năm 2016; Số 703/ĐHLN-TCCB ngày 22 tháng 4 năm 2016; Số 1076/ĐHLN-KHCN&HTQT ngày 9 tháng 6 năm 2016; Số 2487/ĐHLN ngày 26 tháng 8 năm 2016; Số 1059/ĐHLN-TCCB ngày 14 tháng 6 năm 2017; Số 154/ĐHLN-TCCB ngày 22 tháng 1 năm 2018; Số 2127/ĐHLN-TCCB ngày 2 tháng 10 năm 2018; Số 2478/ĐHLN-QTTB ngày 8 tháng 11 năm 2018 **[H7.07.02.01; H6.06.01.04; H7.07.01.06; H6.06.03.04]**. Do vậy, toàn thể CBVC trong trường đều được phổ biến và tham gia góp ý đối với những quy định về tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển.

Những quy định này phù hợp với quy định của Nhà nước về chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính - thư viện - KH&CN cũng như việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức tại Quy định chức danh, mã số ngạch, chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính (Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014); Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành KH&CN (Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01/10/2014); Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện (Thông tư liên tịch số 02/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 19/5/2015) **[H7.07.02.01; H6.06.01.04; H7.07.01.06; H6.06.03.04]**.

Trường có các tiêu chí, điều kiện tuyển dụng, hình thức tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên rõ ràng trong mỗi đợt tuyển dụng, cụ thể, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, trình độ chuyên môn, điều kiện sức khỏe. Đầu mỗi năm học, Nhà trường tiến hành rà soát đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, phê duyệt kế hoạch tuyển dụng nhân viên cho các đơn vị. Việc tuyển dụng cán bộ đều xuất phát từ nhu cầu của Khoa; các Phòng ban, Trung tâm. Kế hoạch tuyển chọn, danh sách thí sinh, danh sách những người trúng tuyển được công bố công khai trên trang Web của Nhà trường và các phương tiện thông tin đại chúng **[H7.07.02.02], [H7.07.02.04; H7.07.01.04; H7.07.01.06], [H7.07.02.05]**. Quy trình tuyển dụng đội ngũ nhân viên được tổ chức chặt chẽ, gồm các bước: thành lập Hội đồng tuyển dụng Trường và các Tiểu ban chuyên môn chấm thi tại các đơn vị; tổ chức thi chuyên môn nghiệp vụ; thi phỏng vấn tại Hội đồng tuyển dụng Trường **[H7.07.02.03], [H7.07.02.04; H7.07.01.04; H7.07.01.06]**.

Sau khi kết thúc việc nộp hồ sơ, Nhà trường ra quyết định thành lập các tiểu ban chấm thi tuyển LĐHĐ **[H7.07.02.06]**. Sau khi kết thúc kỳ thi, trong vòng 10 ngày, Nhà trường phải công bố công khai trên website của nhà trường kết quả trúng tuyển của LĐHĐ **[H7.07.02.07]**.

Trong quá trình bố trí, sử dụng lao động, Nhà trường cũng quy định rõ ràng về tiêu chuẩn của CBVC, NVHT bao gồm quy định về thời gian tập sự, thử việc, quy định về

bổ nhiệm, miễn nhiệm các vị trí, chức vụ rõ ràng, từ đó làm cơ sở tốt cho việc bố trí, sử dụng và bổ nhiệm, miễn nhiệm CBVC của Nhà trường **[H7.07.02.08]**. Bên cạnh đó, với một số vị trí việc làm có sự cơ động cao như Ban XTTS&TVVL, Trung tâm giới thiệu du học nước ngoài... nhà trường có sự điều chuyển về nhân sự để phù hợp với tình hình thực tế hàng năm. Những thay đổi này được thông báo đến từng cá nhân và đơn vị có liên quan, đảm bảo công việc diễn ra thông suốt, không bị gián đoạn hoặc gây cản trở đến hoạt động của các phòng ban. **[H7.07.02.09]**

Đội ngũ cán bộ quản lý các phòng ban chức năng của Trường chủ yếu được lựa chọn từ lực lượng giảng viên, được bồi dưỡng thêm về công tác quản lý, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Đội ngũ kỹ thuật viên, cán bộ nhân viên chủ yếu có trình độ Đại học các ngành phù hợp, đáp ứng được yêu cầu phục vụ công tác đào tạo và NCKH. Trường có một môi trường dân chủ: cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên tham gia góp ý kiến rộng rãi đối với các chủ trương, kế hoạch của Trường; mọi yêu cầu chính đáng và các khiếu nại, tố cáo được giải quyết kịp thời, đúng qui định.

Như vậy, có thể thấy quá trình tuyển dụng nhân viên, LDHĐ của Nhà trường là công khai, minh bạch với các tiêu chuẩn tuyển chọn được công bố rõ ràng để đảm bảo tính công bằng cho người dự tuyển.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các văn bản quy định các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên rõ ràng, cụ thể và được công bố công khai. Các kế hoạch, thông báo, kết quả và quyết định tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc, công khai và minh bạch.

Công tác tuyển dụng của Nhà trường được thực hiện theo đúng quy định trong các văn bản của Nhà nước có liên quan. Các tiêu chuẩn, số lượng, vị trí tuyển dụng được quy định và công bố rõ ràng trong từng lần tổ chức tuyển dụng. Đồng thời, sau khi thi tuyển, các kết quả cũng được công bố công khai cho các ứng cử viên. Việc điều chuyển nhân viên giữa các phòng ban diễn ra nhẹ nhàng không gây xáo trộn.

Trường đang có đội ngũ nhân viên hỗ trợ đủ số lượng với cơ cấu hợp lý, đảm bảo chất lượng cho các lĩnh vực công tác: hành chính và phục vụ đào tạo.

Phần lớn nhân viên hỗ trợ đáp ứng các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay nhà trường vẫn còn một số bộ phận nhân sự được bổ nhiệm chưa đáp ứng được yêu cầu (chưa đạt trình độ yêu cầu) do nguồn nhân lực tại chỗ đang được bồi dưỡng, đồng thời trong một số trường hợp không có nguồn tuyển dụng.

Nhà trường chưa thường xuyên phân tích vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên để xác định các chỉ tiêu tuyển dụng và sử dụng đội ngũ này hợp lý hơn.

Chưa có chiến lược dài hạn và chưa có dự báo về sự biến đổi của cơ cấu việc làm trong thời đại 4.0.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
Nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng, lựa chọn NVHT	- Tăng cường công tác bồi dưỡng, quy hoạch để xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu từ nguồn tại chỗ. - Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc cụ thể của từng vị trí việc làm để có chính sách tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ nhân viên hợp lý hơn. - Thực hiện việc phân tích vị trí việc làm theo yêu cầu đào tạo của nhà trường, trên cơ sở đó xây dựng các tiêu chí phù hợp với vị trí việc làm để tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đúng người, đúng việc, đúng năng lực. - Công khai minh bạch trên các phương tiện thông tin đại chúng, tuy nhiên cần rà soát và đảm bảo tính liên kết thông tin kịp thời, thống nhất từ Nhà trường đến các đơn vị cũng như sự phản hồi, góp ý của người được tuyển dụng, điều động, bổ nhiệm.	- Các bộ phận quản lý NVHT - Phòng TCCB	Năm học 2020 -2021

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 7.2 đạt yêu cầu với mức điểm 5/7.

Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Để làm căn cứ tuyển dụng, bố trí sử dụng và quản lý đội ngũ NVHT, năng lực yêu cầu của từng vị trí việc làm của nhân viên đã được Nhà trường xác định rõ ràng trong Khung vị trí việc làm của Đề án Vị trí việc làm Trường ĐHLN năm 2014 **[H7.07.01.03]**. Để triển khai Đề án này, trước tiên Nhà trường đã có các văn bản yêu cầu lấy ý kiến góp ý vào các dự thảo quy định đánh giá viên chức, LĐHĐ khôi phục vụ trong trường tại Công văn v/v góp ý dự thảo quy chế đánh giá, phân loại đối với đơn vị và công chức, viên chức, người lao động Trường ĐHLN Số 2312/ĐHLN-TCCB ngày 22 tháng 10 năm 2018, Công văn v/v góp ý dự thảo quy định về quản lý, sử dụng phòng thí nghiệm, xưởng thực hành của Trường ĐHLN Số 2478/ĐHLN-QTTB ngày 8 tháng 11 năm 2018 **[H7.07.03.01; H7.07.02.01; H7.07.01.06; H6.06.03.04]**.

Việc xác định và đánh giá năng lực của đội ngũ NVHT còn dựa trên Quy định chức danh, mã số ngạch, chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính (Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014); Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành KH&CN (Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01/10/2014); Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện (Thông tư liên tịch số 02/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 19/5/2015) **[H7.07.03.01; H7.07.01.06; H6.06.03.04]**. Năm 2016, Nhà trường đã lần lượt ban hành các quy định về đánh giá cán bộ giảng dạy, quy định về đánh giá viên chức, LĐHĐ khôi phục vụ tại Quyết định số 187/QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 18/2/2016 **[H6.06.04.05]** và quy định về đánh giá cán bộ, viên chức khối quản lý tại Quyết định số 713/QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 25/4/2016 để làm cơ sở đánh giá CBCNV trong toàn trường **[H7.07.03.02]**.

Dựa vào những quy định này, hàng năm các đơn vị tổ chức rà soát, đánh giá nhân sự của bộ phận mình, sau đó gửi lên Nhà trường để tổng hợp, đánh giá **[H7.07.03.03]**. Quá trình đánh giá do các đơn vị tiến hành theo các bước sau:

Bước 1: Viên chức và người lao động tự đánh giá, phân loại (theo mẫu với các mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hoàn thành nhiệm vụ; Không hoàn thành nhiệm vụ);

Bước 2: Tổ chức họp đơn vị để viên chức trình bày kết quả đánh giá, phân loại của mình để các thành viên dự họp đóng góp ý kiến. Các ý kiến góp ý được ghi vào biên bản và thông qua tại cuộc họp. Cuộc họp đơn vị được tổ chức như sau:

Đối với các Khoa/Viện: Trưởng bộ môn tổ chức cuộc họp đánh giá, phân loại với thành phần tham dự là toàn thể viên chức và người lao động trong Bộ môn; Trưởng Khoa/viện tổ chức cuộc họp đánh giá, phân loại với thành phần tham dự: Lãnh đạo Khoa/Viện, Trưởng các bộ môn, Bí thư chi bộ, Chủ tịch công đoàn bộ phận, Đại diện Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.

Đối với các đơn vị Phòng/Ban, Trung tâm... thuộc Trường: Trưởng đơn vị tổ chức cuộc họp đánh giá, phân loại với thành phần tham dự là toàn thể viên chức. Đối với viên chức giữ chức vụ quản lý: Trưởng Khoa/viện, Trưởng đơn vị phải trình bày kết quả đánh giá, phân loại của mình trước cuộc họp đơn vị để các thành viên dự họp đóng góp ý kiến. Các ý kiến góp ý được ghi vào biên bản và thông qua tại cuộc họp. Đối với viên chức và người lao động không thực hiện viết tự đánh giá, phân loại, không có mặt để trình bày báo cáo tự đánh giá thì đơn vị vẫn tiến hành đóng góp ý kiến, ghi vào biên bản cuộc họp để làm căn cứ đánh giá ở các bước tiếp theo;

Bước 3: Trưởng đơn vị đối chiếu với các tiêu chí quy định và trên cơ sở Phiếu đánh giá, phân loại viên chức, ý kiến của thành viên dự họp quyết định đánh giá, phân loại đối với từng viên chức và người lao động trong đơn vị mình quản lý;

Trong từng kỳ học, năng lực phục vụ của đội ngũ NVHT cũng được đánh giá thông qua các phiếu điều tra SV **[H7.07.03.04]**. Đồng thời, tại mỗi bộ phận quản lý trực tiếp, năng lực của cán bộ, NVHT cũng được đánh giá qua bộ tiêu chí đánh giá cán bộ để xếp loại CBVC hàng tháng. Từ đó, làm căn cứ xét thưởng lương tăng thêm cho cán bộ theo Hướng dẫn đánh giá phân loại viên chức người lao động và bình xét các danh hiệu thi đua khen thưởng trong năm học tại Thông báo Số 1050/TB-ĐHLN-TCCB ngày 12 tháng 6 năm 2017, Số 1238/TB-ĐHLN-TCCB ngày 5 tháng 6 năm 2018, Số 1196/TB-ĐHLN-TCCB ngày 10 tháng 6 năm 2019 **[H7.07.03.05]**. Mẫu phiếu đánh giá kết quả công tác cán bộ/viên chức được đưa vào Quy chế chi tiêu nội bộ **[H7.07.03.05]**. Đồng thời dựa vào những đánh giá hàng tháng của các bộ phận để làm căn cứ xếp loại CBVC cả năm. Trong bảng chấm điểm và đánh giá đều có phần đánh giá của bản thân cán bộ, đánh giá của bộ phận và đơn vị quản lý cán bộ. Từ những kết quả đánh giá của các cá nhân và của đơn vị quản lý, các đơn vị phòng ban lập danh sách công nhận kết quả làm việc và đề nghị khen thưởng lên nhà trường. Việc công nhận kết quả làm việc cũng như các danh hiệu thi đua khen thưởng như lao động tiên tiến, chiến sỹ thi đua cơ sở, tập thể lao động xuất sắc, bằng khen của thủ tướng... được đăng tải trên trang web của nhà trường cũng như thông báo đến các cá nhân.

Như vậy có thể thấy, hiện nay yêu cầu về năng lực CBVC, trong đó có đội ngũ NVHT tại Trường ĐHLN đã được xác định rất rõ ràng. Nhà trường cũng đã xây dựng khung chấm điểm điểm hàng tháng, hàng năm để làm căn cứ đánh giá, xếp loại CBVC.

Xây dựng được đội ngũ nhân viên có đủ phẩm chất và năng lực sẽ là yếu tố then chốt để thực hiện cải cách, đổi mới giáo dục. Chính vì vậy, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh luôn đề cao vai trò của đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Hiện tại, bên cạnh đội ngũ hỗ trợ đông đảo từ Nhà trường phục vụ sinh viên của Khoa Kinh tế và QTKD nói chung và ngành QLKT nói riêng, Khoa Kinh tế và QTKD cũng có các cán bộ hỗ trợ và giảng viên kiêm nhiệm tham gia các hoạt động tham vấn, hỗ trợ, phối hợp với phòng Đào tạo

Sau Đại học lập kế hoạch đào tạo, xây dựng các chương trình đào tạo sau Đại học. Nhà trường đã có quy định rõ ràng về quy định đánh giá xếp loại cán bộ viên chức **[H7.07.03.04]**. Vào cuối mỗi năm học, các nhân viên hỗ trợ đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xác định kế hoạch trong năm học tới. Những đóng góp của đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa luôn được sự công nhận của Khoa và Nhà trường. Nhiều cán bộ đạt danh hiệu Lao động tiên tiến trở lên. Sự khen thưởng này là những ghi nhận của Khoa và Nhà trường đối với đóng góp thành tích của đội ngũ hỗ trợ **[H7.07.03.05]**.

Nhà trường có quy định rõ ràng về công tác lấy ý kiến phản hồi từ học viên đối với cán bộ, viên chức và các hoạt động Nhà trường. Trên cơ sở đó, Nhà trường có kế hoạch triển khai lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động của các đơn vị hành chính và các hoạt động Nhà Trường. Từ đó, Nhà Trường có báo cáo về việc phản hồi của người học đối với các đơn vị hành chính. Việc đánh giá giúp các đơn vị hành chính cũng như Nhà trường có thể quản lý chất lượng phục vụ tốt hơn **[H7.07.03.06]**.

2. Điểm mạnh

Đề án vị trí việc làm năm 2014 của Trường ĐHLN đã làm rõ được mô tả công việc, từ đó làm rõ được yêu cầu năng lực của từng vị trí việc làm trong Nhà trường. Căn cứ vào đề án này, hiện nay một số đơn vị đang tiến hành rà soát, đánh giá và hoàn thiện, bổ sung, nâng cao chất lượng nhân sự cho phù hợp với yêu cầu. Việc đánh giá năng lực đội ngũ NVHT được thực hiện nghiêm túc ở nhiều cấp từ cấp cơ sở đến đơn vị, đảm bảo tính khách quan và công bằng, từ đó góp phần nâng cao chất lượng phục vụ của đội ngũ NVHT.

Việc đánh giá, xếp loại đội ngũ nhân viên hằng năm của Trường nói chung và của khoa Kinh tế và quản trị kinh doanh nói riêng được thực hiện nghiêm túc theo các tiêu chuẩn đánh giá được quy định cụ thể. Kết quả đánh giá đảm bảo tính khách quan, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Với nhiều vị trí công việc, việc áp dụng các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá còn chưa thực sự cụ thể, khó đo lường. Do vậy, kết quả đánh giá ở một số bộ phận có thể còn chưa thực sự công bằng, chưa tạo được động lực phấn đấu cho người lao động.

Việc khảo sát sự hài lòng của GV, học viên đối với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên chưa được Nhà trường thực hiện thường xuyên và chưa được xem như kênh thông tin phản hồi bắt buộc khi thực hiện việc phân loại, đánh giá nhân viên.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
Nâng cao chất lượng công tác đánh giá NVHT	- Hoàn thiện các tiêu chí và hướng dẫn đánh giá chi tiết cho từng bộ phận - Nhà trường phân tích, đánh giá những ý kiến phản hồi của GV và học viên, SV về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên và trên cơ sở đó xây dựng những tiêu chí mới, thang đánh giá mới nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên phục vụ cho việc đào tạo đại học, sau đại học của Nhà trường và Khoa	- Các bộ phận quản lý NVHT - Phòng TCCB	Năm học 2020-2021

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 7.3 đạt yêu cầu với mức điểm **5/7**

Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Trong công tác xây dựng đội ngũ, Nhà trường đã chú trọng toàn diện cả ba khâu tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng và sử dụng lao động. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là các hoạt động để duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên, là điều kiện quyết định để Nhà trường có thể đứng vững và thắng lợi trong môi trường cạnh tranh.

Quy định về việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ cũng được Nhà trường rà soát định kỳ 2 năm một lần. Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ theo chiến lược phát triển nguồn nhân lực 2006-2020 cũng như QĐ điều chỉnh, bổ sung chiến lược phát triển Trường ĐHLN giai đoạn 2006 -2020 [**H7.07.04.01;H7.07.01.01;H1.01.01.05**], Nhà trường đã ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng CBVC qua các năm theo QĐ số 605/QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 20/5/2014, 128/QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 27/1/2016, QĐ số 278/QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 23/2/2018 [**H7.07.04.02;H6.06.01.04;H6.06.01.04**]. Trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của từng bộ phận, định kỳ hàng năm, Nhà trường đều

xác định các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBVC. Năm 2013, Nhà trường đã ra Thông báo kết luận của Hiệu trưởng về việc rà soát nhân lực và phân bổ chỉ tiêu tuyển dụng viên chức, LĐHĐ năm 2013 Thông báo số 981/TB-ĐHLN-TCCB ngày 13 tháng 9 năm 2013 **[H7.07.04.03;H7.07.01.04]**. Định kỳ các năm học đều có Thông báo rà soát kiểm tra công tác triển khai thực hiện kế hoạch năm học, Thông báo số 1177/TB-ĐHLN-HCTH ngày 20 tháng 8 năm 2015, Số 1027/TB-ĐHLN-HCTH ngày 2 tháng 6 năm 2016, Số 1352/TB-ĐHLN-HCTH ngày 31 tháng 7 năm 2017**[H7.07.04.03; H7.07.01.04]**. Trong các thông báo này đã đưa ra các mẫu bảng để các đơn vị và phòng ban đăng ký kế hoạch hoạt động KHCN và HTQT, Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

Việc khảo sát đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được thực hiện từ các Phòng, Tổ. Hàng năm, các đơn vị này sẽ lấy ý kiến về nguyện vọng của các cá nhân trong từng Phòng, Tổ về nhu cầu bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, sau đó tổng hợp để gửi về nhà trường.

Từ các kế hoạch trên, Nhà trường đã ban hành các quyết định về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên, cụ thể như cử viên chức đi tập huấn các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, cử viên chức đi học nâng cao trình độ theo các chương trình dài hạn như Thạc sĩ, tiến sĩ, cử đi học nâng cao trình độ tiếng Anh, cử đi học các lớp Bồi dưỡng chính trị trung cấp và cao cấp...

Nhà trường cũng thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn như các lớp phương pháp thực hành, các lớp nghiệp vụ ngắn hạn. Trong 5 năm qua, Nhà trường đã hỗ trợ kinh phí cho viên chức, lao động hợp đồng đi học các lớp ngắn hạn và dài hạn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn. Đối với công tác quản lý sinh viên và học viên Nhà trường chú trọng thông qua cử các cán bộ liên quan tham gia tập huấn và đào tạo **[H7.07.04.04], [H7.07.04.05]**.

Bảng 7.1: Bảng tổng hợp các lớp đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2015-2019

TT	Lớp bồi dưỡng	Số lượng học viên	Đơn vị bồi dưỡng	Năm đào tạo
1	Ngh nghiệp vụ sư phạm	65	Trường Đại học sư phạm Hà Nội	2015
2	Ngh nghiệp vụ sư phạm	89	Trường Đại học sư phạm Hà Nội	2016

3	Chức danh nghề nghiệp GV hạng II	83	Trường Đại học sư phạm Hà Nội	2017
4	Chức danh nghề nghiệp GV hạng I	52	Trường Đại học Vinh	2018
5	Nghiep vụ sư phạm	58	Trường Đại học sư phạm Thái Nguyên	2018
6	Chức danh nghề nghiệp GV hạng II	91	Trường Đại học sư phạm Thái Nguyên	2019
7	Chức danh nghề nghiệp GV hạng III	78	Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên	2019
8	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên cao cấp			2017
9	Bồi dưỡng quản lý kiến thức quản lý nhà nước chương trình chuyên viên chính	42		2020

Ngân sách giành để phân bổ cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ được quy định rất rõ ràng trong Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm của trường. Tùy theo từng nội dung cũng như quy mô của hoạt động mà nhà trường có hỗ trợ về tài chính một phần hoặc toàn bộ kinh phí. Những cá nhân tham gia bồi dưỡng phát triển chuyên môn được tạo kiện tối đa về kinh phí, thời gian, phương tiện đi lại **[H7.07.04.06]**

2. Điểm mạnh

Hàng năm, Nhà trường và Khoa luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ hỗ trợ, có các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ này. Nâng cao chất lượng đội ngũ luôn được Nhà trường quan tâm thông qua việc xác định và tổ chức các chương trình đào tạo ngắn và dài hạn. Đồng thời, nhà trường cũng dành một khoản kinh phí đáng kể cho các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng CBVC.

Các kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong 5 năm qua cho thấy các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường là thực sự phong phú và có chất lượng.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đôi khi còn dàn trải, kinh phí cho đào tạo, bồi dưỡng còn khá khiêm tốn; Nhà trường chưa có tiêu chí ưu tiên, lựa chọn đào tạo để xây dựng đội ngũ giảng viên và nhân viên hỗ trợ chất lượng.

4. Kế hoạch hành động

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Xây dựng chiến lược, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng trung và dài hạn	Phòng TCCB, Khoa KT&QTKD	Năm 2021
2	Lập kế hoạch kinh phí khả thi cho các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ	Phòng TCKT	Năm 2021

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 7.4 đạt yêu cầu với mức điểm **4/7**

Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm đảm bảo và góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác của đội ngũ viên chức, Nhà trường có những quy định cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên (trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận).

Nhà trường đã ban hành các văn bản: Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Quy định về công tác thi đua, khen thưởng Trường ĐHLN làm cơ sở cho việc đánh giá, phân loại viên chức và bình xét thi đua, khen thưởng cho viên chức theo từng năm học. Quy trình theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên được thể hiện rõ trong Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Hằng năm, căn cứ vào mức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhân viên, Nhà trường có các hình thức khen thưởng và công nhận danh hiệu thi đua đối với các cá nhân như: Lao động tiên tiến; Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; Chiến sĩ thi đua cấp Bộ; Chiến sĩ thi đua toàn quốc,... Cụ thể để đánh giá kết quả công việc của nhân viên, các Phòng ban đã dựa vào Quy định Đánh giá viên chức, LĐHĐ khối quản lý, phục vụ của Trường ĐHLN, Hướng dẫn đánh giá phân loại viên chức, người lao động và bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng hàng năm, Quy định về nội dung, tiêu chuẩn, điều kiện công nhận sáng kiến, Quy định về công tác thi đua khen thưởng Trường ĐHLN

[H7.07.05.01;H7.07.03.02;H7.07.03.01;H7.07.01.06;H6.06.03.04]. Hàng năm, nhà trường cũng ban hành văn bản lấy ý kiến góp ý bổ sung, thảo luận nội dung các quy định đánh giá CBVC khối quản lý phục vụ để có những điều chỉnh cho phù hợp. **[H7.07.05.01; H7.07.03.02;H7.07.03.01;H7.07.01.06;H6.06.03.04]**.

Đề động viên, khuyến khích, tạo động lực làm việc cho nhân viên, công đoàn Trường phối hợp với công đoàn bộ phận thường xuyên phát động các phong trào thi đua như chiến sĩ thi đua các cấp, phong trào giỏi việc nước, đảm việc nhà, phong trào thi đua sáng kiến cải tiến trong công tác... đã tạo ra nhiều khí thế thi đua sôi nổi trong CBVC Nhà trường **[H7.07.05.02]**.

Hàng năm, để làm căn cứ xếp loại cán bộ hàng năm, các đơn vị bộ phận đều phải đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành công việc của từng cá nhân, đánh giá xếp loại thi đua hàng năm **[H7.07.05.03]**, **[H7.07.05.04]**. Từng phòng ban chức năng đều quy định rất chi tiết nhiệm vụ của từng nhân viên trong phòng **[H7.07.05.05]**. Đây là căn cứ quan trọng để đánh giá kết quả công tác của từng cá nhân, cán bộ công chức.

Để nâng cao tính hiệu quả các hoạt động quản trị theo kết quả công tác, Nhà trường đã xây dựng chi tiết quy định về chế độ thưởng, phạt chi tiết từng danh hiệu thi đua **[H7.07.05.05]**. Danh sách đăng ký danh hiệu thi đua khen thưởng cũng như kết quả thi đua khen thưởng, kinh phí cho hoạt động này đều được nhà trường công bố công khai đến các đơn vị trong Trường. Để lấy ý kiến góp ý của đội ngũ nhân viên trong quá trình xây dựng các quy chế, quy định các lĩnh vực công tác của đơn vị và Nhà trường, Nhà trường đã đưa ra các công văn lấy ý kiến góp ý đối với Dự thảo các quy chế, quy định của Nhà trường cũng như các ý kiến phản hồi về kết quả công nhận các danh hiệu thi đua, đánh giá phân loại; lương tăng thêm.

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá, thi đua khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên được Nhà trường quy định rõ ràng, công khai, góp phần tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Nhà trường đã xây dựng được hệ thống chỉ tiêu đánh giá kết quả công tác của từng cá nhân trong tháng và cả năm. Việc đánh giá kết quả công tác cá nhân được thực hiện từ cấp cơ sở đã đảm bảo tính khách quan và chính xác trong đánh giá. Hàng tháng và cuối năm, căn cứ trên kết quả đánh giá của các tổ công tác, Nhà trường thành lập hội đồng xét duyệt kết quả đánh giá cho từng cá nhân, đơn vị trong trường để làm căn cứ tính lương, thưởng.

3. Điểm tồn tại

Kinh phí cho các hoạt động hỗ trợ NCKH còn ít, nên chưa thực sự thu hút được nhiều CBVC tham gia. Trong một số đơn vị, vẫn còn tư tưởng cào bằng trong đánh giá kết quả thực hiện công việc nên hiệu quả quản trị theo kết quả công việc chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Hoàn thiện hệ thống tiêu chí đánh giá nhân viên	Phòng TCCB, Khoa KT&QTKD	Năm 2020
2	Xây dựng các phong trào thi đua thiết thực từ đơn vị cơ sở	Khoa KT&QTKD	Năm 2020

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 7.5 đạt yêu cầu với mức điểm 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Đội ngũ nhân viên của Khoa KT&QTKD, Trường ĐHLN đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, có trình độ chuyên môn và năng lực công tác tốt. Đội ngũ này được tuyển dụng theo đúng quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Nhà nước và được công bố công khai. Trường ĐHLN, Khoa KT&QTKD đã thường xuyên quan tâm, tạo điều kiện, khuyến khích cán bộ, nhân viên tham gia bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Nhà trường nói chung và của Khoa KT & QTKD nói riêng hàng năm được đánh giá, khen thưởng và công nhận theo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Trường và của Khoa.

Tự đánh giá: Tiêu chuẩn 7 có 5/5 tiêu chí đạt yêu cầu, với 4 tiêu chí đạt 5/7 và 1 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Trường ĐHLN đã xác định mỗi HV là trung tâm của ĐTSĐH vì vậy Nhà trường đã xây dựng được qui trình và phân công trách nhiệm hỗ trợ HV trong quá trình học tập ngay từ giai đoạn tuyển sinh và trong suốt quá trình đào tạo. Chính sách tuyển sinh của Trường là rõ ràng, phù hợp với quy định pháp luật, công bố công khai và có điều chỉnh, cập nhật; đồng thời các tiêu chí tuyển sinh, xác định các đối tượng ưu tiên... được rà soát hàng năm trên cơ sở ý kiến phản hồi của HV và nhà tuyển dụng. Để kiểm tra và hỗ trợ HV, Nhà trường đã xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá tiến độ của HV cao học cả về khối lượng lẫn chất lượng học tập; các hoạt động tư vấn và các hoạt động hỗ trợ khác cho HV đã được triển khai. Ngoài ra, môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường đã tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân HV.

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có chính sách tuyển sinh dành cho CTĐT SDH rõ ràng, đầy đủ, chi tiết. Trước khi ban hành thông báo về việc tuyển sinh đại học các hệ, Nhà trường căn cứ quy định của Bộ về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh để đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh trong năm với Vụ Kế hoạch-Tài chính, Bộ GD&ĐT [H8.08.01.01]. Căn cứ vào các quy chế đào tạo ThS của Bộ GD&ĐT và Trường, hàng năm, Trường đều xây dựng các kế hoạch và Thông báo tuyển sinh chuyên ngành QLKT trình độ thạc sĩ [H08.08.01.02]. Thông báo tuyển sinh có đầy đủ các nội dung về đối tượng thi tuyển, đối tượng ưu tiên (theo quy định của Bộ GD&ĐT), môn thi tuyển [H08.08.01.02]. Như vậy, chính sách tuyển sinh của Nhà trường rất rõ ràng, thông tin đầy đủ và chi tiết tới từng ngành học.

Nhà trường đã công khai chính sách tuyển sinh theo nhiều kênh thông tin khác nhau; như thông báo bằng văn bản, đăng trên website của Nhà trường và của khoa chuyên môn; trên mạng xã hội youtube, facebook, zalo... để thông tin có thể đến được với các đối tượng tuyển sinh tiềm năng [H8.08.01.03].

Để nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh, đảm bảo tính cập nhật và tham khảo ý kiến của các bên liên quan, sau hai khóa đào tạo năm 2018 Khoa KT & QTKD có tổ chức hội thảo đánh giá chất lượng dạy và học nhằm đổi mới nâng cao phương pháp dạy và học cho các khóa tiếp theo [H8.08.01.04]. Nhà trường cũng có cơ chế khuyến khích cán bộ giảng viên tham gia tuyển sinh bằng chính sách hỗ trợ kinh phí tuyển sinh 1.000.000 VNĐ/1 hồ sơ nhập học [H8.08.01.05].

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, phù hợp với quy định của pháp luật.

Chính sách tuyển sinh được công bố công khai, điều chỉnh phù hợp từng năm và được cập nhật đầy đủ trên các phương tiện thông tin. Đặc biệt là về tiêu chí tuyển sinh, xác định các đối tượng ưu tiên...

Chính sách tuyển sinh được cập nhật đầy đủ về số lượng, phương thức tuyển sinh, đối tượng tuyển sinh.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa thực hiện phân tích, đánh giá và dự báo chi tiết về nhu cầu nhân lực hàng năm để xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
Phát huy điểm mạnh	Định kỳ thu thập, tổng hợp ý kiến của đơn vị sử dụng lao động	Phòng ĐTSĐH	Năm học 2021-2022
Khắc phục tồn tại	Tiến hành đánh giá, dự báo nhu cầu nhân lực hàng năm	Phòng ĐTSĐH	Năm học 2021-2022

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 8.1 đạt yêu cầu với mức điểm 5/7

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chí tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ được quy định tại Thông tư 15/2014/TT- BGDĐT [**H5.05.01.01**]. Trên cơ sở văn bản pháp lý này, Nhà trường xây dựng quy định đào tạo trình độ thạc sĩ, trong đó quy định chi tiết về kế hoạch tuyển sinh hàng năm.

Hàng năm, Nhà trường đều xây dựng và công bố thông báo tuyển sinh [**H8.08.02.01**]. Thông báo tuyển sinh có nêu rõ môn thi tuyển, điều kiện miễn thi ngoại ngữ. Để thuận tiện cho thí sinh trong việc chuẩn bị, Trường công bố đề cương ôn thi [**H8.08.02.02**] và tổ chức các lớp hệ thống kiến thức cho thí sinh, nhưng không bắt buộc.

Đối với các thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần **[H8.08.02.03]**, Trường yêu cầu phải học bổ sung kiến thức, để đảm bảo đủ điều kiện dự thi. Trước mỗi đợt tuyển sinh, Trường thành lập Hội đồng tuyển sinh và các Ban giúp việc, trong đó có Ban đề thi và Ban chấm thi **[H8.08.02.04]**. Ban đề thi căn cứ đề cương ôn tập để ra đề thi và đáp án. Ban chấm thi căn cứ đáp án của đề thi đã sử dụng để chấm điểm. Kết quả thi được công bố công khai trong thời hạn quy định sau khi tổ chức thi tuyển. Học viên có quyền được yêu cầu chấm phúc khảo theo các thông báo phúc khảo bài thi tuyển sinh được công bố rõ ràng trên website **[H8.08.02.05; H8.08.02.06]**.

Bảng 8.1: Thống kê tình hình nhập học của HV cao học giai đoạn 2015-2019

Năm học		Ứng viên		
Khóa		Số lượng đăng ký dự tuyển	Số lượng trúng tuyển	Số lượng nhập học
2015-2017	23			
2016-2018	24			
2017-2019	25			
2018-2020	26			
2019-2021	27			
Tổng cộng				

2. Điểm mạnh

Nhà trường có tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học rõ ràng, tiêu chí tuyển sinh được thực hiện theo đúng quy định pháp luật, có kế hoạch chi tiết tuyển sinh hàng năm.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Nhà trường được cập nhật hàng năm theo quy định của Bộ GD&ĐT. Trong thông báo tuyển sinh của Nhà trường có quy định chi tiết về môn thi, các môn học chuyển đổi, đề cương ôn thi và thời gian và kế hoạch tổ chức hệ thống kiến thức (nhưng không bắt buộc).

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn đầu vào hàng năm.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
Phát huy điểm mạnh	Định kỳ lấy ý kiến của đơn vị sử dụng lao động về tiêu chí tuyển chọn đầu vào	Phòng ĐTSDH	Trước khi lập kế hoạch tuyển sinh
Khắc phục tồn tại	Lấy ý kiến của HV đầu khóa về tiêu chí tuyển chọn đầu vào	Phòng ĐTSDH	Hàng năm, ngay sau khi khai giảng

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 8.2 đạt yêu cầu với mức điểm 5/7

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Trong quá trình tổ chức đào tạo chuyên ngành QLKT trình độ thạc sĩ, Trường đã thiết lập và vận hành hệ thống giám sát tiến độ học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học [H8.08.03.01].

Tiến độ thực hiện chương trình thông thường chia làm 4 học kỳ, trong đó 3 học kỳ đầu là các học phần trình độ thạc sĩ, học kỳ 4 là thời gian thực hiện luận văn của HV; mỗi học kỳ kéo dài 6 tháng, thời gian học tập bình thường là 2 năm [H8.08.03.02]. Khung thời gian này đảm bảo cho HV có học lực bình thường theo đuổi và hoàn tất chương trình học. Hoạt động đào tạo được thực hiện theo học chế tín chỉ, tạo ra cơ chế mềm dẻo, giúp người học chủ động lựa chọn phương án học tập phù hợp với điều kiện của từng cá nhân [H8.08.03.03].

Để tư vấn cho học viên lựa chọn môn học tự chọn và tổng hợp các ý kiến của học viên khi có thắc mắc trong quá trình học tập nhà trường có quyết định phân công trợ lý sau đại học thường xuyên theo dõi từng lớp học, nhằm hỗ trợ cho HV trong thời gian học [H8.08.03.04]. Những HV vì lý do chính đáng có thể xin tạm dừng học tập để Trường xem xét phê duyệt. Hết thời gian tạm dừng học, HV sẽ đăng ký tiếp tục học tập [H8.08.03.05].

Kết quả học tập của HV được tập hợp, xếp loại và tính điểm tích lũy theo từng học kỳ; hình thành cơ sở dữ liệu; HV được công bố bảng danh sách điểm thông qua trang cơ sở dữ liệu của phòng đào tạo sau đại học để biết kết quả học tập **[H8.08.03.06]**.

Bảng 8.2: Thống kê tình hình học tập của HV cao học theo khóa

Khóa đào tạo	Số HV nhập học	Số HV tạm dừng	Năm tốt nghiệp			Số HV gia hạn	Số HV tốt nghiệp	Số HV xử lý học vụ
			2017	2018	2019			
Khóa 23								
Khóa 24								
Khóa 25								
Khóa 26								
Khóa 27								
Khóa 28								
Khóa 29								
Tổng								

Ghi chú: Việc xử lý học vụ được thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT, với thời gian học tập tối đa (kể cả thời gian gia hạn) không vượt quá 2 năm so với thời gian đào tạo bình thường. Những học viên khi kết thúc thời hạn học tập tối đa, nhưng chưa hoàn thành CTĐT, sẽ bị xử lý học vụ và cho thôi học.

Tuy vậy, hệ thống giám sát của Nhà trường chủ yếu mới chỉ ghi nhận, thống kê tiến độ học tập của HV, chưa thực sự giám sát sự tiến bộ của người học.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có sự phân bổ hợp lý khối lượng học tập đảm bảo người có học lực trung bình hoàn thành CTĐT đúng thời hạn.

Nhà trường có bộ phận/cán bộ chuyên trách được phân công giám sát tiến độ học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo khi người học chậm tiến độ.

Nhà trường xây dựng quy trình giám sát tiến độ học tập, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

Nhà trường có cơ sở dữ liệu theo dõi tiến độ của người học trong học tập; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có cán bộ thực hiện giám sát sự tiến bộ và chưa có kế hoạch nâng cao sự tiến bộ của người học; chưa có hệ thống cảnh báo tự động với kết quả học tập của HV.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, đánh giá quy trình giám sát tiến độ học tập, rèn luyện của người học Định kỳ lấy ý kiến người học về tính hợp lý của tiến độ học tập	Phòng ĐTSĐH	Hàng năm, khi kết thúc mỗi khóa đào tạo Kết thúc mỗi học kỳ
Khắc phục tồn tại	- Xây dựng hệ thống cảnh báo cá nhân đối với kết quả học tập của HV	Phòng KT&ĐBCL	Năm 2022

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 8.3 đạt yêu cầu với mức điểm **5/7**

Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả hiện trạng

Để hỗ trợ HV cao học trong quá trình học tập, mỗi khóa đào tạo, Trường có quyết định phân trợ lý sau đại học tư vấn cho từng lớp học phần **[H8.08.04.01]**. Bên cạnh đó, phòng ĐTSĐH có bổ nhiệm ban cán sự lớp học phần **[H8.08.04.02]**. Nhiệm vụ của ban cán sự lớp là đầu mối giao tiếp giữa khoa quản lý, giảng viên, giáo viên chủ nhiệm với lớp học.

Một đặc thù của hoạt động đào tạo trình độ thạc sĩ là hầu hết người học đều đang đi làm tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; do đó vấn đề tìm kiếm việc làm không phải là ưu tiên đối với người học. Hàng năm, Trường có tổ chức thu thập ý kiến đánh

giá của HV cao học về chất lượng hỗ trợ, tư vấn người học [H8.08.04.03]. Nhìn chung HV hài lòng với chất lượng hỗ trợ, tư vấn của Trường [H8.08.04.04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện phân công cá nhân chịu trách nhiệm tư vấn học tập cho mỗi khóa đào tạo.

Người học, người tốt nghiệp hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động đánh giá thi đua của HV chỉ được thực hiện khi kết thúc khóa học.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
Phát huy điểm mạnh	Định kỳ đánh giá quá trình và kết quả công việc của trợ lý sau đại học Định kỳ khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả hoạt động hỗ trợ	Phòng ĐTSĐH	Hàng năm, khi kết thúc khóa học Hàng năm, khi kết thúc khóa học
Khắc phục tồn tại	Xây dựng quy trình thực hiện triển khai hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa	Phòng ĐTSĐH	Năm học 2021-2022

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 8.4 đạt yêu cầu với mức điểm **4/7**.

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả hiện trạng

Cơ sở 1 đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường ĐHLN trong giai đoạn hiện nay đặt tại cơ sở Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội. Cơ sở 2 đặt tại huyện Trảng Bom, Đồng Nai. Tại hai cơ sở này, Trường ĐHLN và Khoa KT&QTKD luôn tạo điều kiện tốt nhất cho người học có môi trường tâm lý thoải mái và cảnh quan phù hợp cho người học. Một số khuôn viên, giảng đường không còn mới đã được Nhà trường sửa sang, tôn tạo lại đáp

ứng nhu cầu học của sinh viên, đồng thời nhiều CSVC đã được xây dựng mới hoàn toàn. Các sơ đồ bố trí các khu vực luôn được xây dựng, cập nhật chính xác. Trong Nhà trường luôn có không gian thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi với nhiều cây xanh, vườn hoa, tượng đài, ghế đá, hồ sinh thái, khu tập luyện thể thao, sân vận động, bể bơi... **[H8.08.05.01], [H8.08.05.02], [H8.08.05.03]**. Nhà trường luôn khuyến khích học viên về trường học có lối sống lành mạnh, ứng xử có văn hóa, thể hiện tính văn minh, lịch sự, tôn trọng bản thân và người khác **[H8.08.05.04]**.

Bên cạnh đó, công tác phòng chống cháy nổ luôn được Nhà trường và Khoa đặt lên hàng đầu. Nhà trường hàng năm tiến hành các buổi tập huấn phòng cháy chữa cháy cho cả cán bộ và sinh viên. Đồng thời, các cuộc kiểm tra phòng cháy, chữa cháy luôn được thực hiện đều đặn và đảm bảo an toàn **[H8.08.05.05]**.

Môi trường và cảnh quan của Nhà trường được người học đánh giá khá tốt bởi đã tạo được hứng thú và cảm giác yên tâm cho người học, để học có cơ hội để phát huy hết khả năng học tập, nghiên cứu; Hằng năm, Trường có tiến hành khảo sát người học về môi trường đào tạo. Nhìn chung, người học hài lòng về chất lượng môi trường **[H8.08.05.06]**.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.
- Giảng đường, các phòng/khoa, thư viện, phòng y tế được bố trí khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH.
- Cảnh quan sư phạm của Nhà trường sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái cho tất cả các đối tượng.
- Nhà trường có thực hiện khảo sát người học về môi trường và cảnh quan.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có điều kiện thực hiện kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm các cơ sở dịch vụ tư nhân xung quanh Trường.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
Phát huy điểm mạnh	- Diễn tập phòng cháy chữa cháy Kiểm tra định kỳ vận hành thang máy	Phòng Quản trị thiết bị	Hàng năm Hàng quý

Khắc phục tồn tại	Đề xuất cơ quan chức năng kiểm tra điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm của các cơ sở dịch vụ quanh Trường	Phòng TC-HC	Hàng quý
-------------------	---	-------------	----------

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 8.5 đạt yêu cầu với mức điểm 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Tiêu chuẩn 8 là một trong những tiêu chuẩn được Nhà trường quan tâm, với những điểm mạnh nổi bật sau: (i) Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, phù hợp với quy định pháp luật, công bố công khai và có điều chỉnh, cập nhật; (ii) Tiêu chí tuyển sinh, đối tượng học chuyển đổi môn học được xác định phù hợp theo quy định; (iii) Nhà trường có hệ thống giám sát, đánh giá tiến độ học tập của HV cao học; (iv) Có các hoạt động tư vấn các hoạt động hỗ trợ khác cho HV; (v) Nhà trường có môi trường, cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

Bên cạnh đó, Nhà trường vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục như: (i) Chưa có sự phân tích, đánh giá và dự báo chi tiết về nhu cầu nhân lực hàng năm; (ii) Chưa lấy ý kiến phản hồi của người học về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn đầu vào; (iii) Chưa có đơn vị/bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn việc làm của người học trình độ thạc sĩ; (iv) Chưa có điều kiện kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm các cơ sở dịch vụ tư nhân xung quanh trường.

Để khắc phục những hạn chế và phát huy những điểm mạnh, Nhà trường đã đề xuất các kế hoạch hành động như: (i) Tiến hành đánh giá, dự báo nhu cầu nhân lực hàng năm; (ii) Lấy ý kiến của HV đầu khóa về tiêu chí tuyển chọn đầu vào; (iii) Xây dựng hệ thống cảnh báo cá nhân đối với kết quả học tập của HV; (iv) Xây dựng các hoạt động thi đua theo từng năm học; (v) Đề xuất cơ quan chức năng kiểm tra điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm của các cơ sở dịch vụ quanh trường.

Tự đánh giá: Tiêu chuẩn 8 có 5/5 tiêu chí đạt yêu cầu, với 4 tiêu chí đạt 5/7 và 1 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Trường ĐHLN là một trường đại học có hệ thống trang thiết bị cơ sở vật chất (CSVC) đã được đầu tư, nâng cấp đảm bảo đủ năng lực đáp ứng công tác đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ (CGCN) và lao động sản xuất (LĐSX) và đáp ứng được nhu cầu của các ngành học, bậc học.

Bên cạnh công tác đầu tư, cải tạo, Nhà trường đã từng bước tăng cường công tác quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả CSVC hiện có, xây dựng cảnh quan xanh – sạch – đẹp, môi trường văn hoá lành mạnh trong Nhà trường.

Trường ĐHLN luôn chủ động xây dựng dự án, tranh thủ sự đầu tư từ ngân sách nhà nước, liên kết với các doanh nghiệp và nguồn lực xã hội hóa để bổ sung, hiện đại hóa CSVC phục vụ đào tạo, NCKH.

Công tác quản lý, sử dụng trang thiết bị thí nghiệm của trường đã từng bước đi vào nề nếp, các quy định về đầu tư, vận hành, sử dụng ngày càng đầy đủ và khoa học góp phần nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng. Thư viện trường hiện đại đáp ứng được nhu cầu học tập, nghiên cứu của học viên, GV, CBVC. Việc khai thác CSVC của trường nhìn chung có hiệu quả song vẫn còn có trang thiết bị thiếu, có trang thiết bị chưa khai thác hết năng suất gây lãng phí nguồn lực.

Trong thời gian tới, Nhà trường cần tiếp tục hoàn thiện công tác quản lý và sử dụng CSVC, thiết bị thí nghiệm để tiếp tục sử dụng có hiệu quả, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu trong đào tạo, NCKH của các ngành học, bậc học trong trường.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

CSVC có vai trò quan trọng tạo điều kiện để tổ chức thực hiện tốt các hoạt động đào tạo và NCKH trong nhà trường. Trường ĐHLN nằm trong khuôn viên với diện tích 170,67 ha được chia làm các khu vực: khu vực hành chính, khu vực giảng đường, các phòng thí nghiệm, ký túc xá, thư viện và khu vực phục vụ giáo dục thể chất **[H9.09.01.01]**. Các khu vực giảng đường được bố trí gồm các khu vực: G1, G2, G3, G4, G5 với số lượng 64 phòng học. Các phòng học được trang bị đầy đủ thiết bị: Chiều sáng, âm thanh, máy chiếu, đảm bảo tốt cho việc học tập và giảng dạy **[H9.09.01.02]**. Để đảm bảo cho các hoạt động thực hành, thực tập, các khu vực thực hành, thực tập thường được

bố trí theo các Khoa. Các khu thí nghiệm, thực hành nằm xem kẽ trong các toà nhà: T1, T3, T5, T6, T7, T8, T9, T10 [**H9.09.01.01**].

Khu vực làm việc và phòng thực hành của ngành Quản lý kinh tế thuộc khoa KT&QTKD được đặt tại toà nhà T10 với tổng số 11 phòng làm việc và 03 phòng thực hành tin học và 02 phòng thực tập nghề nghiệp [**H9.09.01.03; H9.09.01.01**]. Các phòng làm việc của các BM trong Khoa hầu hết diện tích từ 34 m²/phòng, được trang bị đầy đủ máy tính, máy in, các thiết bị chiếu sáng và làm mát phục vụ nhu cầu làm việc của GV. Phòng thực hành ngành thuộc khoa KT&QTKD chủ yếu là các thiết bị văn phòng như điện thoại cố định văn phòng, máy in, máy photocopy, máy fax và máy tính. Các phòng thực hành tổng số gồm 5 phòng (3 phòng thực hành liên quan đến máy tính và 2 phòng thực hành nghề nghiệp) được trang bị đầy đủ thiết bị văn phòng phục vụ việc thực hành thực tập. Trong 3 phòng thực hành liên quan đến máy tính thì mỗi phòng thực hành gồm 25-30 máy tính, 01 máy chiếu và các thiết bị, dụng cụ phục vụ cho hoạt động dạy và học của. 1 phòng thực tập nghề nghiệp 1 cho toàn bộ sinh viên và học viên trong khoa gồm các máy phục vụ cho công tác văn phòng của sinh viên, học viên khi đi làm: máy in, máy photocopy, máy đếm tiền, máy soi tiền, máy huỷ tài liệu,...Các máy móc thiết bị được kiểm tra, rà soát, bổ sung và bảo dưỡng định kỳ và thường xuyên để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho học viên và sinh viên thực hành [**H9.09.01.03; H9.09.01.01**].

Để quản lý tốt các trang thiết bị, Nhà trường đã giao phòng QTTB quản lý sử dụng tài sản và vật tư trong toàn trường [**H9.09.03.04**]. Các trang thiết bị đều được quản lý khoa học từ việc xây dựng hệ thống sơ đồ bố trí, bảng kiểm kê chi tiết tài sản cố định, sổ theo dõi, nhật ký sử dụng các trang thiết bị [**H9.09.01.05**]. Định kỳ phòng QTTB tiến hành kiểm tra, kiểm kê trang thiết bị các khu vực giảng đường, phòng làm việc phòng thí nghiệm các Khoa viện để có đánh giá tình hình quản lý sử dụng tài sản của các đơn vị [**H9.09.01.05**]. Trên cơ sở kiểm tra, đánh giá định kỳ, cùng với đề xuất nhu cầu mua sắm trang thiết bị của các đơn vị, hàng năm Nhà trường đều xây dựng và thực hiện các kế hoạch mua sắm, sửa chữa trang thiết bị cho các Khoa, viện [**H9.09.01.06; H8.08.05.03; H9.09.01.07**].

Sau mỗi kỳ học Phòng KT&ĐBCL đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi của GV, người học về CSVC và trang thiết bị của Nhà trường bằng phiếu nhận xét. Về phía GV nội dung phiếu nhận xét ý kiến tập trung vào mức độ đánh giá về thư viện, phòng học giảng đường, phòng thực hành thí nghiệm, phòng làm việc và thiết bị CNTT. Đối với học viên, ý kiến đánh giá CSVC tập trung vào công tác phục vụ học tập. Kết quả lấy ý kiến của GV trên 90% GV hài lòng với mức chấp nhận trở lên với tình hình CSVC của toàn trường. Kết quả lấy ý kiến điều tra của học viên cho thấy, 70 - 80% HV đánh giá tốt về CSVC phục vụ học tập của Khoa và Nhà trường [**H9.09.01.08**].

2. Điểm mạnh

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của Nhà trường đảm bảo về số lượng, được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết phục vụ tốt nhu cầu học tập và nghiên cứu của GV và HV. Các trang thiết bị được quản lý khoa học, được kiểm tra, đánh giá để nâng cấp, sửa chữa đổi mới thường xuyên phục vụ tốt các nhu cầu chung và các nhu cầu chuyên biệt của HV ngành QTKD. Trong công tác quản lý, Phòng KT&ĐBCL cũng định kỳ lấy ý kiến của GV, HV về mức hài lòng về CSVC, trang thiết bị của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù được chú trọng đầu tư CSVC, trang thiết bị, tuy nhiên các thiết bị của ngành QLKT hiện nay đã sử dụng nhiều năm, đặc biệt là hệ thống máy tính phục vụ thực hành, nhà trường đã mới đầu tư thêm 10 máy tính mới nhưng vẫn còn một lượng lớn máy tính đã cũ chưa được thay thế..., đồng thời hệ thống mạng internet của Khoa cũng chưa thực sự tốt.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian
Chú trọng đầu tư cả trang thiết bị cứng và các phần mềm phục vụ đào tạo, NCKH của GV và HV ngành QLKT	- Xây dựng kế hoạch mua sắm trang thiết bị	-Khoa KT&QTKD - Phòng QTTB	Năm học 2021-2022

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 9.1 đạt yêu cầu với mức điểm 5/7.

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Thư viện là nơi cung cấp tài liệu, thông tin quan trọng phục vụ việc nghiên cứu, tra cứu, tham khảo của GV và SV. Trường ĐHLN có thư viện đặt tại toà nhà T2 với diện tích sử dụng 1050 m², bao gồm: Phòng Giáo trình, Phòng Tài liệu tham khảo tiếng Việt + Tạp chí, phòng Tài liệu tham khảo tiếng nước ngoài, kho lưu trữ, phòng máy chủ và các thiết bị mạng, thiết bị an ninh, phòng sinh hoạt chuyên môn, các phòng làm việc của Ban Giám đốc và các cán bộ nghiệp vụ, phòng thiết bị nghe nhìn đa phương tiện (Multimedia), phòng đọc, tự học cho cán bộ, GV, nghiên cứu sinh, học viên cao học và SV [H9.09.02.01].

Thư viện Trường ĐHLN hiện có số lượng đầu sách 91.238 cuốn, phủ rộng trên nhiều lĩnh vực, bao gồm cả tài liệu tiếng việt và tiếng nước ngoài phục vụ đa dạng nhu cầu tìm kiếm thông tin của GV, HV trong toàn trường. Số đầu sách phục vụ ngành QLKT lên đến trên 10.000 cuốn [H9.09.02.02]. Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu từ các Khoa/viện, thư viện đều có bổ sung các đầu sách theo nhu cầu [H9.09.02.05]. Nguồn học liệu mà thư viện trường cung cấp khá lớn có thể bản cứng và bản mềm, dạng sách, báo, tạp chí, ấn phẩm khoa học, công trình... thậm chí liên kết với các Trường khu vực phía Bắc [H9.09.02.03].

Hiện nay, Thư viện Trường ĐHLN đã đưa hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử thường xuyên, đầu tư mua và cập nhật phần mềm thư viện điện tử LIBBOL6.0; cơ sở dữ liệu điện tử DSPACE, cơ sở dữ liệu trực tuyến Proquest, cơ sở dữ liệu nông nghiệp, cơ sở dữ liệu STD - tài liệu KHCN Việt Nam.... giúp cho người đọc thường xuyên truy cập nguồn tài liệu phong phú và đa dạng [H9.09.02.04]. Ngoài ra, thư viện cũng lưu trữ nguồn luận văn.....để người đọc tiện tra cứu và tìm kiếm [H9.09.02.04]. Ngoài ra, thư viện thường xuyên hỗ trợ và tương tác với người đọc về việc hướng dẫn tra cứu tài liệu và giải đáp các thắc mắc [H9.09.02.05].

Thư viện mở cửa phục vụ từ thứ hai đến thứ bảy hàng tuần, có nội quy rõ ràng. Phòng đọc của thư viện được trang bị đầy đủ thiết bị để người đọc dễ dàng tra cứu tài liệu. [H9.09.02.05]. Căn cứ nhu cầu đề xuất bổ sung tài liệu của các đơn vị chuyên môn trong trường, Thư viện rà soát, lập tờ trình đề nghị và thực hiện mua sắm bổ sung tài liệu mới [H9.09.02.03].

Để nâng cao chất lượng phục vụ của thư viện, việc lấy ý kiến đánh giá, điều tra nhu cầu bạn đọc được thực hiện hàng kỳ. Thư viện tổ chức khảo sát đối tượng là SV về hoạt động của thư viện. Kết quả đánh giá trên các khía cạnh sau: mục đích và mức độ phục vụ của các loại hình cao; thời gian phục vụ phù hợp; sự tương đồng giữa bạn đọc và loại tài liệu theo chuyên môn rất cao...Dựa trên kết quả khảo sát Thư viện thường xuyên đổi mới và hoàn thiện công tác phục vụ [H9.09.02.05].

Ngoài ra, Phòng KT&ĐBCL cũng tiến hành khảo sát GV và HV về công tác phục vụ của thư viện. Đối với GV phân đa đánh giá từ mức chấp nhận được đến rất hài lòng (chiếm trên 90%) [H9.09.02.05].

2. Điểm mạnh

Thư viện Nhà trường được bố trí đầy đủ phòng chức năng, với nguồn học liệu phong phú bao gồm cả tài liệu in và tài liệu điện tử, đáp ứng tốt nhu cầu học tập và nghiên cứu của GV và HV. Tài liệu của thư viện được cập nhật thường xuyên trên cơ sở nhu cầu của các Khoa/viện. Các tài liệu số được chú trọng đầu tư, tạo thuận lợi cho việc tra cứu và tìm kiếm. Thư viện cũng thường xuyên điều tra ý kiến của người đọc để cải tiến, nâng cao chất lượng phục vụ.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù được cập nhật thường xuyên, tài liệu học tập chuyên ngành QLKT của thư viện khá cũ và chưa thực sự phong phú. Các hoạt động liên kết, mở rộng quan hệ hợp tác với cơ quan thông tin, thư viện, các nhà xuất bản còn nhiều hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian
- Tăng cường liên kết với các nguồn cung cấp thông tin khác (thư viện, nhà xuất bản...) - Tăng cường lấy ý kiến đánh giá thư viện từ phía người đọc	- Xây dựng kế hoạch liên kết các nguồn thông tin cho thư viện - Xây dựng kế hoạch lấy ý kiến thường xuyên từ HV và GV	- Thư viện - Khoa KT&QTKD	Năm học 2021 - 2022

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 9.2 đạt yêu cầu với mức điểm **4/7**.

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị thích hợp và được cập nhật nhằm hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH

1. Mô tả hiện trạng

Trong các trường Đại học, việc trang bị tốt các phòng thí nghiệm nhằm nâng cao khả năng nghiên cứu và kỹ năng thực hành của HV. Nhận thức được điều này, Trường ĐHLN đã rất quan tâm đầu tư xây dựng hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành cho các Khoa/viện. Phòng thực hành ngành QTKD đặt tại nhà T10, do Trung tâm Đào tạo, tư vấn và hỗ trợ doanh nghiệp thuộc Khoa KT&QTKD quản lý **[H9.09.03.01]**. Về cơ bản trung tâm được trang bị đầy đủ thiết bị máy móc và công cụ dụng cụ để vận hành hoạt động hướng dẫn thực hành thực tập cho HV của ngành QLKT và các ngành khác trong khoa **[H9.09.03.02]**. Phòng 205 chủ yếu phục vụ cho học viên cao học ngành QLKT **[H9.09.03.02]**.

Để quản lý sử dụng tốt các phòng thí nghiệm, năm 2018, Nhà trường đã ban hành quy định về sử dụng phòng thí nghiệm, xưởng thực hành của Nhà trường. Dựa trên quy định chung của Trường, Trung tâm cũng ban hành nội quy thực hành phòng máy tính và lập sổ theo dõi thiết bị cũng như nhật ký phòng thực hành để tiện theo dõi và quản lý tình hình và mức độ sử dụng phòng thực hành và tình trạng thiết bị nhằm kịp thời xử lý **[H9.09.03.03]**.

Định kỳ phòng QTTB kết hợp với Khoa KT&QTKD tiến hành rà soát, đánh giá hiện trạng thiết bị để lên kế hoạch sửa chữa, mua sắm thay thế...[H9.09.03.04].

Việc đánh giá chất lượng CSVC của phòng thực hành ngành QTKD cũng được đánh giá chung cùng với đánh giá tình hình CSVC của nhà trường [H9.09.03.05]. Theo kết quả thống kê của Phòng KT&ĐBCL về mức độ hài lòng của GV về CSVC, trang thiết bị, thư viện năm 2019, đánh giá phòng thí nghiệm thực hành nói chung cơ bản ở mức chấp nhận được đến rất hài lòng là trên 90%. Các ở các nội dung đánh giá như là về diện tích, chất lượng trang thiết bị, mức độ an toàn trang thiết bị, vệ sinh phục vụ bộ phận trực phòng TNTH. Số liệu đánh giá của GV Khoa KT&QTKD cũng tương đương với mức trung bình của toàn trường [H9.09.02.05].

2. Điểm mạnh

Trung tâm thực hành của Khoa được trang bị khá đầy đủ trang thiết bị gồm máy tính và các máy văn phòng. Nhu cầu về trang thiết bị được Nhà trường thường xuyên đánh giá, kiểm tra, bảo dưỡng đảm bảo hoạt động tốt. Các phòng thực hành đã xây dựng nội dung quản lý, sử dụng đầy đủ đảm bảo độ an toàn cho người sử dụng.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay Trung tâm đào tạo, tư vấn và hỗ trợ doanh nghiệp của Khoa KT&QTKD mới đáp ứng được các yêu cầu cơ bản về các thiết bị cứng, các phần mềm hầu như chưa được đầu tư mua. Ngoài ra, việc quản lý sử dụng đôi khi còn làm ảnh hưởng đến kế hoạch giảng dạy và học tập của GV, HV. Việc lấy ý kiến phản hồi từ người học chưa được thường xuyên và hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian
- Chú trọng đổi mới trang thiết bị hiện đại cho Trung tâm - Nâng cao hiệu quả việc lấy ý kiến phản hồi từ người học - Nâng cao hiệu quả quản lý trang thiết bị	- Xây dựng kế hoạch đổi mới trang thiết bị - Xây dựng kế hoạch lấy ý kiến người học thường xuyên; - Tăng cường hiệu quả việc sử dụng thông qua việc hoàn thiện quy chế quản lý phòng thực hành của Khoa	-Phòng QTTB - Khoa KT&QTKD	Năm học 2021 - 2022

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 9.3 đạt yêu cầu với mức điểm **4/7**.

Tiêu chí 9.4: Hệ thống CNTT phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Xây dựng và quản lý tốt hệ thống CNTT giúp nâng cao hiệu quả quản lý, cập nhật thông tin và phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu của GV, SV trong nhà trường. Hệ thống CNTT của Trường ĐHLN được giao cho Ban CNTT quản lý theo Quyết định Số 307/QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 31 tháng 3 năm 2014 và từ năm 2019 là Bộ phận CNTT thuộc Phòng HCTH **[H9.09.04.01]**. Bộ phận CNTT có nhiệm vụ: Xây dựng, đề xuất chiến lược và kế hoạch phát triển ứng dụng CNTT của Trường; Quản lý và vận hành cơ sở hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, truyền dẫn, công thông tin điện tử thuộc hệ thống CNTT trong toàn Trường; Triển khai nghiên cứu ứng dụng, đào tạo, tập huấn, phát triển phần mềm và các hoạt động dịch vụ về CNTT.

Nhà trường đã xây dựng hệ thống mạng nội bộ mạnh, mạng wifi phủ sóng toàn bộ khuôn viên Trường, đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng internet của cán bộ, GV và HV toàn trường **[H9.09.04.02]**. Tại phòng làm việc của các BM chuyên môn, các phòng ban chức năng, phòng họp trực tuyến đều có máy tính kết nối mạng để phục vụ công tác quản lý thuận tiện **[H9.09.04.02]**. Để phục vụ cho dạy và học trực tuyến, Nhà trường đã đầu tư phần mềm Trans để phục vụ cho hoạt động dạy và học, đảm bảo không bị gián đoạn do ảnh hưởng bởi dịch bệnh và các nguyên nhân khách quan khác.

Nhờ có hệ thống CNTT tốt đã hỗ trợ cho triển khai hệ thống bài giảng trực tuyến, việc nguồn dữ liệu trực tuyến tại thư viện, cũng như việc thông tin đến các bộ phận trong trường qua hòm thư điện tử **[H9.09.04.03]**. Nhờ đó mà làm giảm chi phí và nâng cao hiệu quả của các hoạt động quản lý hành chính của Nhà trường.

Nhà trường cũng đã ban hành quy chế quản lý thông tin nội bộ trong Trường trong đó có yêu cầu nâng cao hiệu quả công tác phổ biến văn bản thông qua mạng internet. Các thông báo, văn bản ban hành của Nhà trường đều được cập nhật thường xuyên trên website của Nhà trường để CB, GV, HV dễ dàng tiếp cận, tìm kiếm **[H9.09.04.04]**. **[H9.09.04.06]**.

Từ năm 2016, Nhà trường đã đăng ký tên miền www.vnuf.edu.vn để đăng ký hệ thống thư điện tử cho toàn bộ CBCNV **[H9.09.04.03]**. Việc triển khai sâu rộng ứng dụng CNTT cũng được Khoa KT&QTKD thực hiện thông qua việc gửi văn bản qua email, sử dụng website của Khoa để thông báo, thông tin đến HV, điều tra ý kiến HV... **[H9.09.04.03]**; **[H9.09.04.06]**.

Để đảm bảo thông tin thông suốt, Nhà trường luôn chú trọng đầu tư hệ thống CNTT bao gồm cả các thiết bị cứng, các phần mềm quản lý, kinh phí sửa chữa, nâng

cấp thiết bị mạng **[H9.09.04.07]**. Công tác tin học hóa được thực hiện đồng bộ trong toàn trường từ việc thông báo cho GV, HV đến các cuộc họp trực tuyến giữa ban lãnh đạo cơ sở chính và cơ sở 2, 3; Cập nhật thông tin hoạt động, các văn bản điều hành của Nhà trường; các thông báo nội bộ, cũng như việc số hoá các dữ liệu quản lý của các phòng ban như Phòng ĐT sau đại học, phòng HCTH, cũng như hầu hết các phòng ban chức năng khác của Nhà trường **[H9.09.04.08]**.

Để làm căn cứ nâng cao chất lượng phục vụ của Ban CNTT, hàng kỳ Nhà trường đều lấy phiếu đánh giá của GV, HV về CSVC, trong đó có hệ thống thông tin. Kết quả đánh giá của GV, HV cho thấy, trên 80% người được hỏi hài lòng với chất lượng của hệ thống thông tin của Nhà trường **[H9.09.04.09]**.

2. Điểm mạnh

Hệ thống CNTT được quản lý thống nhất một đầu mối, đảm bảo tính chuyên môn hoá cao. Hệ thống CNTT của Nhà trường, bao gồm cả phần cứng và phần mềm đều được thường xuyên cập nhật, đổi mới, đáp ứng tốt nhu cầu của GV, SV. Chất lượng phục vụ của bộ phận CNTT cũng được đánh giá định kỳ làm căn cứ đổi mới, nâng cao chất lượng phục vụ.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống CNTT của Nhà trường mặc dù được quản lý, cập nhật thường xuyên, tuy nhiên tính hiệu quả công tác quản lý chưa được đánh giá và cải tiến dựa vào các ý kiến từ các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian
- Nâng cao hiệu quả việc lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về hệ thống CNTT Nhà trường	- Xây dựng kế hoạch lấy ý kiến cán bộ, GV, người học về chất lượng hệ thống CNTT; - Viết báo cáo, đánh giá sau khảo sát để có đề xuất cải tiến chất lượng	- Bộ phận CNTT	Năm học 2021 - 2022

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 9.4 đạt yêu cầu với mức điểm 5/7

Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn và được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả hiện trạng

Đảm bảo môi trường an toàn, an ninh và vệ sinh để bảo vệ sức khỏe của cán bộ, GV, SV trong nhà trường cũng là những yếu tố góp phần đảm bảo quá trình đào tạo và chất lượng đầu ra của Nhà trường và các ngành đào tạo. Nhà Trường có tiêu chuẩn thiết kế đảm bảo chất lượng môi trường, cảnh quan phục vụ cho nhu cầu học và đào tạo **[H9.09.05.01]**.

Công tác an toàn, an ninh trong khu vực Nhà trường được quy định rõ ràng trong quy chế về phòng chống cháy nổ và an toàn, nội quy phòng cháy chữa cháy **[H9.09.05.01]**. Để đảm bảo an toàn và phòng chống cháy nổ, Nhà trường đã trang bị toàn bộ các bình cứu hoả ở tất cả các khu vực giảng đường và khu làm việc trong Trường. Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức tập huấn về phòng chống cháy nổ, xây dựng hồ sơ quản lý công tác phòng cháy chữa cháy để đảm bảo ứng phó kịp thời với các tình huống có thể xảy ra **[H9.09.05.02; H8.08.05.05]**. Trường có đầy đủ các cam kết thực hiện nội quy phòng cháy chữa cháy, biên bản kiểm tra phòng cháy chữa cháy tại cơ sở, và phương án chữa cháy cơ sở **[H9.09.05.02; H8.08.05.05]**.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho CBCNV là trách nhiệm của Trạm y tế trường. Trạm y tế trường với nhiệm vụ theo dõi và khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho CBCNV; Thực hiện tốt công tác Quản lý hồ sơ sức khỏe, sổ y bạ của CBCNV **[H9.09.05.03]**. Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức khám chữa bệnh cho CBCNV **[H9.09.05.05]**. Để phòng chống với các dịch bệnh, ban chỉ đạo chăm sóc sức khỏe và an toàn thực phẩm phòng tránh dịch bệnh của Nhà trường được thành lập với nhiệm kỳ 2 năm để chỉ đạo và xây dựng các phương án phòng tránh an toàn trong toàn trường **[H9.09.05.04]**. Công tác vệ sinh y tế trường học luôn được Trạm y tế của Trường thực hiện tốt **[H9.09.05.05]**.

Công tác vệ sinh môi trường luôn được Nhà trường quan tâm chỉ đạo, đặc biệt là vấn đề vệ sinh, an toàn trong ký túc xá. Định kỳ mỗi tháng, Nhà trường đều tiến hành kiểm tra vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm nhà ăn, các kiot bán hàng trong khu vực ký túc xá. Qua các đợt kiểm tra vệ sinh liên ngành ở cấp huyện đã cho thấy, môi trường và vệ sinh trong Nhà trường luôn được đảm bảo **[H9.09.05.05]**. Hàng năm, Nhà trường đều tiến hành phun thuốc muỗi cho toàn bộ khu vực làm việc và ký túc xá. Báo cáo công tác vệ sinh y tế trường học các năm qua cho thấy, Trường ĐHLN luôn đảm bảo yêu cầu về vệ sinh y tế trường học theo quy định của bộ Y tế **[H9.09.05.06]**

Về công tác an ninh trong trường học, và khu rừng thực nghiệm. Tổ bảo vệ của Nhà trường với 29 thành viên luôn đảm bảo an ninh trong khu vực Trường 24/24h. Ngoài ra, Nhà trường cũng phối hợp chặt chẽ với công an thị trấn Xuân Mai để tổ chức các phương án đảm bảo an ninh khu vực xung quanh Trường **[H9.09.05.01]**. Tổ bảo vệ cũng được Nhà trường chú trọng trang bị các thiết bị đảm bảo an ninh cần thiết.

Công tác vệ sinh môi trường, cảnh quan được giao cho tổ vệ sinh cây cảnh trực thuộc Phòng HCTH quản lý, có nhiệm vụ đảm bảo làm vệ sinh toàn bộ khuôn viên Trường, cắt tỉa cây cảnh tạo cảnh quan đẹp trong nhà trường [H9.09.05.01]. Để khuyến khích cán bộ, giảng viên tích cực tham gia các hoạt động thể dục, thể thao nâng cao sức khỏe cá nhân, Nhà trường xây dựng hệ thống sân bãi nhà thi đấu đa năng, bể bơi ngoài trời....rộng rãi, tiện nghi [H9.09.05.01].

Như vậy, có thể thấy, với một khuôn viên rộng, xanh sạch đẹp, luôn được đảm bảo an ninh, an toàn đã mang đến cho CBCNV, GV, HV môi trường học tập thoải mái và tiện nghi. Để đảm bảo công tác vệ sinh y tế trường học luôn được chú trọng quan tâm [H9.09.05.06]. Nhà trường phân công một Phó hiệu trưởng phụ trách các vấn đề này để đảm bảo sự phối hợp tốt giữa các bộ phận quản lý, nâng cao chất lượng môi trường sinh hoạt và học tập của nhà trường.

Để có cơ sở cải tiến, nâng cao chất lượng môi trường trong Nhà trường, hàng kỳ các ý kiến phản hồi của người học về các yếu tố này đều được tiến hành [H9.09.05.07].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHLN có môi trường cảnh quan sạch, đẹp và an toàn. Công tác đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ, kiểm soát và ứng phó với dịch bệnh, công tác khám chữa bệnh được tổ chức thường xuyên và hiệu quả. Trạm y tế của Nhà trường là đầu mối trong đảm bảo sức khỏe và an toàn vệ sinh trong toàn trường được tổ chức và triển khai hoạt động hiệu quả, từ đó đảm bảo sức khỏe cho toàn bộ CBCNV trong toàn trường.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù công tác vệ sinh, an toàn trong Nhà trường đã được triển khai tốt, song các biện pháp thực hiện, các thiết bị phục vụ còn chưa tính đến nhu cầu của người khuyết tật.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian
- Nâng cao hiệu quả công tác đảm bảo vệ sinh, an toàn trong Nhà trường, có tính đến nhu cầu của người khuyết tật	- Từng bước đầu tư CSVC và thực hiện các phương án đảm bảo vệ sinh, an toàn trong Nhà trường có tính đến nhu cầu của người khuyết tật.	-Phòng Hành chính tổng hợp - Phòng QTTB	Năm học 2021-2022

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 9.5 đạt yêu cầu với mức điểm 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Trường ĐHLN có khuôn viên rộng hơn 50ha với các khu chức năng: Giảng đường, ký túc xá, khu thí nghiệm thực hành, khu vui chơi, khu hành chính rộng rãi được trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ học tập, NCKH của GV, HV trong toàn trường.

Khu làm việc của ngành QLKT với 13 phòng làm việc với khá đầy đủ các thiết bị văn phòng, 1 phòng máy tính với 90 máy tính phục vụ thực hành thực tập của Ngành. Thư viện của Nhà trường với trên 90.000 đầu sách và các dữ liệu điện tử, được cập nhật thường xuyên đang đáp ứng tốt nhu cầu đọc và tìm kiếm tài liệu của GV, HV toàn trường. Các trang thiết bị của Nhà trường đều có quy chế quản lý rõ ràng, được định kỳ đánh giá để sửa chữa, thay mới đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng, an toàn. Mặc dù vậy, với ngành QLKT, hiện Nhà trường mới đang chú trọng đầu tư các thiết bị cứng, các phần mềm quản lý ít được quan tâm đầu tư. Đồng thời CSVC chưa tính đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

Tự đánh giá: Tiêu chuẩn 9 có 5/5 tiêu chí đạt yêu cầu, với 3 tiêu chí đạt mức điểm 4/7 và 2 tiêu chí đạt mức điểm 5/7.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu:

Việc nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT và phù hợp với yêu cầu thực tiễn của doanh nghiệp luôn là vấn đề được Nhà trường và Khoa quan tâm. Để thực hiện được mục tiêu đề ra, Nhà trường đã xây dựng hệ thống thông tin thu thập các ý kiến phản hồi và nhu cầu của các BLQ. Hệ thống hoạt động theo đúng quy trình, thông suốt và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong toàn trường. Quá trình giảng dạy, NCKH trong toàn trường nói chung và chương trình ThS QLKT nói riêng luôn được theo dõi, rà soát và định kỳ đánh giá. Công tác cải tiến chất lượng bên trong được thực hiện định kỳ và liên tục.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH

1. Mô tả hiện trạng

Quá trình thiết kế, xây dựng và phát triển CTDH được thực hiện theo Quy trình đã được ban hành; được rà soát, cập nhật định kỳ cho phù hợp với tình hình thực tế triển khai, góp phần cải tiến quá trình thực hiện việc thiết kế và phát triển CTDH [H1.01.01.07], [H1.01.01.08], [H1.01.01.09].

Nhà trường đã xây dựng hệ thống chặt chẽ nhằm thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan (gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, NCV, người học, người sử dụng lao động). Công tác khảo sát ý kiến các bên liên quan được thực hiện theo quy trình chặt chẽ, đảm bảo thu thập được nguồn thông tin, dữ liệu có giá trị, làm căn cứ thiết kế và phát triển CTDH phù hợp với yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.03.03], [H1.01.03.04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có quy trình, hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan về CTDH. Kết quả khảo sát và ý kiến các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế, xây dựng, điều chỉnh và phát triển CTDH.

3. Điểm tồn tại

Hình thức thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan hiện tại chưa đa dạng, chủ yếu là thu thập qua Bảng hỏi và trao đổi trực tiếp.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2022 – 2023, Nhà trường tiến hành thu thập và hệ thống hóa các thông tin thu thập được từ các bên liên quan để dễ dàng trong việc trích lọc, sử dụng nguồn thông tin và sử dụng các ý kiến phản hồi cho hoạt động cải tiến của CTDH; thực hiện đa dạng hóa các hình thức khảo sát, đặc biệt là tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm để thảo luận và trao đổi trực tiếp các vấn đề liên quan đến Chương trình.

5. Tự đánh giá

Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm là 5/7 điểm.

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Việc thiết kế và phát triển CTDH của Nhà trường được thực hiện theo quy trình đã được ban hành. Quy trình được xây dựng dựa trên ý kiến đóng góp của GV, NTD, đại diện các tổ chức – xã hội ngành nghề. Quy trình thiết kế, xây dựng và phát triển CTDH do P. ĐTSĐH chủ trì, phối hợp với Khoa trong quá trình thực hiện. Việc thiết lập, thực hiện các bước phát triển của CTDH được định kỳ rà soát, đánh giá nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong quá trình điều hành, kiểm soát các hoạt động triển khai của khoa, các đơn vị hỗ trợ có liên quan [H1.01.01.07], [H1.01.01.08], [H1.01.01.09].

2. Điểm mạnh

Quy trình thiết kế và phát triển CTDH đã được lấy ý kiến của các BLQ trước khi ban hành, triển khai áp dụng dựa trên tình hình thực tế tại Khoa, hỗ trợ cho quá trình thực hiện một cách có hệ thống và hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động thiết kế và phát triển CTDH chưa đẩy mạnh thực hiện đối sánh các chương trình ngoài nước trước xu thế chuyển dịch lao động trong Cộng đồng kinh tế khu vực ASEAN.

4. Kế hoạch hành động

Hoạt động thiết kế và phát triển CTDH tiếp tục được thiết lập, đánh giá và cải tiến. Ngoài ra, Khoa tiến hành thu thập thông tin đối sánh các CTĐT quốc tế để lập kế hoạch rà soát – chỉnh sửa CTDH phù hợp với bối cảnh chuyển dịch lao động trong cộng đồng kinh tế khu vực ASEAN.

5. Tự đánh giá

Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm là 5/7 điểm.

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR

1. Mô tả hiện trạng

Quá trình dạy và học được Phòng ĐTSĐH và Khoa theo dõi, rà soát và đánh giá thường xuyên theo Quy chế đã ban hành [H5.05.01.04]. Bên cạnh đó, để bảo đảm quá trình dạy-học được thực hiện đầy đủ và nghiêm túc, mỗi buổi học đều có cán bộ của Phòng KT&BĐCL kiểm tra thời gian và thời lượng buổi học theo quy định. Kết quả theo dõi được báo cáo đến BGH và Trưởng Khoa định kỳ hàng tháng để các đơn vị, cá nhân liên quan biết và có những giải thích/giải trình tương ứng với các trường hợp chưa đúng yêu cầu.

Đối với việc đánh giá kết quả học tập của người học, Phòng KT&BDCL phối hợp với Phòng ĐTSĐH trong việc nộp đề thi, nhân bản đề thi, tổ chức thi. Kết quả kiểm tra - đánh giá được phân tích, đánh giá để đảm bảo tương thích với CĐR đã tuyên bố trong ĐCCT của học phần **[H10.10.03.01]**.

Nhà trường thực hiện việc thu thập thông tin phản hồi của người học sau mỗi môn học nhằm giúp cho Nhà trường, Khoa và từng GV tham gia giảng dạy cải tiến phương pháp giảng dạy, kiểm tra – đánh giá, điều chỉnh chương trình giảng dạy cho phù hợp với mục tiêu và CĐR đã đề ra **[H5.05.01.05]**, **[H10.10.03.02]**.

2. Điểm mạnh

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập được thiết lập, tổ chức thực hiện theo Quy trình đã được ban hành. Kết quả kiểm tra - đánh giá được phân tích, đánh giá để đảm bảo tương thích với CĐR đã tuyên bố trong ĐCCT của môn học.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động phân tích – đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo sự tương thích với CĐR đã tuyên bố trong ĐCCT của môn học chưa được triển khai đồng bộ ở tất cả các môn học.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2022 – 2023, Khoa lập kế hoạch và triển khai phân tích – đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo sự tương thích của phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra – đánh giá với chuẩn đầu ra của môn đã tuyên bố, làm cơ sở cho việc rà soát, chỉnh sửa, nâng cao chất lượng quá trình giảng dạy và học tập.

5. Tự đánh giá

Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm là 5/7 điểm.

Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường khuyến khích và tạo môi trường NCKH cho GV và người học qua việc trang bị các phòng thực hành hiện đại, hỗ trợ kinh phí, khen thưởng cho các bài báo cũng như mức lương thỏa đáng để GV an tâm tập trung vào công tác giảng dạy và NCKH **[H6.06.02.06]**. **Đội ngũ GV của Nhà trường đã có nhiều bài báo khoa học đăng trên hệ thống ISI (Institute for Scientific Information)**. Các đề tài NCKH của Nhà trường trong các năm qua tăng về số lượng và quy mô, đã thu hút được nhiều CB trẻ tích cực tham gia và đạt kết quả tốt **[H6.06.02.07]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chính sách ưu tiên cho GV tham gia NCKH và quan tâm đầu tư CSVC cho NCKH. Từ đó thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao về giảng dạy và NCKH. Giảng viên có nhiều bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín. Các kết quả NCKH được chuyển tải thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong CTDH.

3. Điểm tồn tại

Việc sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy và học tập còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Khoa tiến hành nghiên cứu, đề xuất các chính sách khuyến khích GV, HV tham gia các đề tài theo hướng ứng dụng cho công việc đang thực hiện. Trên cơ sở đó, sử dụng kết quả nghiên cứu để cải tiến hoạt động giảng dạy và học tập.

5. Tự đánh giá

Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm là 5/7 điểm.

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác được đánh giá và cải tiến)

1. Mô tả hiện trạng

Chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được Nhà trường đánh giá, khảo sát định kỳ 1 năm/1 lần theo đúng Quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ [H9.09.02.06]. Sau khi thực hiện khảo sát và xử lý thông tin thu được, Báo cáo tổng kết kết quả khảo sát được phổ biến trong phạm vi nội bộ và được gửi trực tiếp đến từng đơn vị hỗ trợ có liên quan. Các đơn vị sẽ tiến hành tổ chức họp, xem xét và đánh giá để có Tờ trình đề xuất Nhà trường hỗ trợ, cải thiện điều kiện hỗ trợ học tập cho người học [H10.10.05.01].

2. Điểm mạnh

Hệ thống Thư viện, công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được HV đánh giá tốt, hỗ trợ việc học tập và nghiên cứu hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Việc thực hiện cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ chưa được triển khai đồng bộ ở tất cả các đơn vị.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2022 - 2023, Nhà trường sẽ tiến hành rà soát, điều chỉnh mẫu Phiếu khảo sát chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, xây dựng các tiêu chí đánh giá phù hợp với mục đích nâng cao chất lượng và hiệu quả của từng dịch vụ.

5. Tự đánh giá

Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm là 5/7 điểm

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã xây dựng hệ thống chặt chẽ nhằm thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ. Việc khảo sát các đối tượng liên quan (bao gồm người học đang học, người học sắp tốt nghiệp, cựu người học, NTD, CB, GV) được cụ thể hóa thành các quy trình, triển khai thực hiện một cách có hệ thống và định kỳ.

Việc thu thập, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi từ các BLQ được thực hiện một cách có hệ thống và định kỳ từ khâu lập kế hoạch, triển khai thu thập thông tin định kỳ theo năm học đến việc xử lý thông tin – dữ liệu, gửi báo cáo kết quả khảo sát đến các đơn vị liên quan để xem xét và đưa ra các giải pháp cho hoạt động cải tiến chất lượng [H1.01.03.02], [H10.10.06.01], [H1.01.02.10], [H10.10.06.02].

2. Điểm mạnh

Công tác thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan được thiết lập theo quy trình chặt chẽ, thực hiện định kỳ và có hệ thống hỗ trợ tốt cho việc cải tiến, nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Hình thức thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan hiện tại chưa đa dạng, chủ yếu là thu thập qua Bảng hỏi và trao đổi trực tiếp.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2022 – 2023, Khoa tiến hành thu thập và hệ thống hóa các thông tin thu thập được từ các BLQ để dễ dàng trong việc trích lọc, sử dụng nguồn thông tin và sử dụng các ý kiến phản hồi cho hoạt động cải tiến chất lượng bên trong.

5. Tự đánh giá

Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm là 5/7 điểm.

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Nhà trường có quy trình, hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan về quá trình dạy học, về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của Nhà trường. Kết quả khảo sát và ý kiến các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ cho việc cải tiến chất lượng bên trong. Quá trình dạy giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra đã công bố. Đối với công tác NCKH, Nhà trường có chính sách ưu tiên cho GV tham gia NCKH và quan tâm đầu tư CSVC cho NCKH. Từ đó thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao về giảng dạy và NCKH. GV có nhiều bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín. Các kết quả NCKH được chuyển tải thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong CTDH. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích thường xuyên được rà soát và cải tiến chất lượng, được GV, HV đánh giá cao.

Tự đánh giá: Tiêu chuẩn 10 có 6/6 tiêu chí đạt yêu cầu, với 6 tiêu chí đạt mức điểm 5/7.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu:

Đánh giá chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong, phục vụ cho công tác cải tiến chất lượng liên tục của Nhà trường. Người học được tuyển chọn kỹ càng ngay từ lúc tuyển sinh, được hỗ trợ, theo dõi, giám sát, đánh giá trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu tại Trường. Quá trình hỗ trợ, đánh giá người học được thực hiện thông qua việc theo dõi tiến trình học tập và NCKH; giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp; theo dõi tình hình việc làm và khả năng thích ứng với công việc sau tốt nghiệp nhằm đảm bảo sau khi tốt nghiệp, người học được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng, thái độ, đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động hiện nay.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, tỉ lệ HV tốt nghiệp và thôi học được xác lập, giám sát chặt chẽ để làm căn cứ cho các hoạt động cải tiến chất lượng CTĐT Khoa phối hợp cùng với Phòng ĐTSĐH, là đơn vị chuyên trách trong các hoạt động kiểm soát dữ liệu đào tạo, để xác lập, theo dõi dữ liệu về công tác đào tạo sau ĐH của Nhà trường bao gồm: số lượng HV đầu vào, tỉ lệ thôi học và số lượng HV tốt nghiệp hàng năm. Tất cả dữ liệu này được **Phòng ĐTSĐH quản lý bằng hệ thống phần mềm CMC**, có độ tin cậy và tính chính xác cao. Lãnh đạo Khoa, bộ phận hỗ trợ của Khoa được cấp quyền truy cập hệ thống quản lý dữ liệu đào tạo này **[H6.06.02.02]**.

Căn cứ kết quả phân tích dữ liệu đào tạo ngành cùng với tình hình thực tế hằng năm, BCN Khoa đã triển khai thực hiện các giải pháp nhằm giảm tỉ lệ thôi học và tăng tỉ lệ HV tốt nghiệp đúng hạn hằng năm như: tìm hiểu nguyên nhân thôi học của HV qua đó kịp thời động viên, hỗ trợ HV tiếp tục quá trình học tập; tư vấn HV phương pháp cải thiện KQHT phù hợp với từng trường hợp cụ thể; tổ chức đối thoại giữa BCN Khoa với HV cao học.

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ HV tốt nghiệp được xác lập, được giám sát chặt chẽ tại Khoa và Phòng ĐTSĐH. Dữ liệu về quá trình và kết quả học tập của HV được cập nhật thường xuyên **trên hệ thống quản lý đào tạo CMC** của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Việc đối sánh tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp để cải tiến chất lượng được thực hiện qua các năm nhưng chỉ mới thực hiện đối sánh giữa Phòng ĐTSĐH và Khoa, chưa thực hiện đối sánh với các CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế của các trường khác.

4. Kế hoạch hành động

Xây dựng bộ phận chuyên trách đảm nhiệm việc phân tích dữ liệu đào tạo, đối sánh tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp để đề ra giải pháp hỗ trợ người học phù hợp nhất.

5. Tự đánh giá

Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm là 4/7 điểm.

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, Nhà trường thực hiện việc xác lập và giám sát chặt chẽ dữ liệu về thời gian tốt nghiệp trung bình của các khóa HV theo **từng ngành đào tạo thông qua hệ thống phần mềm CMC [H6.06.02.02]**.

Căn cứ vào Quy chế Tổ chức và Đào tạo trình độ Thạc sĩ, thời gian đào tạo trung bình của chương trình là 2 năm, thời gian đào tạo tối đa cho phép là 4 năm Phòng ĐTSĐH là đơn vị theo dõi và giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của HV.

Sau mỗi đợt tốt nghiệp của HV, Khoa và Phòng ĐTSĐH đều tổ chức họp, tổng kết, đánh giá hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ đảm bảo người học tốt nghiệp đúng thời gian quy định **[H11.11.02.01]**. Những thay đổi trong việc hỗ trợ học viên, động viên học viên chủ động hơn việc hoàn thành chứng chỉ đầu ra tiếng Anh và những chính sách khích lệ học viên tham gia công bố bài báo khoa học đã giúp học viên rất nhiều trong việc hoàn thành khóa học đúng hạn.

Bên cạnh đó, Phòng ĐTSĐH cũng thường xuyên rà soát nhóm đối tượng học viên học trễ theo tiến độ chung của lớp do phải đi công tác hoặc có việc cá nhân...từ đó gọi điện nhắc và email nhắc nhở học viên đăng ký các môn học còn thiếu học chung các lớp khác để đảm bảo tốt nghiệp đúng thời hạn.

2. Điểm mạnh

Thời gian tốt nghiệp trung bình của HV được xác lập, giám sát và theo dõi trên hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường; được đánh giá mỗi năm để tìm ra các biện pháp hỗ trợ người học tốt hơn.

3. Điểm tồn tại

Thời gian tốt nghiệp trung bình của các khóa còn cao, thường trên 2 năm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm **học 2022 – 2023**, Phòng ĐTSĐH phối hợp với Khoa sẽ tiến hành phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thời gian tốt nghiệp trung bình của HV qua các khóa học để đưa ra giải pháp tăng tỷ lệ HV tốt nghiệp đúng hạn.

5. Tự đánh giá

Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm là 4/7 điểm.

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Người học tham gia CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế đa phần là những cán bộ, công chức, viên chức đã có công việc ổn định, muốn học tập để vừa nâng cao trình độ, vừa bổ sung được những kiến thức, kỹ năng cần thiết phục vụ cho hoạt động chuyên môn mà bản thân đang đảm nhiệm. Do đó, mục đích của người học khi đến với chương trình không phải là có được việc làm sau khi tốt nghiệp và là kiến thức và kỹ năng sau khi tốt nghiệp có thể vận dụng, phục vụ tốt cho công việc hiện tại.

Kết quả khảo sát các HV cho thấy, HV sau khi tham gia học tập đã được đánh giá cao về kiến thức, về kỹ năng làm việc, kỹ năng điều hành [H11.11.03.01].

2. Điểm mạnh

CTĐT được thiết kế phù hợp, PPGD và các hoạt động hỗ trợ được triển khai hiệu quả đã cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng cần thiết, đáp ứng yêu cầu của công việc hiện tại.

3. Điểm tồn tại

Không có.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục cải tiến nội dung CTĐT sao cho phù hợp với đối tượng tham gia khóa học căn cứ trên nhu cầu thực tế của các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực Quản lý kinh tế.

5. Tự đánh giá

Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm là 5/7 điểm.

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có các định hướng nghiên cứu được xây dựng phù hợp với định hướng phát triển của Nhà trường; có đầy đủ kế hoạch chiến lược dài hạn, hàng năm theo đúng sứ mạng, nguồn lực và định hướng phát triển của Nhà trường đáp ứng nhu cầu của địa phương và đất nước [H1.01.01.05], [H11.11.04.01]. Nhà trường đã thành lập PQLKH để hỗ trợ các đơn vị, GV, người học các công tác liên quan đến hoạt động NCKH. Hoạt động NCKH của HV được triển khai với nhiều hình thức phong phú và có hiệu quả nhờ nguồn ngân sách hỗ trợ từ Trường, định hướng của BCN Khoa và quá trình hướng dẫn thực hiện nghiêm túc của GV. Trong quá trình triển khai thực hiện đề tài

NCKH, HV thực hiện được sự hướng dẫn của GVHD do Khoa phân công. Ngoài ra, HV còn tham gia viết bài báo khoa học và được công bố tại các hội thảo [H11.11.04.02].

2. Điểm mạnh

Hoạt động NCKH của HV được khuyến khích và hỗ trợ tối đa; nội dung nghiên cứu phù hợp; kết quả nghiên cứu có tính thực tế cao.

3. Điểm tồn tại

Số lượng HV tham gia NCKH chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Khoa KT&QTKD sẽ triển khai thêm nhiều hình thức, đề xuất thêm chính sách nhằm khuyến khích HV tham gia nghiên cứu khoa học, đặc biệt là các nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực Quản lý kinh tế.

5. Tự đánh giá

Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm là 5/7 điểm.

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Việc khảo sát, thu thập ý kiến của các bên liên quan đã được Nhà trường triển khai thực hiện theo định kỳ và theo đúng quy trình đã ban hành. Khoa KT&QTKD đã phối hợp chặt chẽ với Phòng ĐTSĐH để lập kế hoạch và triển khai hoạt động khảo sát. Cụ thể, HV được khảo sát về mức độ hài lòng của người học đối với chất lượng hoạt động giảng dạy cuối mỗi học phần [H5.05.01.05]. Ngoài ra, các đối tượng liên quan khác cũng được tham gia góp ý về CTĐT, về chất lượng HV đang công tác tại đơn vị [H1.01.03.02]. Kết quả thu được từ các cuộc khảo sát này, được Khoa sử dụng như một nguồn dữ liệu quan trọng trong quá trình phân tích nguyên nhân và các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của GV, HV, người sử dụng lao động và đề xuất biện pháp điều chỉnh nhằm cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH [H10.10.06.01], [H1.01.02.10], [H10.10.06.02], [H1.01.01.01; H1.01.01.02; H1.01.01.03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành quy trình và bộ công cụ phục vụ cho việc khảo sát ý kiến các thành phần liên quan. Mức độ hài lòng của các ban quản lý được xác lập, giám sát; kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích làm cơ sở cho việc cải tiến chất lượng đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Số lượng ý kiến đóng góp của các ban quản lý có thể sử dụng để cải tiến chất lượng còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường sẽ thực hiện đa dạng hóa các hình thức khảo sát, chọn lọc các đối tượng khảo sát để thu được ý kiến phản hồi phù hợp, có giá trị và độ tin cậy cao.

5. Tự đánh giá

Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm là 4/7 điểm.

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

CTĐT được thiết kế phù hợp, PPGD và các hoạt động hỗ trợ được triển khai hiệu quả đã cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng cần thiết, đáp ứng yêu cầu của công việc hiện tại. Tỷ lệ HV tốt nghiệp được xác lập, được giám sát chặt chẽ tại Khoa, và Phòng ĐTSĐH. Dữ liệu về quá trình và kết quả học tập của HV được cập nhật thường xuyên trên **hệ thống quản lý đào tạo CMS** của Nhà trường. Nhà trường đã ban hành quy trình và bộ công cụ phục vụ cho việc khảo sát ý kiến các thành phần liên quan. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát; kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích làm cơ sở cho việc cải tiến chất lượng đào tạo.

Tự đánh giá: Tiêu chuẩn 11 có 5/5 tiêu chí đạt yêu cầu, với 2 tiêu chí đạt mức điểm 5/7 và 3 tiêu chí đạt mức điểm 4/7.

PHẦN III. KẾT LUẬN

1. Tóm tắt những điểm mạnh và điểm cần phát huy

1.1. Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và CĐR của CTĐT

Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành QLKT của trường ĐHLN đã được xây dựng rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường, Khoa KT&QTKD và phù hợp với các quy định của các văn bản pháp quy của Nhà nước.

CĐR của chương trình đào tạo ngành QLKT đã được xác định cụ thể, thường xuyên được cập nhật, hoàn thiện đáp ứng các yêu cầu của xã hội thông qua việc trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm.

Mục tiêu và CĐR ra của chương trình đào tạo ngành QLKT được công bố công khai giúp cho người học, người sử dụng lao động và các bên liên quan có thể tiếp cận dễ dàng và có thể tham gia ý kiến hoàn thiện chương trình, nâng cao chất lượng đào tạo.

1.2. Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả CTĐT

Bản mô tả CTĐT của ngành QLKT được xây dựng đúng quy trình, có đầy đủ thông tin cần thiết để giúp cho bên liên quan lựa chọn, xác lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch và giám sát, đánh giá kết quả thực hiện CTĐT.

Bản mô tả CTĐT ngành QLKT được cập nhật 2 năm một lần trên cơ sở lấy ý kiến rộng rãi của các bên liên quan để đảm bảo đáp ứng tốt nhất nhu cầu nhân lực của xã hội. Bản mô tả CTĐT của ngành QLKT được phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan, thể hiện rõ trách nhiệm của Nhà trường trong công tác đào tạo.

Đề cương chi tiết các học phần của ngành QLKT thể hiện đầy đủ các thông tin cần thiết theo đúng quy định, được rà soát, đánh giá, điều chỉnh và cập nhật thường xuyên theo định kỳ 2 năm 1 lần, trên cơ sở có tham khảo ý kiến các bên liên quan để đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu của CTĐT và đáp ứng nhu cầu của xã hội.

1.3. Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH của bậc thạc sĩ ngành QLKT đã được thiết kế dựa trên CĐR thống nhất, mỗi học phần trong CTĐT đều thể hiện sự đóng góp cụ thể của học phần trong việc đạt được CĐR chung của ngành học.

CTDH được thiết kế đảm bảo có cấu trúc hợp lý giữa các khối kiến thức, đảm bảo tính logic của các học phần, có tính kế thừa và tích hợp, được bố trí hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi để người học tiếp thu kiến thức từng học phần và đảm bảo đạt được chuẩn

đầu ra của toàn bộ CTĐT. CTDH được cập nhật thường xuyên theo định kỳ 2 năm một lần theo đúng quy định.

1.4. Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường đã được tuyên bố và phổ biến rộng rãi đến học viên và các bên liên quan qua nhiều phương thức khác nhau. Người học và các bên liên quan hiểu rõ về mục tiêu giáo dục của Nhà trường.

Việc thiết kế, lựa chọn các môn học/học phần giảng dạy được thực hiện dựa trên phân tích ma trận kiến thức, kỹ năng để đảm bảo tính logics với mục tiêu đào tạo và CĐR. Phương thức dạy và học ngành QLKT cũng được sử dụng đa dạng, tăng cường tính tự chủ của học viên, được thiết kế có tính đến tính đặc thù của từng môn học, qua đó giúp nâng cao hiệu quả việc dạy và học.

Các hoạt động dạy và học ngành QLKT trình độ thạc sĩ của trường ĐHLN được thiết kế và thực hiện khoa học, đảm bảo đạt được các CĐR và mục tiêu CTĐT. Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện tốt cho người học rèn luyện các kỹ năng tự học và khả năng học tập suốt đời.

1.5. Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Hoạt động đánh giá KQHT của người học được xây dựng theo quy trình chặt chẽ, bám sát các yêu cầu của CĐR, đảm bảo công khai và quyền lợi của học viên.

Các quy định về đánh giá KQHT của người học theo CTĐT bậc thạc sĩ ngành QLKT rất rõ ràng, công khai, minh bạch và được thông báo công khai đến người học thông qua Website, Sổ tay HV, đề cương chi tiết và được giới thiệu trực tiếp tại lớp vào buổi học đầu tiên và cuối cùng của môn học.

Việc đánh giá KQHT thực hiện theo đúng quy trình, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu chuẩn đầu ra của từng môn học. Phương pháp đánh giá KQHT sử dụng đảm bảo được giá trị, độ tin cậy và tính công bằng cho công tác đánh giá kết quả học tập.

KQHT của người học được công bố đúng quy định giúp học viên kịp thời điều chỉnh và cải thiện kết quả học tập. Khoa KT&QTKD và các phòng chức năng KT&ĐBCL, Phòng ĐTSĐH luôn tạo điều kiện thuận tiện, đơn giản để người học dễ tiếp cận khi cần khiếu nại về KQHT.

1.6. Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Nhà trường và Khoa KT&QTKD luôn chú trọng đến quy mô và quy hoạch đội ngũ GV để đảm bảo chất lượng đào tạo của ngành cũng như đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Quy trình thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bổ

trí, và cho nghỉ hưu đều rõ ràng, công khai, minh bạch, dân chủ, thống nhất với quy định của Nhà nước.

Tỷ lệ GV/HV và định mức các công việc của từng GV sau đại học ngành QLKT được đo lường, xác định rõ ràng và được giám sát bởi Khoa và các đơn vị chức năng trong nhà trường làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng với các quy định về số lượng, khối lượng công việc tiêu chuẩn đối với GV.

Thực hiện thi tuyển viên chức được tổ chức nghiêm túc, công khai, đúng quy định của luật viên chức và quy định của nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức cũng như quy định của nhà trường theo các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng và cụ thể, được phổ biến công khai, minh bạch và rộng rãi đến các đối tượng có liên quan.

Việc bổ nhiệm vào ngạch và bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện theo đúng quy định của nhà trường và quy định chung của việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Nhà nước, đảm bảo công khai và minh bạch, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ nhân lực của Trường.

Quy định GV tham gia giảng dạy ở chương trình đào tạo SDH được xác định rõ và được phân công công khai và minh bạch hàng năm. Việc đánh giá năng lực của GV, NCV được tiến hành đa dạng, thông qua nhiều hình thức và đối tượng đánh giá từ chính bản thân GV, NCV đến Khoa và học viên.

Các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng GV được xác định dựa trên cơ sở đánh giá năng lực giảng viên với các tiêu chí rõ ràng, công khai, thống nhất trong toàn trường. Số lượng giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch đạt tỷ lệ cao.

Nhà trường đã áp dụng phương pháp quản trị theo kết quả công tác đến từng GV, NCV, qua đó có thể đánh giá và quản lý tốt đội ngũ, tạo ra động lực phấn đấu cho mỗi cán bộ, GV.

Việc triển khai kế hoạch KH&CN hàng năm cũng đều có hướng dẫn rõ ràng và thực hiện có nề nếp, đúng kế hoạch, đồng thời thường xuyên được kiểm tra, giám sát của bộ môn, Khoa và nhà trường.

1.7. Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Nhà trường có chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân viên đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Trên thực tế, đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường và của Khoa KT&QTKD có đủ số lượng, có kinh nghiệm công tác và đảm bảo về phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ hỗ trợ, phục vụ tốt cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Nhà trường có các văn bản quy định các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên rõ ràng, cụ thể và được công bố công khai. Các kế hoạch, thông báo,

kết quả và quyết định tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc, công khai và minh bạch. Công tác tuyển dụng của Nhà trường được thực hiện theo đúng quy định trong các văn bản của Nhà nước có liên quan.

Nhà trường có đội ngũ nhân viên hỗ trợ đủ số lượng với cơ cấu hợp lý, đảm bảo chất lượng cho các lĩnh vực công tác: hành chính và phục vụ đào tạo. Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của nhân viên hỗ trợ có nhiều cải thiện, chất lượng đội ngũ NVHT cũng được thường xuyên đánh giá khách quan từ các bên liên quan, đặc biệt là ý kiến của GV và HV, SV, những người trực tiếp sử dụng những hỗ trợ này.

Việc đánh giá, xếp loại đội ngũ nhân viên hằng năm của Trường nói chung và của Khoa KT&QTKD nói riêng được thực hiện nghiêm túc theo các tiêu chuẩn đánh giá được quy định cụ thể. Kết quả đánh giá đảm bảo tính khách quan, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Nhà trường.

Nâng cao chất lượng đội ngũ luôn được Nhà trường quan tâm thông qua việc xác định và tổ chức các chương trình đào tạo ngắn và dài hạn. Đồng thời, nhà trường cũng dành một khoản kinh phí đáng kể cho các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng CBVC. Các kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong 5 năm qua cho thấy các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường phong phú và đảm bảo chất lượng.

1.8. Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Nhà trường có chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, phù hợp với quy định pháp luật, công bố công khai, điều chỉnh và cập nhật thường xuyên.

Các tiêu chí tuyển sinh, đối tượng học chuyển đổi môn học được xác định phù hợp theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và CTĐT đã được xây dựng và công nhận.

Nhà trường có hệ thống giám sát và đánh giá tiến độ học tập của HV cao học do Phòng ĐTSĐH đảm nhiệm với sự phối hợp chặt chẽ với Trợ lý đào tạo sau đại học của Khoa KT&QTKD.

Nhà trường luôn thực hiện tốt các hoạt động tư vấn học tập và các hoạt động hỗ trợ khác cho HV trong suốt quá trình học tập, làm LVTN và các thủ tục tốt nghiệp và nhận bằng tốt nghiệp.

Nhà trường có môi trường trong lành, sạch đẹp, cảnh quan hấp dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động đào tạo và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1.9. Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của Nhà trường đảm bảo về số lượng, được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết phục vụ tốt nhu cầu học tập và nghiên cứu của GV và HV.

Các trang thiết bị được quản lý khoa học, được kiểm tra, đánh giá để nâng cấp, sửa chữa đổi mới thường xuyên phục vụ tốt các nhu cầu chung và các nhu cầu chuyên biệt của HV ngành QTKD. Trong công tác quản lý, Phòng KT&ĐBCL cũng định kỳ lấy ý kiến của GV, HV về mức hài lòng về CSVC, trang thiết bị của Nhà trường.

Thư viện Nhà trường được bố trí đầy đủ phòng chức năng, với nguồn học liệu phong phú bao gồm cả tài liệu in và tài liệu điện tử, cập nhật tương đối thường xuyên, hệ thống tài liệu số được chú trọng đầu tư tạo thuận lợi cho tra cứu và tìm kiếm, đáp ứng tốt nhu cầu học tập và nghiên cứu của GV và HV.

Trung tâm Đào tạo, tư vấn và hỗ trợ doanh nghiệp của Khoa KT&QTKD được trang bị khá đầy đủ trang thiết bị gồm máy tính và các máy văn phòng phục vụ cho các hoạt động thực hành. Nhu cầu về trang thiết bị được Nhà trường thường xuyên đánh giá, kiểm tra, bảo dưỡng đảm bảo hoạt động tốt. Các phòng thực hành đã xây dựng nội dung quản lý, sử dụng đầy đủ đảm bảo độ an toàn cho người sử dụng.

Hệ thống CNTT được quản lý thống nhất một đầu mối, đảm bảo tính chuyên môn hoá cao, bao gồm cả phần cứng và phần mềm đều được thường xuyên cập nhật, đổi mới, đáp ứng tốt nhu cầu của GV và HV. Chất lượng phục vụ của bộ phận CNTT cũng được đánh giá định kỳ làm căn cứ đổi mới, nâng cao chất lượng phục vụ.

Nhà trường có môi trường cảnh quan sạch, đẹp và an toàn. Công tác đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ, kiểm soát và ứng phó với dịch bệnh, công tác khám chữa bệnh được tổ chức thường xuyên và hiệu quả. Trạm y tế của Nhà trường là đầu mối trong đảm bảo sức khoẻ và an toàn vệ sinh trong toàn trường được tổ chức và triển khai hoạt động hiệu quả, từ đó đảm bảo sức khoẻ cho toàn bộ CBCNV trong toàn trường.

1.10. Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Nhà trường có quy trình, hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ về quá trình dạy học, về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của Nhà trường. Kết quả khảo sát và ý kiến các BLQ được sử dụng làm căn cứ cho việc cải tiến chất lượng bên trong. Quá trình dạy giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra đã công bố. Đối với công tác NCKH, Nhà trường có chính sách ưu tiên cho GV tham gia NCKH và quan tâm đầu tư CSVC cho NCKH. Từ đó thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao về giảng dạy và NCKH. GV có nhiều bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín. Các kết quả NCKH được chuyển tải thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong CTDH. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích thường xuyên được rà soát và cải tiến chất lượng, được CB-GV, người học đánh giá cao.

1.11. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

CTĐT được thiết kế phù hợp, PPGD và các hoạt động hỗ trợ được triển khai hiệu quả đã cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng cần thiết, đáp ứng yêu cầu của công việc hiện tại. Tỷ lệ HV tốt nghiệp được xác lập, được giám sát chặt chẽ tại Khoa và phòng ĐTSĐH. Dữ liệu về quá trình và kết quả học tập của HV được cập nhật thường xuyên trên hệ thống quản lý đào tạo CMS của Nhà trường. Nhà trường đã ban hành quy trình và bộ công cụ phục vụ cho việc khảo sát ý kiến các thành phần liên quan. Mức độ hài lòng của các BLQ được xác lập, giám sát; kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích làm cơ sở cho việc cải tiến chất lượng đào tạo.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại

2.1. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và CDR của CTĐT

Việc thu thập ý kiến đánh giá và khảo sát nhu cầu của các bên liên quan chưa được thực hiện một cách thực sự rộng rãi trên nhiều đối tượng ở các vùng miền khác nhau trong quá trình xây dựng và cập nhật, điều chỉnh mục tiêu của CTĐT ngành QLKT.

Việc xác định CDR trên một số khía cạnh còn chưa thực sự gắn kết với Khung trình độ quốc gia Việt Nam, cụ thể: (i) Về kỹ năng: chưa phản ánh được kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu; (ii) Về mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm: chưa phản ánh rõ và chưa đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.

Việc khảo sát ý kiến và đóng góp của các bên liên quan chưa được thực hiện một cách thường xuyên, mà chủ yếu thực hiện vào các kỳ điều chỉnh cập nhật chương trình đào tạo, hình thức thu thập ý kiến cũng chưa đa dạng, CDR chưa được công bố rộng rãi trên nhiều kênh thông tin khác nhau.

2.2. Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT

Nhà trường mới có những quy định về quy trình cập nhật, điều chỉnh đề cương chi tiết theo định kỳ chung (2 năm một lần) mà chưa có quy trình cụ thể cho việc cập nhật thường xuyên sau mỗi học kỳ giảng dạy.

Đề cương chi tiết các học phần nhìn chung chưa chú trọng đến việc cung cấp các nội dung thảo luận, phân tích về các tính huống thực tiễn để tăng cường kỹ năng nhận diện, phân tích, đánh giá vấn đề của học viên.

Việc công bố bản mô tả CTĐT sau khi cập nhật, điều chỉnh còn chưa thực sự kịp thời trên các kênh thông tin phù hợp.

2.3. Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung CTDH

Quản lý kinh tế là lĩnh vực rộng, trong khi đó các học phần, đặc biệt là khối các học phần tự chọn) đưa vào chương trình còn chưa bao trùm hết các lĩnh vực của ngành học, như lĩnh vực quản lý kinh tế trong doanh nghiệp, lĩnh vực quản lý kinh tế của các ngành trong nền kinh tế.

Một số học phần còn quá tập trung cho các chuẩn đầu ra về mặt lý thuyết, các chuẩn đầu ra về kỹ năng và thái độ còn chưa được quán triệt đầy đủ ở một số môn học.

Một số nội dung mới trong QLKT hiện nay chưa được cập nhật kịp thời vào chương trình đào tạo như: Kinh tế số, kinh tế chia sẻ, quản lý trên môi trường mạng...

2.4. Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Trong công tác giảng dạy, do đặc thù của nhiều môn học mà việc áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực còn hạn chế. Ngoài ra, việc đánh giá, kiểm tra các hoạt động tự học, tự nghiên cứu của HV chưa thực sự hiệu quả do học viên phân tán, trình độ chuyên môn không thực sự đồng đều.

2.5. Tiêu chuẩn 5: Đánh giá KQHT của người học

CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm trong CTĐT chỉ thực hiện đánh giá trong quá trình học tập nhưng chưa thể được đánh giá toàn diện.

Phương pháp đánh giá kết quả học tập ở một vài môn học chưa thật sự phong phú. Hầu hết chưa có môn học nào áp dụng hình thức thi vấn đáp và chỉ có ít môn học có hình thức khác như dạng bài tập dự án.

Phòng KT&ĐBCL chưa tiến hành công bố đáp án của đề thi theo quy định mới của Bộ GT&ĐT.

2.6. Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Công tác quy hoạch đội ngũ chưa được thực hiện một cách hệ thống từ quy hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn. Nhà trường cũng chưa có những đánh giá kết quả thực hiện công tác quy hoạch cán bộ trong các giai đoạn trước để rút kinh nghiệm trong các lần xây dựng quy hoạch.

Khoa KT&QTKD chưa thực sự xây dựng được chiến lược phát triển đội ngũ cho Khoa nói chung và ngành QLKT nói riêng. Bên cạnh đó, cán bộ GV, NCV của Ngành còn trẻ do đó còn nhiều khó khăn trong công tác nâng cao chất lượng đội ngũ và vẫn phải huy động một số lượng lớn các GV, nhà khoa học thỉnh giảng từ cơ sở đào tạo khác.

Nhà trường chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu chung có tính liên kết giữa các phòng ban này dẫn đến việc GV mất nhiều thời gian để kê khai các thông tin cần thiết cho việc đánh giá năng lực như số giờ giảng dạy, số giờ NCKH, minh chứng các công trình NCKH...

Việc xác định nhu cầu đào tạo còn mang tính thụ động nhiều, chưa xây dựng được các kế hoạch phát triển đội ngũ dài hạn. Đồng thời, do những hạn chế về ngân sách mà những hỗ trợ của Nhà trường cho các hoạt động phát triển chuyên môn chưa nhiều,

Nhà trường chưa đa dạng được các hoạt động phát triển chuyên môn cho nguồn nhân lực.

Một số nội dung đánh giá kết quả khó đo lường chủ yếu dựa vào kết quả chứ chưa có những đánh giá sâu về chất lượng, hiệu quả và những tác động của các kết quả này đến việc cải thiện năng lực của giảng viên và NCV.

Các hoạt động NCKH của GV chưa đa dạng, chưa có nhiều đề tài nghiên cứu ở các cấp Bộ và Nhà nước, quy mô đề tài còn hạn chế. Việc giám sát chất lượng để đổi mới, cải tiến chất lượng các công trình khoa học hầu như chưa được thực hiện để có đổi mới, cải tiến.

2.7. Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Hiện nay, vẫn còn một số lượng nhất định NVHT chưa đáp ứng tốt yêu cầu công việc, đặc biệt là các hoạt động phục vụ cộng đồng. Kết quả tổng hợp phản hồi của SV cũng xuất hiện những ý kiến đánh giá về chất lượng phục vụ chưa tốt, như thái độ phục vụ của một số NVHT của các bộ phận phục vụ giảng dạy còn hạn chế.

Nhà trường chưa thường xuyên phân tích vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên để xác định các chỉ tiêu tuyển dụng và sử dụng đội ngũ này hợp lý hơn. Với nhiều vị trí công việc, việc áp dụng các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá còn chưa cụ thể, khó đo lường. Do vậy, kết quả đánh giá ở một số bộ phận có thể chưa công bằng, chưa tạo được động lực phấn đấu cho người lao động.

Việc khảo sát sự hài lòng của GV, học viên đối với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên chưa được Nhà trường thực hiện thường xuyên và chưa được xem như kênh thông tin phản hồi bắt buộc khi thực hiện việc phân loại, đánh giá nhân viên.

Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đôi khi còn dàn trải, kinh phí cho đào tạo, bồi dưỡng còn khá khiêm tốn; Nhà trường chưa có tiêu chí ưu tiên, lựa chọn đào tạo để xây dựng đội ngũ NVHT chất lượng.

2.8. Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Nhà trường chưa thực hiện phân tích, đánh giá và dự báo chi tiết về nhu cầu nhân lực hàng năm để xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh.

Nhà trường chưa thực hiện lấy ý kiến phản hồi từ các khoa chuyên môn về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn đầu vào đối với HV cao học.

Nhà trường chưa xây dựng được cơ chế giám sát sự tiến bộ và xây dựng kế hoạch nâng cao sự tiến bộ của người học một cách có hệ thống và chi tiết.

Nhà trường chưa xây dựng được quy trình và phương pháp thực hiện triển khai các hoạt động tư vấn học tập và các hoạt động triển khai ngoài nhà trường (như thu thập số liệu làm LVTN) của HV cao học.

Nhà trường chưa có các điều kiện cần thiết để thực hiện kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm các cơ sở dịch vụ tư nhân xung quanh trường.

2.9. Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Trang thiết bị phục vụ đào tạo ngành QLKT hiện nay chưa được đầu tư đồng bộ, đặc biệt là hệ thống máy tính phục vụ thực hành đã cũ chưa được thay thế, hệ thống mạng internet của Khoa cũng chưa thực sự đáp ứng yêu cầu đối với hoạt động dạy và học.

Hệ thống tài liệu học tập chuyên ngành QLKT của thư viện chưa được cập nhật thường xuyên và chưa phong phú về chủng loại. Các hoạt động liên kết, mở rộng quan hệ hợp tác với cơ quan thông tin, thư viện, các nhà xuất bản còn nhiều hạn chế.

Hiện nay Trung tâm đào tạo, tư vấn và hỗ trợ doanh nghiệp của Khoa KT&QTKD mới đáp ứng được các yêu cầu cơ bản về các thiết bị cứng, các phần mềm hầu như chưa được đầu tư mua sắm. Ngoài ra, việc quản lý sử dụng đôi khi còn làm ảnh hưởng đến kế hoạch giảng dạy và học tập của GV, HV. Việc lấy ý kiến phản hồi từ người học chưa được thường xuyên và hiệu quả.

Hệ thống CNTT của Nhà trường mặc dù được quản lý, cập nhật thường xuyên, tuy nhiên tính hiệu quả công tác quản lý chưa được đánh giá và cải tiến dựa vào các ý kiến từ các bên liên quan.

Mặc dù công tác vệ sinh, an toàn trong Nhà trường đã được triển khai tốt, song các biện pháp thực hiện, các thiết bị phục vụ còn chưa tính đến nhu cầu của người khuyết tật.

2.10. Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Hình thức thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ hiện tại chưa đa dạng, chủ yếu là thu thập qua Bảng hỏi và trao đổi trực tiếp.

Hoạt động thiết kế và phát triển CTDH chưa đẩy mạnh thực hiện đối sánh các chương trình ngoài nước trước xu thế chuyển dịch lao động trong Cộng đồng kinh tế khu vực ASEAN.

Hoạt động phân tích – đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo sự tương thích với CĐR đã tuyên bố trong ĐCCT của môn học chưa được triển khai đồng bộ ở tất cả các môn học.

Việc sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy và học tập còn hạn chế.

Việc thực hiện cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ chưa được triển khai đồng bộ ở tất cả các đơn vị.

2.11. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Việc đối sánh tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp để cải tiến chất lượng được thực hiện qua các năm nhưng chỉ mới thực hiện đối sánh giữa các CTĐT ThS của nhà Trường, chưa thực hiện đối sánh với các CTĐT ThS Quản lý kinh tế của các trường khác.

Thời gian tốt nghiệp trung bình của các khóa còn cao, thường trên 2 năm. Số lượng HV tham gia NCKH chưa nhiều.

Số lượng ý kiến đóng góp của các BLQ có thể sử dụng để cải tiến chất lượng còn hạn chế.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT

3.1. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và CDR của CTĐT

Đối với Tiêu chuẩn 1, các hoạt động nâng cao nhằm cải tiến chất lượng CTĐT cần tập trung vào một số nội dung sau:

- Tăng cường sự tham gia của các bên liên quan vào các hoạt động xây dựng CTĐT thông qua việc thực hiện khảo sát ý kiến đánh giá của các bên liên quan đặc biệt là đối tượng người học và cán bộ quản lý của các đơn vị sử dụng lao động.

- Tiếp tục hoàn thiện CDR của CTĐT trên cơ sở thực hiện các hoạt động khảo sát một cách thường xuyên với các bên liên quan, tiếp tục thực hiện các hoạt động rà soát và chỉnh sửa, cập nhật CTĐT theo định kỳ 2 năm trong đó có sự điều chỉnh CDR cho phù hợp. Đảm bảo CDR phản ánh đầy đủ hơn yêu cầu của các bên liên quan và được công bố rộng rãi hơn.

Các hoạt động nêu trên cần sự phối hợp có hiệu quả giữa Phòng KT&ĐBCL, Phòng ĐTSĐH và Khoa KT&QTKD trong các năm học tiếp theo.

3.2. Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT

Đối với Tiêu chuẩn 2, các hoạt động nâng cao nhằm cải tiến chất lượng CTĐT cần tập trung vào một số nội dung sau:

- Xây dựng kế hoạch lấy ý kiến các bên liên quan gồm HV, cựu HV, GV, các nhà khoa học và các doanh nghiệp/tổ chức sử dụng lao động nhằm đảm bảo CTĐT phản ánh tốt hơn nhu cầu xã hội về ngành học.

- Xây dựng quy định về cập nhật thường xuyên đề cương chi tiết học phần trong quá trình giảng dạy và bổ sung nội dung thảo luận theo tình huống/trường hợp thực tế trong đề cương chi tiết các học phần nhằm nâng cao khả năng phân tích và đánh giá của người học.

- Xây dựng quy định về công bố bản mô tả CTĐT của Nhà trường đảm bảo công bố kịp thời ngay sau khi được cập nhật và phê duyệt.

3.3. Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung CTDH

Đối với Tiêu chuẩn 3, để nâng cao chất lượng trong năm học tiếp theo, Khoa KT&QTKD tiến hành rà soát, cập nhật chương trình đào tạo, xem xét điều chỉnh, bổ sung thêm một số môn học cho phù hợp với yêu cầu của công tác quản lý kinh tế và bối cảnh mới của nền kinh tế; Triển khai rà soát lại CĐR của ngành học và cân nhắc lại sự quán triệt các CĐR chung của ngành học vào từng học phần cụ thể.

3.4. Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Đối với Tiêu chuẩn 4, để nâng cao chất lượng CTĐT trong thời gian tới thực hiện các hoạt động sau:

- Tăng cường đổi mới phương pháp dạy và học của GV và HV thông qua việc thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo về phương pháp giảng dạy.
- Đổi mới cách thức giảng dạy, giảm giờ giảng lý thuyết, tăng thực hành, thực tập, viết chuyên đề thông qua tăng thời lượng thực hành, thực tập và đi thực tế cho HV.
- Đổi mới phương pháp đánh giá KQHT của HV thông qua kết hợp đánh giá năng lực học tập với năng lực tự nghiên cứu của HV.

3.5. Tiêu chuẩn 5: Đánh giá KQHT của người học

Đối với Tiêu chuẩn 5, để nâng cao chất lượng CTĐT trong thời gian tới thực hiện các hoạt động sau:

- Điều chỉnh thang đánh giá về mức tự chủ và trách nhiệm, tăng cường đánh giá thái độ đối với nghề nghiệp trong quá trình thực tế làm việc tại cơ quan, doanh nghiệp.
- Khoa Kinh tế & QTKD và Phòng ĐTSĐH phối hợp với Phòng TCCB tổ chức cho GV tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng về phương pháp đánh giá kết quả học tập trong và ngoài nước.
- Khuyến khích GV đảm nhiệm môn học đa dạng hoá các hình thức thi và kiểm tra trong đánh giá KQHT của HV.
- Phòng KT&ĐBCL phối hợp với khoa KT&QTKD tiến hành công bố đáp án các môn thi theo quy định.

3.6. Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Đối với Tiêu chuẩn 6, để nâng cao chất lượng CTĐT trong thời gian tới thực hiện các hoạt động sau:

- Tổ chức thực hiện quy hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với đội ngũ GV và NCV và xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tham gia giảng dạy ngành QLKT của Khoa KT&QTKD.
- Tăng cường giám sát để đảm bảo khối lượng giảng dạy, NCKH theo quy định của GV và NCV của Khoa KT&QTKD tham gia giảng dạy bậc thạc sĩ ngành QLKT.

- Xây dựng các tiêu chí đánh giá chất lượng công tác của GV, NCV và kế hoạch, phương thức đánh giá năng lực GV, NCV phù hợp.

- Xây dựng kế hoạch lấy ý kiến các bên liên quan về tiêu chuẩn, tiêu chí lựa chọn GV, NCV ngành QLKT.

- Xây dựng và hoàn thiện chiến lược/kế hoạch đào tạo dài hạn cho GV và NCV tham gia các hoạt động đào tạo của ngành QLKT với các lớp bồi dưỡng đa dạng và phù hợp.

- Xây dựng các kế hoạch, định hướng NCKH cho GV, NCV và thực hiện đối sánh để đánh giá mức độ cải tiến chất lượng các hoạt động NCKH của GV và NCV.

3.7. Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Đối với Tiêu chuẩn 7, để nâng cao chất lượng CTĐT trong thời gian tới thực hiện các hoạt động sau:

- Nghiên cứu việc cải tiến, đánh giá chất lượng NVHT theo hình thức trực tuyến/ hòm thư góp ý cho tất cả các đối tượng có thể tham gia đánh giá như HV, GV, cán bộ quản lý... và thông báo công khai kết quả đánh giá, xếp loại CBVC (trong đó có NVHT) trên website của Nhà trường.

- Nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng và lựa chọn NVHT với các hoạt động chính sau: (i) Tăng cường công tác bồi dưỡng, quy hoạch để xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu từ nguồn tại chỗ; (ii) Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc cụ thể của từng vị trí việc làm để có chính sách tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ nhân viên hợp lý hơn; (iii) Thực hiện việc phân tích vị trí việc làm theo yêu cầu đào tạo của nhà trường, trên cơ sở đó xây dựng các tiêu chí phù hợp với vị trí việc làm để tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đúng người, đúng việc, đúng năng lực; (iv) Công khai minh bạch trên các phương tiện thông tin đại chúng, tuy nhiên cần rà soát và đảm bảo tính liên kết thông tin kịp thời, thống nhất từ Nhà trường đến các đơn vị cũng như sự phản hồi, góp ý của người được tuyển dụng, điều động, bổ nhiệm.

- Hoàn thiện các tiêu chí và hướng dẫn đánh giá chi tiết cho từng bộ phận phục vụ và từng cá nhân NVHT; tổng hợp và phân tích các ý kiến phản hồi của GV và HV về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên và trên cơ sở đó xây dựng những tiêu chí mới, thang đánh giá mới nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên phục vụ cho hoạt động đào tạo sau đại học của Nhà trường.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng trung và dài hạn, lập kế hoạch kinh phí hiệu quả và khả thi đối với các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng dành cho NVHT.

3.8. Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Đối với Tiêu chuẩn 8, để nâng cao chất lượng CTĐT trong thời gian tới thực hiện các hoạt động sau:

- Thực hiện hoạt động khảo sát đánh giá ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động của các địa phương một cách thường xuyên hơn nhằm dự báo nhu cầu đào tạo đối với ngành thực sĩ QLKT.

- Tham vấn ý kiến của các tổ chức và cá nhân liên quan (như đơn vị sử dụng lao động, GV, HV) về tiêu chí tuyển chọn đầu vào, đảm bảo tuân thủ các quy định của Bộ GD&ĐT đồng thời phù hợp với đặc điểm của ngành đào tạo.

- Định kỳ thực hiện rà soát, đánh giá quy trình giám sát tiến độ học tập của HV, lấy ý kiến của GV và HV về tính hợp lý của tiến độ học tập, xây dựng hệ thống cảnh báo cá nhân đối với kết quả học tập theo tiến độ của HV, tránh tình trạng để HV thiếu tín chỉ ở giai đoạn chuẩn bị nhận LVTN.

- Định kỳ thực hiện đánh giá quá trình và kết quả công việc của trợ lý ĐTSĐH của Khoa KT&QTKD thông qua khảo sát HV về chất lượng và hiệu quả hoạt động hỗ trợ của trợ lý ĐTSĐH.

- Xây dựng quy trình thực hiện các hoạt động tư vấn học tập (từ khi bắt đầu nhập học đến khi kết thúc toàn bộ quá trình đào tạo) đối với HV, các hoạt động liên quan đến đi thực tế và thu thập số liệu cho LVTN.

- Thực hiện các hoạt động diễn tập liên quan đến công tác phòng cháy, chữa cháy; tăng cường phối hợp với các cơ quan hữu quan trong kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm của các cơ sở dịch vụ xung quanh trường.

3.9. Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Đối với Tiêu chuẩn 9, để nâng cao chất lượng CTĐT trong thời gian tới thực hiện các hoạt động sau:

- Xây dựng kế hoạch mua sắm trang thiết bị và các phần mềm phục vụ đào tạo ngành QLKT theo nhu cầu và đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

- Xây dựng kế hoạch liên kết các nguồn thông tin cho Thư viện, nhất là thư viện số nhằm đáp ứng nhu cầu tra cứu tài liệu cho cả GV và HV, thường xuyên tham vấn ý kiến GV và HV về tài liệu tham khảo.

- Xây dựng kế hoạch nâng cấp và đổi mới trang thiết bị các phòng thực hành, thực tập, thiết lập quy chế quản lý và sử dụng trang thiết bị của Khoa KT&QTKD, đảm bảo hiệu quả.

- Thực hiện định kỳ đánh giá chất lượng của hệ thống trang thiết bị các phòng thực hành của Khoa và CNTT của Nhà trường thông qua thu thập ý kiến của GV và HV, đề xuất cải tiến chất lượng của hệ thống này sau khi khảo sát, đánh giá.

- Từng bước đầu tư CSVC và thực hiện các phương án đảm bảo vệ sinh, an toàn trong Nhà trường có tính đến nhu cầu của người khuyết tật.

3.10. Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Năm học 2022 – 2023, Khoa tiến hành thu thập và hệ thống hóa các thông tin thu thập được từ các BLQ để dễ dàng trong việc trích lọc, sử dụng nguồn thông tin và sử dụng các ý kiến phản hồi cho hoạt động cải tiến của CTDH; thực hiện đa dạng hóa các hình thức khảo sát, đặc biệt là tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm để thảo luận và trao đổi trực tiếp các vấn đề liên quan đến Chương trình.

Từng bước áp dụng hình thức Khảo sát online thông qua hệ thống CMS của Nhà trường, dự kiến áp dụng từ HKI, năm học 2022-2023.

Hoạt động thiết kế và phát triển CTDH tiếp tục được thiết lập, đánh giá và cải tiến. Ngoài ra, Khoa tiến hành thu thập thông tin đối sánh các CTĐT quốc tế để lập kế hoạch rà soát – chỉnh sửa CTDH phù hợp với bối cảnh chuyển dịch lao động trong cộng đồng kinh tế khu vực ASEAN.

Trong năm học 2022 – 2023, Khoa lập kế hoạch và triển khai phân tích – đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo sự tương thích của PPGD, phương pháp kiểm tra – đánh giá với chuẩn đầu ra của môn đã tuyển bổ, làm cơ sở cho việc rà soát, chỉnh sửa, nâng cao chất lượng quá trình giảng dạy và học tập.

Khoa tiến hành nghiên cứu, đề xuất các chính sách khuyến khích GV, HV tham gia các đề tài theo hướng ứng dụng cho công việc đang thực hiện. Trên cơ sở đó, sử dụng kết quả nghiên cứu để cải tiến hoạt động giảng dạy và học tập.

Trong năm học 2022 - 2023, Nhà trường sẽ tiến hành rà soát, điều chỉnh mẫu Phiếu Khảo sát chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, xây dựng các tiêu chí đánh giá phù hợp với mục đích nâng cao chất lượng và hiệu quả của từng dịch vụ.

3.11. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Xây dựng bộ phận chuyên trách đảm nhiệm việc phân tích dữ liệu đào tạo, đối sánh tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp để đề ra giải pháp hỗ trợ người học phù hợp nhất. Từ năm học 2022 – 2023, Phòng ĐTSĐH phối hợp với Khoa KT&QTKD sẽ tiến hành phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thời gian tốt nghiệp trung bình của HV qua các khóa học để đưa ra giải pháp tăng tỷ lệ HV tốt nghiệp đúng hạn.

Tiếp tục cải tiến nội dung CTĐT sao cho phù hợp với đối tượng tham gia khóa học căn cứ trên nhu cầu thực tế của các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực Quản lý kinh

tế.

Phòng ĐTSĐH sẽ triển khai thêm nhiều hình thức, đề xuất thêm chính sách nhằm khuyến khích HV tham gia nghiên cứu khoa học, đặc biệt là các nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực quản lý kinh tế.

4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chuẩn 1								4,67	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3				4						
Tiêu chuẩn 2								5,00	3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3								5,00	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4								5,00	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
Tiêu chuẩn 5								5,40	5	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2						6				
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4						6				
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6								4,14	7	100
Tiêu chí 6.1				4						
Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5				4						
Tiêu chí 6.6				4						
Tiêu chí 6.7				4						
Tiêu chuẩn 7								4,80	5	100
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					

Tiêu chí 7.4				4						
Tiêu chí 7.5					5					
Tiêu chuẩn 8								4,80	5	100
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4				4						
Tiêu chí 8.5					5					
Tiêu chuẩn 9								4,40	5	100
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3				4						
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5				4						
Tiêu chuẩn 10								5,00	6	100
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11								4,40	5	100
Tiêu chí 11.1				4						
Tiêu chí 11.2				4						
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT										

PHẦN IV. PHỤ LỤC

....., ngày tháng năm 20...

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)